

Nguyệt san



CHÁNH PHÁP

HOẢNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



Vu Lan — Mùa Báo Hiếu

33

THÁNG 08.2014



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704. U.S.A. — Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Thánh Thanh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: Vĩnh Hào
 Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Vĩnh Hào
Hình bìa: Phương Hồng

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **THÔNG BẠCH VU LAN** (Sa môn Thích Thắng Hoan), trang 8
- ♦ **THÁP SÁNG NGỌN ĐÈN CHÁNH PHÁP** (Sa môn Thích Tín Nghĩa), tr. 9
- ♦ **BÀI THƠ VẠN NƯỚC VÀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ CỦA THIÊN SƯ PHÁP THUẬN** (Lê Mạnh Thát), trang 10
- ♦ **NHƯ GIỌT TRẮNG SAO** (thơ Mặc Phương Tử), trang 12
- ♦ **TÌM HIỂU LỜI DẠY CỦA ĐỨC PHẬT... TRONG TIỂU KINH SACCACA** (Nguyễn Đạo), trang 13
- ♦ **LÀN THÂN MỘT DÒNG SÔNG** (thơ Minh Đức Triều Tâm Ảnh), trang 16
- ♦ **LỄ VÍA BÒ TÁT THÍCH QUẢNG ĐỨC** (Thích Minh Dung), trang 17
- ♦ **SỰ TRUYỀN THỪA NI GIỚI ĐẮC PHÁP TRONG LỊCH SỬ PHẬT GIÁO** (Thích Nữ Giới Hương), trang 18
- ♦ **MỘT NĂM ĐÃ TRÔI QUA** (Thích Như Điển), trang 20
- ♦ **PHẬT GIÁO YẾU LƯỢC / Phật giáo phải chăng là một triết học?** (Thích Trí Chơn dịch), trang 26
- ♦ **CHIẾC ÁO LEN NẤU** (thơ Lưu Trọng Tường), trang 31
- ♦ **NHÃN NHỤC – Câu chuyện dưới cờ** (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ♦ **TÙY HÝ CÔNG ĐỨC – Phật Pháp thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ♦ **VÀNG TRẮNG ĐÊM NAY, TRẮNG UYÊN NGUYÊN** (thơ Bạch Xuân Phê), trang 33
- ♦ **CON MẮT – Lá thư đầu tuần** (GDPTVN Trên Thế Giới), trang 34
- ♦ **HOA SEN CỦA MẸ, QUÊ NHÀ, MƠI BAN VỀ CHƠI, MỘNG ƯỚC DANG ĐỜI** (thơ Kha Nguyệt), trang 35
- ♦ **HỌC CHÁNH NIỆM TRONG TÙ** (Phan Tấn Hải dịch), trang 36
- ♦ **MƠ ƯỚC THANH BÌNH** (thơ Đào Văn Bình), trang 39
- ♦ **VU LAN MÙA BẢO HIẾU** (Trần Trọng Khoái), trang 40
- ♦ **TRÁI TIM THƯƠNG** (thơ Chân Minh Trí), trang 42
- ♦ **PHÁP SƯ HUI SHEN VÀ PHÁI ĐOÀN TRUYỀN BÁ PHẬT GIÁO** (Thích Nguyên Tạng dịch), trang 47
- ♦ **NHỮNG GIỌT LỆ HỒNG** (Diệu Nga), trang 49
- ♦ **MÙA VU LAN NĂM ẤY** (thơ Đồng Thiện), trang 51
- ♦ **CÔNG VIÊN CÂY ĐIỆP** (Quảng Thiện Minh), trang 52
- ♦ **NÓI VỚI NGƯỜI BẠN NHỎ** (thơ Trịnh Gia Mỹ), trang 54
- ♦ **TRUYỆN NGÀN TRĂM CHỮ** (Steven N.), trang 55
- ♦ **NẤU CHAY: CÁ CHAY TƯƠNG GỪNG** (Chân Thiện Mỹ), trang 57
- ♦ **CHOLESTEROL CÓ XẤU KHÔNG NHÌ?** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 58
- ♦ **BA MẢ** (thơ Hiền Nguyễn), trang 59
- ♦ **CHỈ VÌ LÒNG NẶNG XAN THAM...** (Tịnh Minh dịch), trang 60
- ♦ **THE STORY OF RESIDENT PUPIL OF THERA MAHAKASSAPA** (Daw Mia Tin), trang 61
- ♦ **ĐỌC "CHÍNH LUẬN" CỦA TRẦN TRUNG ĐẠO** (Huỳnh Kim Quang), trang 62
- ♦ **ON CHA MẸ** (thơ Mỹ Trang), trang 63
- ♦ **NĂNG LƯỢNG TU TẬP** (TN Giới Định), trang 66
- ♦ **BẠCH XUÂN PHÊ - NGƯỜI THƠ DƯỚI BÓNG THIÊN** (Nguyễn Hoàng Lăng Du), trang 68
- ♦ **YÊU CON TRỌN VEN BÔNG BA CHĂNG NÈ** (thơ Trần Ý Thu), tr. 69
- ♦ **MỪNG NGÀY KHÁNH TUẾ... TRƯỜNG HẠ PHỒ ĐÀ SƠN TU VIỆN** (Diệu Trang), trang 70
- ♦ **QUẦY DÉP VỀ TÂY** (Huệ Trân), tr. 72
- ♦ **LÀNG LẠI TÌNH MẸ, MƯƠI THƯƠNG DẰNG MẸ** (thơ Nguyệt Bình), trang 74

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 33, tháng 08 năm 2014, do Tổng Hội Cư Sĩ PGVN (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý hội và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

TRỜI CAO, BIỂN RỘNG

Không đo không lường được tình thương, người ta thường lấy vẻ bao la của trời biển để tạm so sánh. Nhưng kỳ thực, trời và biển có những giới hạn, biên tế. Trời, vẫn chỉ là một vòm không gian hữu hạn trong tầm mắt con người; biển, là bốn đại dương trên mặt địa cầu; không thể nói là vô biên, vô lượng.

Tình thương của cha mẹ dành cho con cái, thì khác: không giới hạn.

Tình thương vô hạn chỉ khi nào nó được biểu lộ một cách không điều kiện, không phân biệt và so sánh đối tượng (hư hay nên; xấu hay đẹp; cãi lời hay vâng lời), và quan trọng nhất: không đòi hỏi sự đền đáp.

Người Á-đông có vẻ xem thường nền văn hóa thực dụng của tây phương, nhất là trong tương quan tình cảm và ứng xử giữa cha mẹ và con cái; cho rằng con người ở đó không biết, không sống với chữ Hiếu—đạo lý lâu đời của truyền thống đông phương; và vì không có Hiếu đạo, gia đình và xã hội trở nên bất toàn, rối loạn. Quan niệm này đúng trong nhiều trường hợp, nhất là đối với những người con: không nhắc nhở, không gọi ý, thì đứa con có thể không nhớ và không cảm thấy mình có bổn phận phải làm điều gì đó để gọi là đền đáp công ơn sinh dưỡng rất to lớn của cha mẹ.

Cha mẹ và con cái ở xã hội tây phương, do nếp suy nghĩ truyền thống và cũng do vì phúc lợi và an sinh xã hội được cung cấp đầy đủ bởi guồng máy chính phủ, thường không có ý niệm hay nhu cầu về sự đền đáp khi cha mẹ về già. Những đứa con tây phương được sinh dưỡng tự nhiên trong gia đình, ăn học, lập thân, rồi trở thành những bậc cha mẹ nuôi dạy con cái thế hệ kế tiếp, mà không hề bận tâm, lo nghĩ việc báo đền ân đức cha mẹ. Điều mà con cái tây phương dành cho cha mẹ là lòng thương kính, biết ơn, chứ không có bổn phận hay trách nhiệm “nuôi” lại cha mẹ lúc tuổi già. Cha mẹ tây phương không vì con cái không chăm nom mình mà gán tội bất hiếu, bất nghĩa; bởi vì họ vốn không đòi hỏi sự báo đáp nào ngay từ lúc ban đầu mới sinh con, nuôi con. (Từ điểm này, có thể đặt dấu hỏi là cha mẹ tây phương có “thực dụng” không, hay ngược lại!)

Trong khi đó, cha mẹ và con cái ở xã hội đông phương, sống với đạo Hiếu cao đẹp lâu đời, luôn được nhắc nhở về sự đền ơn, ngay từ lúc con cái còn ấu thơ. Còn nhỏ chưa biết sinh kế thì phải ngoan ngoãn, biết nghe lời, chăm học, học giỏi (làm ngược lại thì đều là bất hiếu); trưởng thành thì phải biết sinh nhai để tự lo bản thân, lập gia đình, có con nối dõi, và “nuôi” lại cha mẹ lúc tuổi già không người chăm sóc (không làm được điều sau cùng này thì bất hiếu; hoặc có làm mà kể lể quá thì cũng bất hiếu, cho nên mới có câu than oán trong tục ngữ: “Cha mẹ nuôi con biển hồ lai láng, con nuôi cha mẹ con tính thẳng tính ngày”). Nói chung, con cái đông phương được giáo dục phải nói, nghĩ và làm

gì để đền đáp công ơn cha mẹ, nên việc tri ân báo hiếu là điều tự nhiên.

Từ sự khác biệt trên, có thể nói là đông hay tây phương đều có nét đẹp cần áp dụng cũng như điểm không hay cần thay đổi. Có thể đề nghị một hình ảnh lý tưởng như vậy chẳng: làm con, nên sống như người con phương đông; làm cha mẹ, nên sống như cha mẹ phương tây.

Yêu thương, tận tụy nuôi dưỡng con cái mà không đặt điều kiện hay đòi hỏi bất kỳ sự báo đáp nào, thì tình thương của cha mẹ, trời biển cũng không sánh bằng.

Tình thương vô hạn ấy tất nhiên sẽ được cảm nhận từng ngày bởi con cái từ lúc thơ ấu đến khi trưởng thành, để rồi với niềm thương kính tự nhiên và chân thành, con cái tự biết cần làm gì để bày tỏ sự nhớ ơn và lòng thương của mình đối với cha mẹ; không cần phải kêu gọi, nhắc nhở, trách móc hoặc gán những tội danh nào đó cho con.

Làm con, không phải tất cả đều sẽ làm cha mẹ khi trưởng thành; nhưng tất cả bậc cha mẹ đều đã là những người con. Hãy nhìn những gì đang làm cho con cái ngày nay mà tưởng nhớ những gì cha mẹ đã làm cho mình trong quá khứ; tự hỏi mình đã làm gì trong vai trò đứa con đối với cha mẹ, đừng đặt vấn đề con cái sẽ làm gì cho mình ở tương lai. Có điều kiện, không điều kiện, vô hạn hay hữu hạn, đều bắt đầu từ vị trí làm cha mẹ. Đừng đặt tình thương bao la của mình dành cho con vào bất cứ cái khuôn nào, dù là cái khuôn được cho là truyền thống cao đẹp; bởi vì có khuôn khổ là có điều kiện; có điều kiện thì không còn vô hạn, vô biên.

Người con Phật dần thân vào đời có một câu nằm lòng: “*Thi ân đừng cầu đền đáp, vì cầu đền đáp là việc làm có mưu tính.*” Bậc cha mẹ cần hành xử như thế đối với con cái. Cũng có thể nói ngược lại rằng, người con Phật khi cứu giúp chúng sanh, nên học tinh thần ấy từ nơi lòng thương không điều kiện của cha mẹ dành cho con cái. Không điều kiện là bước khởi đầu cho hành trình làm cha mẹ, cũng là bước khởi đầu của bỏ-đề tâm, của bỏ-tát hạnh.

Và hạnh phúc thay cho những người con khi gần gũi cha mẹ, như được tắm gội trong đại dương yêu thương bất tuyệt; và khi xa, nhớ về cha mẹ như bầu trời êm ả, che chở và bảo bọc lấy mình giữa cuộc đời đầy bất trắc, gian nan.

Trời cao, biển rộng, không đủ lớn để hình dung hay so sánh tình thương cha mẹ; bởi vì không phải lúc nào, ở đâu, cũng có thể nhìn thấy trời, biển. Nhưng cha mẹ thì luôn luôn, bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu, cũng ngự trị trong lòng con.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

HÀN QUỐC: Blogger người Canada chia sẻ hiểu biết về Phật giáo Hàn quốc

Dale Quarrington người Canada, 36 tuổi, một giáo viên tiếng Anh tại Hàn quốc, cũng đóng góp vào việc truyền bá vẻ đẹp và kiến thức về Phật giáo Hàn quốc thông qua blog của mình với tiêu đề "Những cuộc phiêu lưu Chùa chiền của Dale".

Từ tháng 1-2011, Quarrington đã viếng hơn 190 ngôi chùa tại Hàn quốc – bình quân mỗi tháng 3 hoặc 4 chùa – và đã đăng lên những hình ảnh và bình luận.

"Tôn giáo, lịch sử, nghệ thuật Hàn quốc, tất cả những điều mà tôi say mê tại Hàn quốc, được cô đọng tại chùa chiền Hàn quốc", Quarrington nói. "Tìm hiểu về chùa Hàn quốc có nghĩa là tìm hiểu về lịch sử Hàn quốc".

Sinh ra và lớn lên tại Canada, Quarrington trở nên quan tâm đến Phật giáo khi đang học trung học. "Tôi quan tâm đến tôn giáo từ khi còn nhỏ", anh nói. "Ngôi chùa đầu tiên mà tôi tình cờ gặp là một ngôi chùa Hàn quốc tại Toronto".

Quarrington nói rằng trong mắt một người ngoại quốc, sự cao thượng là phần lõi cuốn nhất của Phật giáo Hàn quốc.

"Phật giáo Hàn quốc khác với Phật giáo Đông bắc Á vì nó bao gồm tất cả, không chỉ Phật giáo mà còn là tín ngưỡng thuật sĩ, Đạo giáo và Khổng giáo".

(Buddhist Art News – June 2014)

PAKISTAN: Phát hiện gò đất Phật giáo cổ đại ở Islamabad

Islamabad, Pakistan – Một nhóm các nhà nghiên cứu đã phát hiện một gò đất cổ đại tại Khu E-11, nơi họ tìm thấy một mảnh gốm vỡ bằng đất nung có hình vẽ con bò, được cho là có niên đại từ thời Đồ đồng.

Được phát hiện trong công tác lập tài liệu của Nhóm Nghiên cứu Potohar (PRG) và trường Cao đẳng Nghệ thuật Quốc gia (NCA), gò đất này đang trong tình trạng không an toàn và cần được bảo quản.

Nó nằm ở cực bắc Khu E-11, cách những ngôi nhà và khu ổ chuột gần đó vài mét.

PRG tìm thấy hình vẽ con bò này trên một mảnh vỡ bằng đất nung trong khi thu thập trên bề mặt mà không đào xới gì.

Cong việc khai quật đã được tiến hành tại vùng lân cận Islamabad xưa kia và những tàn tích của một di tích Phật giáo đã được phục hồi từ Khu G-12. Tất cả những vật tạo tác này nằm trên một con đường cổ đại mà những đoàn lữ hành Phật giáo từng đi qua để đến Taxila.

Các nhà nghiên cứu hy vọng rằng nhà chức trách sẽ tiến hành khai quật di tích và bảo vệ địa điểm di sản này khỏi bị cướp đoạt thêm. Họ đề nghị làm rào chắn để bảo vệ cho gò đất nói trên không bị xâm phạm nữa.

(The Tribune (Pakistan) – June 16, 2014)

HOA KỲ: Cuộc đời mới của nhà điêu khắc gỗ Tây Tạng tại thành phố Rochester

Rochester, New York – Xa quê hương Tây Tạng hàng nghìn dặm, nhà điêu khắc gỗ Sampa Lhundup hiện đang đạt được danh tiếng tại thành phố Rochester và xa hơn thế nữa.

Đơn đặt hàng tác phẩm của ông đến từ Boston, San Francisco và những nơi khác. Lhundup, 41 tuổi, đã ở Rochester từ năm 2011 nhờ sự giúp đỡ của Trung tâm Phật giáo Liên Hoa của Rochester.

Vào năm 1997, sau khi trốn khỏi Tây Tạng để sống lưu vong tại Ấn Độ, Sampa Lhundup bắt đầu học nghề điêu khắc gỗ trong 6 năm. Ông đã sáng tác một số tác phẩm cho các tu viện, trong số đó có một tác phẩm điêu khắc dài 63 feet.

Cuộc sống tại Rochester đã ảnh hưởng đến ông; ông đã kết hợp những thiết kế và biểu tượng mới vào một số tác phẩm, tạo thành nghệ thuật Phật giáo, nghệ thuật với các biểu tượng từ tôn giáo khác, cộng với các tác phẩm không thuộc tôn giáo. Dụng cụ khắc gỗ của ông đồng hành cùng ông, bao gồm hơn 20 cái đục cùng với những cái vỡ, dũa và các vật dụng cần thiết khác.

(buddhistartnews – June 17, 2014)



Blogger người Canada Dale Quarrington
Photo: Korean Joong Ang Daily



Mảnh gốm vỡ bằng đất nung được tìm thấy ở gò đất tại Khu E-11 ở Islamabad—Photo: Riazul Haq



Nhà điêu khắc gỗ Sampa Lhundup đang tạo tác
Photos: Matt Wittmeyer

HOA KỲ: Lễ khánh thành ngôi chùa đình vàng tại Raynham

Wat Nawamintararachutis, ngôi chùa Thái lớn nhất thế giới bên ngoài Thái Lan, đã chính thức khánh thành vào ngày 15-6-2014. Chùa tọa lạc tại 382 Đường Nam ở Đông Raynham, Massachusetts.

Chùa có 3 tầng, được xây để tôn vinh Nhà Vua Thái Lan, người được sinh ra tại khu Boston vào năm 1927.

Ngôi chùa tuyệt đẹp này có một gác chuông vàng cao 185 feet. Bên trong chùa có một trung tâm thiền định và một sân ngoài trời để cộng đồng tụ họp và cầu nguyện.

Hơn 500 tăng sĩ đã đến dự lễ khánh thành chùa kéo dài một tuần này. Ngoài ra còn có sự tham dự của các quan chức từ Thái Lan và những hội viên của cộng đồng Mỹ gốc Thái đến từ khắp đất nước Hoa Kỳ.

Ngôi chùa có kinh phí 60 triệu usd này được xây dựng với nguồn vốn huy động hoàn toàn thông qua cúng dường.

(Mahabodi IP - June 18, 2014)



Chùa Wat Nawamintararachutis vừa được khánh thành vào tháng 6-2014 tại Raynham
Photo: NBC

TÍCH LAN: Lễ hội Poson của Phật giáo Tích Lan

Tại Tích Lan, 12 triệu Phật tử đã tổ chức lễ hội Poson vào ngày trăng tròn 12-6-2014.

Poson là một sự kiện trọng đại thường niên theo Phật lịch Tích Lan để kỷ niệm sự du nhập của Phật giáo vào Tích Lan vào thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên.

Tại thành phố cổ Anuradhapura, Lễ hội Poson 2014 được tổ chức với sự tham dự của tổng thống Mahinda Rajapaksa. Tổng thống tham gia một nghi lễ tôn trí xá lợi tại bảo tháp Sandagiri của Anuradhapura cũng như các lễ cúng dường vật phẩm tại cây Đại Bồ đề Sri. Để kỷ niệm sự kiện này, hơn 200 gian hàng thực phẩm miễn phí được thiết lập tại khu vực Anuradhapura. Những

người hành hương và khách mời được chiêu đãi các bữa ăn, món tráng miệng, món ăn nhẹ và thức uống miễn phí suốt ngày trăng tròn này.

Tương tự, các lễ hội Poson như vậy cũng được tổ chức tại hầu hết các thành phố lớn với sự tham dự của giới chức chính quyền.

(Buddhist Door - June 19, 2014)

ẤN ĐỘ: Bang Maharashtra lên kế hoạch cho hành trình tâm linh Phật giáo

Hội đồng Cục Du lịch Maharashtra (MTDC) đã quyết định phục hồi di sản 2.600 năm tuổi bằng cách chuyển hóa một bảo tháp ở Nalasopara thành điểm xuất phát của một mạng mạch tâm linh.

MTDC đã chọn bảo tháp tại Nalasopara vì tương truyền từ nơi này 2 người con của A Dục Vương đã ra đi để đến Tích Lan truyền bá đạo Phật. Sáng kiến này sẽ giúp thúc đẩy du lịch tâm linh Phật giáo tại bang.

Các sử gia và chuyên gia nghiên cứu về Phật giáo nói rằng Nalasopara từng là một trung tâm thương mại thịnh vượng ở tây Ấn, với những tuyến đường thương mại đến Trung Hoa, Nhật Bản, Tích Lan và nhiều nước khác. Theo truyền thuyết các bảo tháp được hình thành sau khi một nhà sư lập ra một Tịnh xá Phật giáo. Nơi này về sau được A Dục Vương chuyển thành một bảo tháp.

Từ Nalasopara, hành trình tâm linh nói trên sẽ đi tiếp đến các điểm đến Phật giáo khác trước khi kết thúc tại Dikshabumi ở Nagpur.

(Buddhist Art News - June 22, 2014)



Di tích Phật giáo tại bang Maharashtra—Photo: DNA

NEPAL: Bà Aung San Suu Kyi viếng Lâm Tì Ni

Bà Aung San Suu Kyi, người đoạt giải Nobel Hòa bình, đã nhận được sự chào đón nồng nhiệt tại Tịnh xá Dharmakirti ở Naghal, Kathmandu, khi bà đến thăm nơi này vào ngày 16-6-2014. Cách đây 40 năm, vào năm 1974, bà đã từng học giáo lý Phật giáo trong 9 tháng tại Tịnh xá này.

Suu Kyi đã viếng Lâm Tì Ni một ngày trước đó, ngày 15-6. Bà nói rằng mình cảm thấy hạnh phúc vô bờ khi cuối cùng bà có thể viếng Lâm Tì Ni sau rất nhiều chuyến thăm Nepal. Bà đã chiêm bái và lễ Phật tại ngôi chùa Miến Điện ở Lâm Tì Ni.

Suu Kyi, người ủng hộ nền dân chủ cho miến Điện và thế giới, đã đến Nepal theo lời mời của Ban quản trị Đài kỷ niệm BP để đánh dấu lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh của cố Thủ tướng BP Koirala. Trong thời gian ở Nepal, bà đã hội kiến với Tổng thống, Thủ tướng và các lãnh đạo các đảng phái chính trị khác nhau của Nepal.

(Buddhist Door - June 24, 2014)



Aung San Suu Kyi tại Kathmandu, Nepal—Photo: S/M, Shiiwakoti

NHẬT BẢN: Nhà nghỉ hữu nghị Nhật - Hàn trên đường hành hương Shikoku

Những nỗ lực xây dựng một nhà nghỉ tại Takase, Mitoyo (tỉnh Kagawa, Nhật Bản) dọc theo đường hành hương Phật giáo đang được tiến hành để kỷ niệm những mối quan hệ Nhật - Hàn.

Choi Sang-hee, một người Hàn quốc 38 tuổi, là người trở thành phụ nữ nước ngoài đầu tiên tại Nhật được chứng nhận như một hướng dẫn viên cho người hành hương, đã quyết định xây dựng một tòa nhà để cảm ơn lòng tốt mà cô đã nhận được trong những chuyến đi của cô.

Được gọi là đường "henro", mạng mạch hành hương này bao gồm 88 ngôi chùa Phật giáo xung quanh đảo Shikoku, là một trong

những địa điểm tôn giáo nổi tiếng nhất tại Nhật Bản.

Cho Sang-hee nói rằng “nhà nghỉ hữu nghị Nhật – Hàn tại Ta-kase” là cách để cô đền đáp lại những người đã mời cô trà và giúp đỡ cô trong các cuộc hành trình. Cô đã hoàn thành tuyến hành hương này 4 lần.

Nhà nghỉ của Cho dự kiến sẽ được xây giữa điểm dừng thứ 70 (là chùa Motoyamaji) và 71 (là chùa Iyadaniji) ở Mitoyo, nơi có rất ít khu nghỉ ngơi.

Cô dự định trang trải 2 triệu yen cho việc xây dựng bằng những khoản tiền đóng góp, và hy vọng sẽ hoàn thành công trình vào tháng 10.

(buddhistartnews – June 24, 2014)



Địa điểm (vòng tròn màu đỏ) để xây nhà nghỉ hữu nghị Nhật Bản – Nam Hàn theo kế hoạch
Photo: Asahi Shimbun

ẤN ĐỘ: 25 sự kiện thế giới để kỷ niệm “Năm của Đạt lai Lạt ma”

Chính phủ lưu vong Tây Tạng đã tuyên bố năm 2014 là “Năm của Đạt lai Lạt ma” để tôn vinh kỷ niệm 25 năm giải thưởng Nobel Hòa bình của ngài.

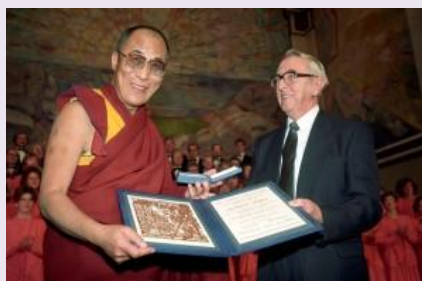
Tashi Phuntsok, Bí thư Bộ Thông tin và Quan hệ Quốc tế của Chính quyền Trung ương Tây Tạng (có trụ sở tại Dharamsala, Ấn Độ), đã công bố các kế hoạch cho 25 sự kiện kỷ niệm của thế giới từ tháng 6 đến ngày 20 tháng 12, là ngày Đức Đạt lai Lạt ma nhận giải Nobel Hòa bình vào năm 1989.

Các sự kiện này sẽ “bao gồm sinh nhật thứ 79 của Đức Đạt lai Lạt ma, Ngày Dân chủ Tây Tạng, và ngày sinh của Mahatma Gandhi”.

Bí thư Phuntsok nói thêm rằng “những sự kiện này được tổ chức hàng năm bởi chính phủ Tây Tạng

lưu vong, nhưng năm nay sẽ được tổ chức ở qui mô rộng lớn hơn, với sự tham dự của nhiều khách mời hơn, trong số đó có những người đoạt giải Nobel Hòa bình”.

(Buddha Dharma – June 24, 2014)



Đức Đạt lai Lạt ma nhận giải Nobel Hòa bình vào năm 1989
Photo: Buddha Dharma

NAM HÀN: Seoul chấp thuận việc tổ chức sự kiện Phật giáo liên-Triều

Ngày 20-6-2014, Bộ Thống nhất của Nam Hàn cho biết nước này có kế hoạch phê duyệt sự kiện tôn giáo do các nhóm Phật giáo Nam và Bắc Hàn đồng tổ chức trên núi Kumgang của Bắc Hàn vào cuối tháng này.

Tổng phái chính của Nam Hàn là Tào Khê cùng với hiệp hội Phật giáo Bắc Hàn đang vận động tổ chức sự kiện chung kỷ niệm 70 năm ngày mất của Han Yong-un vào ngày 29-6 trong một ngôi chùa trên núi Kumgang ở Bắc Hàn.

Hàn là một nhà cải cách và nhà thơ Triều Tiên nổi tiếng của thế kỷ 20, người đã đấu tranh cho nền độc lập của Triều Tiên chống lại tham vọng của đế quốc Nhật Bản muốn xâm chiếm bán đảo này.

Các nhóm Phật giáo từ 2 miền Nam, Bắc Hàn đang thực hiện những bước cần thiết để tổ chức sự kiện nói trên, bao gồm việc gửi lời mời chính thức của nhóm Bắc Hàn đến phía Nam Hàn.

(Mahabhodi IP – June 26, 2014)

ẤN ĐỘ: Phát hiện 2 hình Phật khắc trên đá tại bang Arunachal Pradesh

Một nhóm nghiên cứu từ Ban Nghiên cứu Khảo cổ Ấn Độ (ASI) gần đây đã tìm thấy 2 hình Phật khắc trên đá ở huyện Tawang của bang Arunachal Pradesh. Đây có thể là phát hiện mới về truyền thống Phật giáo

của khu vực này.

Nhóm nghiên cứu do nhà khảo cổ học SS Gupta đứng đầu đã tìm thấy một hình Phật trên một tảng đá bị rơi gần Zemithang, cách Tawang 94 km về phía bắc.

Bên dưới hình khắc này có một dòng chữ khắc bằng phương ngữ bản địa, dường như là lời tôn kính Đức Phật.

Hình khắc này dài 1,95 cm và rộng 2,15 m, cho thấy hình ảnh Đức Phật ngồi trên tòa sen với một vầng hào quang sau đầu.

Một hình Phật ngồi trên tòa sen khắc trên đá khác được phát hiện tại Tak Tsang, huyện Tawang. Bên dưới hình khắc dài gần 50 cm và rộng 30 cm này có dòng chữ tôn vinh Đức Phật bằng tiếng địa phương.

Ông Gupta nói, “Việc phát hiện những hình như vậy rất độc đáo. Sự tồn tại của các dạng bảo tháp Phật giáo khác nhau, của cả truyền thống Phật giáo Tiểu thừa và Đại thừa cho thấy đây là một tôn giáo tồn tại trong khu vực. Nó cũng phản ánh tôn giáo này thịnh hành trong các bộ lạc như thế nào. Sự ảnh hưởng của các nước láng giềng như Miến Điện và Tây Tạng có thể được thấy rõ tại đây”.

(Buddhist Art News – July 2, 2014)



Vị trí Bang Arunachal Pradesh tại Ấn Độ—Photo: Buddhist Art News

THÁI LAN: Lễ hội nền truyền thống đánh dấu sự bắt đầu của Mùa Chay Phật giáo

Bangkok, Thái Lan – Nhân dịp bắt đầu Mùa Chay Phật giáo năm nay, Tổng cục Du lịch Thái Lan (TAT) mời du khách quốc tế và nội địa tham gia cùng cộng đồng Phật tử Thái Lan trên toàn quốc, với các lễ hội nền được tổ chức tại nhiều nơi từ ngày 11 đến 13 tháng 7.

Trong số đó có lễ hội Nền Sáp Quốc tế và Lễ Rước Nền Sáp tại Thung Si Mueang, Ubon Ratchathani, với những kiệt tác điêu khắc nền đẹp nhất thế giới của các nghệ sĩ từ Bungaria, Costa Rica, Ấn Độ, Mã Lai, Mễ Tây Cơ, Tây Ban Nha, Ukraine, Hoa Kỳ và Thái Lan; Lễ hội Nền Korat tại Đài Tưởng niệm Tao Suranaree với nền khắc tinh xảo mô tả cuộc đời của Đức Phật; Lễ Rước Nền và Làm Công đức Trên Lưng Voi tại Surin – đám rước của gần 100 con voi được trang trí công phu chở một số vị hòa thượng của thị trấn trong một lễ làm công đức độc đáo và đáng nhớ...

Mùa Chay Phật giáo, ở Thái Lan gọi là Khao Phansaas, kéo dài 3 tháng. Trong thời gian này, chư tăng ở trong chùa để học và tuân thủ đúng những lời dạy của Đức Phật.

(Travel Daily News – July 3, 2014)



Một tác phẩm Phật giáo của Lễ hội Nền, Thái Lan
Photo: Travel Daily News

ẤN ĐỘ: Những nỗ lực để cứu cây Bồ đề tại Sarnath

Varanasi, Uttar Pradesh – Sở lâm nghiệp bang Uttar Pradesh đã đề ra một nhiệm vụ để cứu cây Bồ đề nổi tiếng thế giới tại Tịnh xá Mulagandha Kutī ở Sarnath, sau khi một nhánh của cây bị gãy đổ trong trận bão hồi tháng 6.

"Cây này được trồng vào ngày 12-11-1931 bởi Devamitta Dhammapala, người sáng lập Hội Đại Bồ đề Ấn Độ, để đánh dấu ngày khánh thành Tịnh xá Mulagandha Kutī. Nó là hậu duệ của cây Bồ đề nguyên thủy của Tích Lan. Tuần trước, một nhánh của nó đã ngã xuống do các lý do tự nhiên. Điều này gây lo lắng cho Phật tử cũng như các nhà bảo vệ môi trường và các viện sĩ, và một "nhiệm vụ cứu cây Bồ đề" đã được khởi động để thông khí đúng cách cho rễ cây nhằm tăng cường cho các nhánh của nó", CM Tripathi, một viên chức của Khu Lâm nghiệp Xã hội, nói.

Ông nói thêm rằng Thư ký

chung của Hội Bồ đề Ấn Độ, P Shivli Thero, quyết định lấy ý kiến của các chuyên gia từ Dehradun để cứu cây này. Sau đó, các nhóm chuyên gia từ Viện Khoa học Nông nghiệp của trường Đại học Banaras Hindu (BHU) cũng được mời đến. Họ đã bắt đầu quá trình thử nghiệm đất, và sau tất cả những ứng dụng này, sở lâm nghiệp đã đưa ra một nhiệm vụ để cứu cây.

(tipitaka.net – July 6, 2014)



Cây Bồ đề tại Sarnath, Ấn Độ
Photo: sarnathindia.com

PAKISTAN: Tượng 'Đức Phật cấm thực' bị hư hỏng trong khi lau chùi

Lahore, Pakistan – Viên ngọc quý của Bảo tàng Lahore – tác phẩm điêu khắc 'Đức Phật Cấm thực' – mạng một vết hồng mồi, do một nỗ lực nghiệp dư muốn 'sửa chữa' một cánh tay của tượng, sau một rủi ro xảy ra trong khi lau chùi.

Tượng Phật này từ lâu đã bị thiếu mất 2 ngón trên bàn tay phải và một vết nứt trên chân trái. Vài năm trước vết nứt hở rộng trong khi nhân viên lau chùi tượng.

Các cuộc điều tra sau đó khẳng định rằng do 'rủi ro' này và do việc sửa chữa bất cẩn tiếp theo của những người tại phòng thí nghiệm của bảo tàng -với nỗ lực phục hồi của họ không vượt qua ứng dụng chất kết dính thông thường - đã khiến cho tượng bị hỏng hơn là được phục hồi.

Vụ việc xảy ra tại Phòng Triển lãm Gandhara vào ngày 4-4-2012, theo nguồn tin của bảo tàng. Họ nói tượng đã được nhân viên phòng thí nghiệm của bảo tàng "sửa chữa" như một vật bình thường thay vì được xử lý bằng các phương pháp bảo tồn khoa học.

Tượng Đức Phật Cấm thực có niên đại từ thời Gandhara, do Đại tá H.A. Dean khai quật tại Sikri và được tặng cho Bảo tàng Lahore vào năm 1894.

(tipitaka.net – July 6, 2014)



Tượng Đức Phật Cấm thực
Photo: Huntington Archive

ẤN ĐỘ: Đức Đạt lai Lạt ma kêu gọi Phật tử dừng bạo lực đối với người Hồi giáo

Leh, Ladakh – Đức Đạt lai Lạt ma đã đưa ra lời kêu gọi mới gửi đến Phật tử tại Miến Điện và Tích Lan để ngưng bạo lực chống người Hồi giáo.

Phát biểu trước hàng chục nghìn tín đồ Tây Tạng và Phật tử vào dịp sinh nhật thứ 79 (ngày 6 tháng 7) của mình, ngài nói rằng bạo lực tại cả hai nước Phật giáo chiếm đa số này nhằm vào người Hồi giáo thiếu sót là điều không thể chấp nhận.

Vị lãnh đạo tinh thần lưu vong của Tây Tạng nói rằng Đức Phật, trong suốt cuộc đời Ngài, đã thuyết giảng về tình thương yêu và lòng từ bi, và đó là bốn phận và trách nhiệm mà tín đồ của Ngài phải noi theo.

Đức Đạt lai Lạt ma kỷ niệm sinh nhật của mình tại nhà riêng ở ngoại ô của Leh tại quận Ladakh, bang Jammu&Kashmir. Ngài ở Ladakh để truyền Thờ Luân, một tiến trình Phật giáo gia trì cho hàng chục nghìn đệ tử của ngài để họ đạt được giác ngộ.

(Big News Network – July 8, 2014)



Đức Đạt lai Lạt ma tại Ladakh
Photo: Tenzin Choejor

ẤN ĐỘ: Lễ cầu nguyện đánh dấu một năm vụ nổ tại Chùa Đại Bồ đề

Chư tăng đã tham gia buổi lễ cầu nguyện đặc biệt để đánh dấu một năm vụ nổ liên hoàn làm rung chuyển Chùa Đại Bồ đề tại quận Gaya của bang Bihar, xảy ra vào ngày 7-7-2013.

Vụ nổ mà chính phủ mô tả là một vụ tấn công "khủng bố" này đã làm 2 người bị thương.

Để ghi nhớ vụ việc nói trên, các nhà sư từ các nước khác nhau đã tập trung tại Chùa và cầu nguyện cho hòa bình thế giới.

Ông Sanjay Agrawat, thẩm phán quận Gaya, nói rằng an ninh đã được tăng cường và những sự sắp xếp đầy đủ cho du khách và chư tăng đã được thực hiện.

Được UNESCO công nhận là một di sản thế giới vào năm 2002, khu phức hợp Chùa Đại Bồ đề tọa lạc tại Bồ đề Đạo tràng, là nơi linh thiêng nhất của các điểm đến hành hương Phật giáo trên thế giới.

(Big News Network – July 8, 2014)



Lực lượng an ninh bảo vệ Chùa Đại Bồ đề trong lễ cầu nguyện đánh dấu một năm vụ nổ tại đây
Photo: Buddhist Door

CAM BỐT: Bảo tháp tưởng niệm sẽ là 'Sự bồi thường Tượng trưng' dành cho Nạn nhân của Khmer Đỏ

Phnom Penh, Cam Bốt – Ngày 10-7-2014, các quan chức Bộ Văn hóa Cam Bốt và Tòa án xử Khmer Đỏ do Liên Hiệp Quốc hậu thuẫn đã ký một thỏa thuận xây dựng một bảo tháp tưởng niệm cho nạn nhân của chế độ này tại một trung tâm tra tấn trước đây ở Phnom Penh.

Đài tưởng niệm Phật giáo nói trên sẽ được xây trên đất của Bảo tàng Diệt chủng Tuol Sleng, một trường học cũ bị Khmer Đỏ biến thành một trung tâm giam giữ tàn bạo, nơi có hơn 12.000 người đã bị tra tấn và hành quyết bởi cán bộ của chế độ này.

Kranh Tong, quyền trưởng ban điều hành tòa án, nói tại lễ kỷ

kết rằng đài tưởng niệm sẽ đạt được một mục tiêu quan trọng cho tòa án. Công trình này sẽ mất 9 tháng để xây dựng.

Các nạn nhân của chế độ đã kêu gọi bồi thường cho những đau khổ và mất mát do Khmer Đỏ gây ra, bao gồm cả những đài tưởng niệm và những trung tâm sức khỏe tâm thần trong cả nước.

(VOA -News – July 10, 2014)



Bảo tàng Diệt chủng Tuol Sleng, nơi sẽ xây bảo tháp tưởng niệm các nạn nhân của Khmer Đỏ
Photo: Tourism of Cambodia

NHẬT BẢN: Một học viên người Ả rập Saudi phá hoại các tượng Phật

Một người đàn ông Ả rập Saudi đã bị bắt vì phá hoại các tượng Phật tại một ngôi chùa ở trung tâm thành phố Tokyo.

Cảnh sát cho biết họ đã nhận một cuộc gọi khẩn cấp về một người ngoại quốc đã hành xử bạo lực tại chùa Sensoji ở Asakusa, Phường Taito vào khoảng nửa đêm 9-7-2014.

Họ nói các cảnh sát viên vội đến hiện trường và tìm thấy 4 tượng Phật bị vỡ trên mặt đất.

Cảnh sát cho biết họ đã thẩm vấn một người Ả rập 31 tuổi, là một học viên đã tốt nghiệp một trường gần đó, và người này thừa nhận rằng đã phá hủy những pho tượng.

Vụ phá hoại liên quan đến 3 tượng đá cao từ 60 đến 100 cm và một tượng đồng cao 200 cm có niên đại khoảng 300 năm. Tượng đồng này được xem là tài sản văn hóa quan trọng của Phường Taito.

Cảnh sát nói rằng người đàn ông cho biết anh ta cũng đã gây ra một vụ phá hoại tương tự tại một ngôi chùa khác.

(NHK World – July 11, 2014)

NHẬT BẢN: Hai nghệ sĩ Nhật và Nam Hàn cộng tác để triển lãm tượng Phật tại Nara

Nara, Nhật Bản – Với một cuộc triển lãm đặc biệt về các tượng Bồ Tát Di Lặc, nhà điêu khắc Nhật Bản Takashi Kikuchi, 53 tuổi, và đồng nghiệp người Nam Hàn Park Dong-ki, 47 tuổi, đã hợp tác để chứng minh nền văn hóa Phật giáo từng du nhập vào Nhật qua Bán đảo Triều Tiên như thế nào.

Tác phẩm của 2 ông hiện đang trưng bày tại Bảo tàng Nghệ thuật Tỉnh Nara.

Kikuchi đã điêu khắc những tượng bằng hợp chất, cao 1.3 m, có khoác vải len màu đỏ, vàng và da cam.

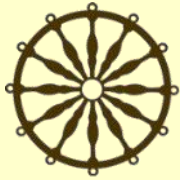
Park tạo tác hơn 20 tượng gốm, một số được đặt trên một chiếc thuyền gỗ do Kikuchi tạo tác theo phong cách cổ xưa. Các tượng Bồ Tát Di Lặc được phổ biến ở cả 2 nước Nhật - Hàn.

"Tôi muốn khách tham quan nghĩ về lịch sử và tương lai của những mối giao lưu giữa Nhật và Nam Hàn thông qua các tượng Bồ Tát Di Lặc, là những biểu tượng của một tương lai hòa bình và trật tự", Kikuchi nói.

(Asahi Shimbun – July 12, 2014)



Một tượng Bồ Tát Di Lặc với những con nai đỏ chơi bao quanh, được trưng bày tại Bảo tàng Nghệ thuật Tỉnh Nara, Nhật Bản
Photo: Kazuto Tsukamoto



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM
CHÁNH VĂN PHÒNG

704. East "E" Street., Ontario, CA 91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (949) 986-2433

THÔNG BẠCH VU LAN P.L. 2558 – 2014



Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn đức Tăng Ni và toàn thể chư thiện nam tín nữ,

Mùa Vu Lan năm nay chúng ta cùng quán niệm những ý nghĩa trọng đại của ngày lễ và những liên hệ đối với Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ của chúng ta.

Nhờ năng lực của Tăng đoàn mà mẫu thân của ngài Mục Kiền Liên được thoát khỏi cảnh bi thống nơi chốn địa ngục. Tăng đoàn thanh tịnh hòa hợp là năng lực vô biên hóa giải được khổ đau từ cõi vô hình cho đến thế giới con người. Trọng tâm của Giáo hội chúng ta đặt ở sự hiệp lực này, trong ấy những Phật sự hằng năm của Giáo hội, tất cả tăng ni và thiện tín cùng nhau chung lo. Bốn Phật sự thường xuyên của Giáo hội mà mỗi thành viên đều chung sức chung lòng đó là: Phật đản, An Cư, Khóa Tu Học Bắc Mỹ và Ngày Về Nguồn - Hiệp Kỳ.

Trong nhiều năm qua, năng lực thanh tịnh hòa hợp này đã mang lại sự tương kính, tương thuận trong hành xử và tiếp xử của hàng tăng ni và thiện tín. Đặc biệt hơn là nội lực thâm lặng chứa đựng trong ấy. Giáo hội chúng ta học làm biển để đón nhận tất cả những ai vì sự nghiệp giải thoát và nguyện làm sáng Phật pháp trên quê hương mới này. Chúng ta ca ngợi sự phát triển và sáng tạo của tất cả mọi truyền thống Phật giáo.

Hóa giải là nguyện lực từ tâm mà Giáo hội đang đeo đuổi. Có nhiều khổ đau trong cộng đồng Phật giáo Việt Nam ở Mỹ mà Giáo hội chúng ta phải dự phần. Trong ấy, hôn nhân dị giáo; những xung đột giữa cha mẹ và con cái về ngôn ngữ, tập quán; gìn giữ tiếng Việt ở các thế hệ sinh trưởng ở đây... ngay cả tăng ni trẻ mới định cư ở Mỹ. Mỗi thành viên của Giáo hội phát nguyện nhận lãnh chìa khóa hóa giải này và áp dụng nó một cách thiện xảo trong mọi tình huống.

Mỗi chùa viện của Giáo hội là những ngọn đèn sáng để mang niềm tin và sự an lành đến chư thiện tín. Chúng ta nhận thức rằng số lượng chùa chiền càng tăng là ánh sáng Phật pháp càng được tỏ rạng hơn. Phước báo thay cho Phật giáo Việt Nam ở Mỹ, nhìn từ tổng thể, các chùa viện chúng ta rất tương trợ và chung lực. Phật giáo Việt Nam ở Mỹ vẫn còn nhiều khiếm khuyết nhưng không thể phủ nhận, rằng 50 năm đầu du nhập vào đất này, cộng đồng Phật giáo chúng ta đã nỗ lực hết lòng.

Mỗi thành viên của Giáo hội chính là hiện thân của Giáo hội, do vậy chúng ta cần tinh tấn tăng trưởng trí tuệ và giới đức để tự nương tựa và làm chỗ nương tựa cho người. Chúng ta cũng tự xét rằng những gì mình làm để báo hiếu cho cha mẹ, cho Phật pháp, Cộng đồng hay quê hương Việt Nam là làm cho chính mình. Với phước ấy, thiện tâm ấy thì thiện báo sẽ đến với chúng ta ngay trong hiện đời.

Trong mùa Vu Lan tôi xin thay mặt Hội Đồng Giáo Phẩm nhất tâm dâng lễ chư tôn thiên đức Tăng Ni và xin Phật gia hộ quý ngài an lành. Xin cầu chúc quý thiện tín cùng gia đình cát tường.

Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ Tát chứng minh.

California ngày 15 tháng 07 năm 2014
TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK
Chánh Văn Phòng
Sa môn Thích Thắng Hoan

THẮP SÁNG NGỌN ĐÈN CHÁNH PHÁP

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

(Diễn Văn Khai Mạc Đại Hội Thường Niên Lần Thứ II - Nhiệm Kỳ 2 của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ tại Phật Học Viện Quốc Tế, ngày 16/6/2014)



Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Đức Tăng Ni,
Kính thưa quý Cư sĩ Đại biểu,
Kính thưa quý liệt vị,

Nội lực của Tăng Già là biểu tỏ tinh thần thanh tịnh, hòa hợp, giá trị cao quý trên con đường hoằng pháp lợi sanh, là sự thống hợp ý chí của hai hàng đệ tử tại gia và xuất gia. Hai tiềm lực này luôn luôn chảy trong dòng lịch sử Phật Giáo Việt Nam 2000 năm qua và gần 40 năm nơi hải ngoại, để giáo pháp được lan truyền, con đường hoằng hóa được rộng mở, thắp sáng ngọn đèn Chánh Pháp nơi thế gian này.

Thừa tiếp ngọn đèn Chánh Pháp ấy, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ luôn nỗ lực, thi hành những Phật sự bằng khả năng của mình trong suốt thời gian một năm qua không ngừng nghỉ. Hình ảnh từ hòa của Chư Tôn Đức Tăng Ni, tâm lòng quý kính hộ đạo của quý Cư sĩ thành viên của Giáo Hội luôn kề cận có nhau, để cùng chung lo cho những Phật sự đã qua, Phật sự đang có và sắp đến. Quả tình đây là một điểm son, là một trang sử đẹp mà tất cả các thành viên của Giáo Hội đang xây dựng, bồi đắp. Chúng tôi được quyền ước vọng và tin tưởng rằng hôm nay hay mãi mãi trong tương lai, Giáo Hội chúng ta luôn có nhau. Có nhau trong niềm tin yêu, quý kính. Có nhau trong đạo tình pháp lữ, bằng hữu. Đó chính là tiềm lực sống để phát huy năng lực thực hữu mà chúng ta đang nhắm đến cho bước đường phụng sự nhiều hơn nữa.

Kính bạch Chư Tôn Đức Tăng Ni,
Kính thưa quý Cư sĩ đại biểu,

Hôm nay, chúng ta họp Đại Hội Thường Niên Lần Thứ II, Nhiệm Kỳ Hai tại Phật Học Viện Quốc Tế là để kiểm điểm lại những Phật sự đã qua và tiếp tục khai triển những Phật sự sắp tới, như là:

- Khóa huấn luyện Giảng sư nhằm đáp ứng nhu cầu Phật sự cho các Tự Viện.
- Cùng cố hạ tầng cơ sở làm nền tảng hành hoạt cho Giáo Hội.
- Các Tổng Vụ có chương trình Phật sự cụ thể hơn nữa, để Phật sự Giáo Hội thêm sinh động.

Tất cả những Phật sự ấy như là một định hình mà Giáo Hội cần phải quan tâm để chúng ta có

địa bàn Phật sự một cách cụ thể và thích nghi hơn. Cụ thể là thành viên Giáo Hội đích thân đến từng tự viện, đến từng hoàn cảnh của người Phật tử để biết được những Phật sự địa phương, những nhu cầu tu học Phật pháp nơi đó. Có đến từng mỗi chùa viện xa xôi nơi các tiểu bang mới thấy được những tấm lòng quý kính ngôi Tam Bảo của người Phật tử. Do đó, nếu được GH chúng ta cần phải hóa thân vào tất cả mọi nơi theo yêu cầu Phật sự của địa phương để duy trì niềm tin Phật của người Phật tử và phát huy con đường hoằng pháp ngày một cao rộng. Và thích nghi là nối kết sự hiện hữu của GH với hạ tầng cơ sở để thực thi các Phật sự nơi đây được lợi lạc cho quần chúng Phật tử, từ đó mang tính tương dung, tương nhiếp của người đến làm Phật sự và kẻ ở trong tâm nguyện thừa hành. Được vậy, hình bóng của Giáo Hội sẽ đi sâu vào tâm thức của người Phật tử và các Phật sự sẽ được thành tựu tốt đẹp.

Chúng ta có mặt trong Đại Hội Thường Niên hôm nay, cũng là biểu tỏ tinh thần hợp mặt mà suốt một năm qua chúng ta chưa có cơ hội gặp nhau đầy đủ.

Chân thành cảm ơn Hòa Thượng Trưởng Lão Chánh văn phòng Hội Đồng Giáo Phẩm, Ngài đã luôn có mặt trong tất cả Phật sự của Giáo Hội, là bậc Tôn Túc trong chốn nhà Thiền. Ngài đã biểu hiện tinh thần bất tử bất quyên, đến và cho trong niềm an vui, pháp lạc. Đồng thời được cảm ơn tất cả quý Tôn Đức Tăng Ni cùng Cư sĩ thành viên Giáo Hội đã tích cực hoàn thành những Phật sự trong các lãnh vực để chúng ta có được ngày hôm nay, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ trong lòng người.

Kính chúc quý Ngài cùng quý Đại biểu vô lượng an lạc để tiếp tục con đường hoằng pháp, thương cầu hạ hóa làm lợi lạc quần sanh.

Chúng tôi xin tuyên bố Khai Mạc Đại Hội Thường Niên Lần Thứ II, Nhiệm Kỳ Hai của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ.

Nam Mô Chứng Minh Sư Bồ Tát Ma Ha Tát.

Chủ tịch, Hội Đồng Điều Hành – GHPGVNTN HK
Sa môn Thích Tín Nghĩa

BÀI THƠ VẬN NƯỚC và TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ của THIỀN SƯ PHÁP THUẬN

Lê Mạnh Thát



Bài thơ vận nước có thể giải mã một cách đích xác và cụ thể những yếu tố gì có thể làm cho vận nước được dài lâu. Đó là sự đoàn kết của toàn dân và phẩm chất tài đức của người lãnh đạo. Tổ tiên ta hơn ngàn năm trước đã dùng hình ảnh cuộn mây (đăng lạc). Từng con người có thể yếu yếu ớt như từng chiếc đũa, từng sợi mây, nhưng biết kết hợp lại thì sẽ trở thành một sức mạnh vô địch, không gì có thể phá vỡ được.

Nếu kết hợp với bài thơ này với bài Thần Nước Nam Sông Núi, có một vị thế hết sức quan trọng không chỉ trong lịch sử văn học mà cả trong lịch sử tư tưởng chính trị và Phật giáo Việt Nam. Nó đã thành công khi đề xuất được hệ thống tư tưởng chính trị hoàn chỉnh để định hướng cho sự phát triển của một hệ thống chính quyền làm chủ đất nước vừa thỏa mãn yêu cầu bảo vệ chủ quyền quốc gia vừa đáp ứng nguyện vọng của người dân. Từ đó, nó giúp ta hiểu tổ tiên ta đã xây dựng chính quyền trên căn bản hệ thống tư tưởng chính trị nào, nhất là khi ta quan niệm lịch sử như một vận động có ý thức của con người.

Trong ba vị Thiền sư đã tham gia trực tiếp vào cuộc chiến tranh năm 981 là Thiền sư Khuông Việt, Vạn Hạnh và Pháp Thuận, thì hình như Thiền sư Pháp Thuận là người được vua Lê Đại Hành tin nhiệm và kính trọng nhiều nhất. Sự tình này ta có thể thấy qua việc vua Lê Đại Hành đã đem vận nước ngấn dài ra để trưng cầu ý kiến của Thiền sư Pháp Thuận. Phải nói rằng Thiền sư Pháp Thuận đã được tín nhiệm tới một mức độ nào đó, thì Lê Hoàn mới dám đem vấn đề ấy ra để hỏi. Khi nói đến vận nước, thực tế là nói đến vận mạng của một triều đại. Vua Lê Đại Hành đã đem vận mạng của triều đại mình để hỏi, điều này cũng có nghĩa ông hoàn toàn tin tưởng Thiền sư Pháp Thuận.

Sự thật, khi đặt câu hỏi như thế, vua Lê Đại Hành đã nhìn Thiền sư Pháp Thuận không chỉ là một cố vấn thân tín, mà còn là một cố vấn có đủ khả năng phân tích để có thể thấy đâu là sở trường, đâu là sở đoản của một triều đại. Có thể, vua Lê Đại Hành đã đặt câu hỏi ấy vào một thời điểm mà triều đại nhà Lê do Lê Hoàn thiết lập đang đứng trước những khó khăn thách thức, có nguy cơ có thể bị sụp đổ. Thời điểm đầy nguy cơ ấy không đâu khác hơn là giai đoạn lúc Đinh Tiên Hoàng bị Đỗ Thích giết vào tháng 10 năm Kỷ Mão (979) và khi Hầu Nhân Bảo tiến quân vào nước ta vào mùa Xuân tháng 3 năm Tân Tỵ (981).

Đây là giai đoạn của thù trong giặc ngoài, mà nếu không có sự ủng hộ một lòng một dạ của dân thì Lê Hoàn đã không bao giờ thành công, đề bẹp và

tiêu diệt đám thù trong giặc ngoài ấy. Quả vậy, bên trong đám Đinh Điền, Nguyễn Bặc do quyền lợi cá nhân và dòng họ, đã không thấy nguy cơ xâm lược của kẻ thù đối với đất nước, nên đã kiên quyết chống lại Lê Hoàn. Còn bên ngoài, triều đình nhà Tống đang ráo riết đi sâu vào những khó khăn nội bộ của ta và tiến hành cuộc chiến tranh xâm lăng Đại Cồ Việt. Trong một tình huống như thế, nếu không có sự đoàn kết của toàn dân, vua Lê Đại Hành đã không thể chiến thắng được thù trong giặc ngoài như vừa kể.

Chính trong tình thế có nhiều nguy cơ thách thức như vậy, mà vua Lê Đại Hành đã hỏi Thiền sư Pháp Thuận về vận nước dài hay ngắn. Và như thế câu trả lời của Thiền sư Pháp Thuận cũng ở vào thời điểm ấy. Để nhấn mạnh đến vị thế xung yếu của sự đoàn kết, Thiền sư Pháp Thuận đã dùng hình ảnh vận nước như một bó mây cuộn lại với nhau:

*Vận nước như mây cuộn
Trời Nam mở thái bình
Vô vi trên điện các
Xứ xứ hết đao binh*

Nói vậy tức cũng xác định bài thơ Vận Nước này ra đời vào trong khoảng những năm 979 – 981, khi đất nước đang trải qua những giờ phút nghiêm trọng. Nguy cơ đánh mất chủ quyền quốc gia ngày đêm vẫn rình rập. Chính vào thời điểm này, những người lãnh đạo đất nước như Lê Hoàn với trực cảm bén nhạy của nhà chính trị thiên tài đã thấy vấn đề và tìm cách giải quyết. Câu trả lời của Thiền sư Pháp Thuận cũng thể hiện một trực cảm chính trị sắc bén không kém. Ông đã ý thức rất rõ mọi quyền lực phải từ dân mà ra và vận nước cũng thế. Vận nước ngấn dài nằm ở trong tay người dân. Người lãnh đạo biết nắm lấy dân, biết đoàn kết với dân thì vận mệnh của triều đại mình sẽ lâu dài. Ngược lại, thì sẽ nhào đổ một cách nhanh chóng.

Quan điểm coi vận nước như một bó mây vừa tượng hình, dễ hiểu, lại vừa chứa đựng những ý nghĩa sâu sắc. Ngày nay, chúng ta thường hay dùng hình ảnh bó đũa để chỉ cho sự đoàn kết. Tổ tiên ta hơn ngàn năm trước đã dùng hình ảnh cuộn mây (đăng lạc). Từng con người có thể yếu yếu ớt như từng chiếc đũa, từng sợi mây, nhưng biết kết hợp lại thì sẽ trở thành một sức mạnh vô địch, không gì có thể phá vỡ được. Vào những ngày tháng của năm 980, một nhận định và kêu gọi như thế về sức mạnh của đoàn kết thật đúng lúc. Thiền sư Pháp Thuận đã thể hiện tư cách tham mưu sắc bén của mình qua bài thơ ấy.

Sự thật, với sức mạnh của đoàn kết, vị Thiền sư thấy đất nước mở ra một vận hội không những lâu dài mà còn thái bình. Quả vậy, chỉ khi đất nước thái bình thì vận nước mới lâu dài được. Mà một đất nước cứ chiến tranh liên miên thì làm sao mà thái bình cho được. Cứ chiến tranh, bao nhiêu nguồn tài nguyên nhân vật lực bị phung phí thì đời sống nhân dân càng ngày càng kiệt quệ. Nhân dân đã kiệt quệ, thì làm sao vận nước được lâu dài. Cho nên, hơn ai hết, những người đã trực tiếp tham gia chỉ đạo cục kháng chiến của dân tộc như Thiền sư Pháp Thuận, chắc hẳn có một mong ước thiết tha cho chiến tranh chóng chấm dứt. Và thật sự họ đã nhanh chóng chấm dứt cuộc chiến tranh do kẻ thù áp đặt chỉ trong vòng ba tuần lễ.



Bài thơ Vận Nước tuy thể hiện một tư tưởng chính trị, nhưng vẫn không đánh mất tính chất thời sự của nó. Dòng thơ thời sự Việt Nam bắt đầu với Thiền sư Định Không, bây giờ đến Thiền sư Pháp Thuận và Thiền sư Khuông Việt, rồi Thiền sư Vạn Hạnh đã trở thành dòng thơ chủ lưu của nền văn học Việt Nam. Đây là một dòng thơ suy tưởng sâu đậm đến vận mạng của đất nước, đến cuộc sống của người dân. Với gần mấy chục bài thơ xoay quanh những vấn đề trọng đại như chủ quyền quốc gia, như đoàn kết toàn dân, như thái bình của đất nước, nó đã chuẩn bị tiền đề tư tưởng và nhận thức cho mọi tầng lớp người dân và báo hiệu cho sự ra đời một quốc gia Đại Việt hùng cường sắp tới. Ít có khi trong lịch sử văn học bất cứ dân tộc nào, mà một dòng văn học chủ lưu như dòng văn học thời sự Việt Nam trong các thế kỷ thứ tám cho đến thứ mười.

Tính chất thời sự của dòng thơ chủ lưu này không còn xuất hiện trong những thế kỷ sau. Hoặc có đi nữa, thì nó cũng rất mờ nhạt, không có những nét đặc thù rõ rệt. Đây là một thời đại văn học, mà mọi cây bút lớn đều tập trung vào những vấn đề trọng đại vừa nêu trên. Một đặc trưng ta cũng ít tìm thấy trong những giai đoạn văn học sau. Có thể nói mọi tinh lực của dân tộc đều đổ dồn vào công cuộc xây dựng chủ quyền quốc gia và kiến thiết một nền thái bình cho đất nước. Cho nên, nó đã khai sinh ra nền văn học đậm đặc tính chất thời sự phục vụ cho nhu cầu xây dựng và kiến thiết như vừa nói. Đây là một nền văn học mang lại cho ta những cảm thức hùng vĩ về đất nước, về con người.

Nhiều người đã viết về lịch sử văn học Việt Nam và hầu hết họ đều đưa bài thơ "Nam Quốc Sơn Hà" lên làm bài thơ mở đầu cho giai đoạn văn học thời kỳ tự chủ. Người ta cố tình bỏ qua cả một dòng thơ thời sự tràn đầy tính chiến đấu cho chủ quyền của đất nước, bắt đầu từ Thiền sư Định Không (730 – 808) cho đến Thiền sư Vạn Hạnh (? – 1025) qua những danh gia như La Quý, Khuông Việt, Đa Bảo và Pháp Thuận. Trong gần 300 năm tồn tại, dòng văn học thời sự này đã có những đóng góp to lớn cho công cuộc vận động toàn dân đấu tranh giành độc lập và xây dựng nền thái bình cho đất nước. Nó đã thể hiện được tinh thần hào hùng của một thời kỳ đầy biến động dồn dập.

Sự thật, đọc bài thơ Vận Nước trên, ta không chỉ cảm thấy Thiền sư Pháp Thuận nói đến đòi hỏi về đoàn kết toàn dân cho một nền thái bình đang tới của trời Nam, mà còn thấy Thiền sư Pháp Thuận nói

đến trách nhiệm của những người cầm quyền. Thiền sư Pháp Thuận đã nói thẳng với vua Lê Đại Hành rằng để đất nước được thái bình "nơi nơi hết chiến tranh", đòi hỏi người cầm quyền, cụ thể là nhà vua phải "vô vi":

Vô vi cư điện các

Xử xử tức đao binh.

Khi nói đến khái niệm vô vi, người ta thường nghĩ ngay đến phạm trù vô vi của triết học Lão Trang. Nhưng ở đây thực sự không phải như thế. Về phía Phật giáo, vô vi là một phạm trù lớn và thường được coi là dịch từ chữ asamskṛta của tiếng Phạn. Nội dung của vô vi theo hướng này thường được quy định trong giới hạn của bản thể luận và nhận thức luận. Song ảnh hưởng của kinh Lục Độ Tập đối với Phật giáo nước ta lúc ấy, ta thấy truyện 81 của kinh này có một định nghĩa của vô vi như sau: "Cẩn thận, không kiêu ngạo, là hạnh của học sĩ, bỏ lòng dơ ân ái, không lấm bụi bặm của sáu tình, không để các ái nhỏ như tóc tơ che dấu trong lòng mình thì các niệm lắng diệt, đó là vô vi".

Tư tưởng vô vi này của kinh Lục Độ Tập, tuy có ít nhiều nội dung xã hội và chính trị, vẫn chưa tỏ hết nội dung của vô vi trong bài thơ của Thiền sư Pháp Thuận. Thực vậy, một nguyên cứu sơ bộ đã cung cấp cho ta về quan điểm vô vi nhị trị của kinh điển nhà Nho. Vậy vô vi cũng là một phạm trù của tư tưởng Nho giáo. Nhưng Khổng tử cho rằng đây là tư tưởng trị đạo của vua Thuấn, mà ông chỉ mô tả một cách vắn tắt bằng hai chữ cung kỷ (nghiêm túc với chính mình).

Trị đạo của vua Thuấn được Khổng tử mô tả là một Trị Đạo Vô Vi, và trong Luận ngữ ta chỉ được thấy mô tả bằng hai chữ cung kỷ mà không thấy nói gì thêm nữa. Chỉ trong thiên Trung Dung ta mới thấy hai lần Khổng tử mô tả lại Trị Đạo Vô Vi của vua Thuấn gồm những yếu tố gì. Đó là phải có trí và có hiếu. Có trí để xét đoán sử dụng sở trường của người mà quên đi những sở đoản của họ, giữa những quan điểm cực đoan biết chọn lấy một đường lối thích hợp để phục vụ cho người dân. Và có hiếu nhằm có đức lớn để có thể lãnh đạo được nhân dân.

Vậy rõ ràng, khi nói đến vô vi trên điện các, Thiền sư Pháp Thuận đã muốn đề xuất một mẫu người lý tưởng cho vua Lê Đại Hành trong việc trị vì đất nước, một mẫu người có trí, có đức. Người lãnh đạo phải sở hữu những phẩm chất tài và đức này thì đất nước mới thái bình thịnh trị, nơi nơi mới chấm dứt chiến tranh. Khi một đất nước đã thế, tất nhiên vận nước sẽ dài lâu, và vận mạng của triều đại cũng nhờ thế mà tồn tại với đất nước. Cho nên, tuy không trả lời trực tiếp cho câu hỏi vận nước ngắn dài của vua Lê Đại Hành, nhưng ý nghĩa của bài thơ thì hết sức hiển nhiên, không cần phải bàn cãi đâu là yếu tố cấu thành nên vận nước.

Khi vua Lê Đại Hành đặt câu hỏi vận nước dài lâu với Thiền sư Pháp Thuận, vua chắc hẳn đã biết về khả năng "nói ra lời nào cũng hợp với sấm ngữ" của vị Thiền sư này. Tuy nhiên, đọc bài thơ vận nước, ta chẳng cần một thiên tài nào về sấm ngữ, cũng có thể giải mã một cách đích xác và cụ thể những yếu tố gì có thể làm cho vận nước được dài lâu. Đó là sự đoàn kết của toàn dân và phẩm chất tài đức của người lãnh đạo. Không có hai yếu tố này, mà thực sự chỉ có hai mặt của một thể thống-nhất là dân tộc, thì vận nước không bao giờ có thể bền vững được. Trong một bài thơ ngắn ngủi, chỉ đúng 20 chữ, Thiền sư Pháp Thuận đã biết cô đọng một cách chính xác cốt lõi của hệ thống tư tưởng chính trị bản thân vào thời đại của ông.

Có người đã từng nói: “Không có tư tưởng cách mạng thì không có vận động cách mạng”. Cũng thế, đất nước ta vào những ngày tháng đầu tranh sống mái với kẻ thù để bảo vệ nền độc lập của tổ quốc, nếu không có một hệ thống tư tưởng chính trị chỉ đạo, thì không thể nào có những cuộc vận động chính trị thành công, đặc biệt là cuộc vận động chính trị để bảo vệ chủ quyền đất nước vào năm 1980. Hệ thống tư tưởng chính trị của Thiền sư Pháp Thuận do thế phải nói là một cống hiến quý báu cho lịch sử chính trị và tư tưởng của dân tộc không những vào thời điểm ấy, mà còn vào những thế kỷ sau, thậm chí ngay cả hôm nay.

Đúng thế, không có đất nước nào có thể tồn tại khi lòng dân ly tán và những người lãnh đạo lại thiếu tài, thiếu đức. Hai tính chất này đối với sự tồn tại của một đất nước, một triều đại, không bao giờ mất tính thời sự của nó. Trong lịch sử dân tộc, gặp những khi một sự việc như thế xảy ra, không biết bao nhiêu xương máu đã đổ ra để tìm cho được manh mối, nguyên do vì sao đất nước bị ngửa nghiêng, dân tình bị khốn khổ. Lời cảnh báo của Thiền sư Pháp Thuận về độ dài ngắn của vận nước, do thế, đã trở thành một lời huyền khải, một tuyên ngôn về tư tưởng dựng nước và giữ nước. Nó đã trở thành nền móng cho công cuộc xây dựng và bảo vệ chính quyền dân tộc.

Vào thế kỷ thứ mười, lịch sử tư tưởng nước ta sau bao nhiêu năm thăng trầm đã hoàn tất được việc xây dựng một lý luận chính quyền với bài thơ Vận Nước của Thiền sư Pháp Thuận. Chính quyền, hay nói rõ hơn, quyền lực của một nước nhà độc lập, xuất phát từ đâu và làm sao bảo vệ? Thiền sư Pháp Thuận trả lời rất rõ ràng là chính quyền xuất phát từ sự đoàn kết của toàn dân xung quanh những vị lãnh đạo có tài có đức và được bảo vệ bởi chính sự đoàn kết và lãnh đạo tài đức ấy. Với một quan điểm lý luận chính quyền như thế, Thiền sư Pháp Thuận thực sự đã có một đóng góp hoàn toàn mới mẻ đối với chủ nghĩa địa linh của Thiền sư Định Không và La Quý.

Thiền sư Định Không và La Quý chỉ mới đặt ra yêu cầu làm chủ đất nước, vì đất nước có thể sản sinh ra những anh tài để làm chủ nó. Tuy nhiên, làm chủ bằng cách nào thì Thiền sư Định Không và La Quý chưa đề ra được những giải pháp thích hợp. Đây rõ ràng thời đại của Thiền sư Định Không và La Quý chưa cho phép họ nhìn xa hơn. Họ thấy rất rõ đất Cổ Pháp có thể sinh ra những người làm chủ đất nước. Nhưng những người này làm chủ như thế nào, họ đã không bảo cho chúng ta biết. Thiền sư Pháp Thuận kế thừa sự nghiệp của Thiền sư La Quý đã trả lời cho câu hỏi ấy một cách dứt khoát là phải có sự đoàn kết của toàn dân và những người lãnh đạo có tài có đức.

Bài thơ Vận Nước của Thiền sư Pháp Thuận từ đó, nếu kết hợp với bài thơ Thần Nước Nam Sông Núi, có một vị thế hết sức quan trọng không chỉ trong lịch sử văn học mà cả trong lịch sử tư tưởng chính trị và Phật giáo Việt Nam. Nó đã thành công khi đề xuất được hệ thống tư tưởng chính trị hoàn chỉnh để định hướng cho sự phát triển của một hệ thống chính quyền làm chủ đất nước vừa thỏa mãn yêu cầu bảo vệ chủ quyền quốc gia vừa đáp ứng nguyện vọng của người dân. Từ đó, nó giúp ta hiểu tổ tiên ta đã xây dựng chính quyền trên căn bản hệ thống tư tưởng chính trị nào, nhất là khi ta quan niệm lịch sử như một vận động có ý thức của con người.



NHƯ GIỌT TRẮNG SAO

*Bóng đời đổ xuống miền hoa cỏ
Ta vẫn ca bài ca nhất phương
Vẫn chiếc áo li năm tháng cũ
Vẫn đề thơ hát khúc vô thường.*

*Bốn phương
Mây vẫn còn lưu lạc
Và vạn bờ xa tiếng sóng xa
Màu sắc thời gian trôi mãi miết
Mà đường vô tận biết đâu nhà.*

*Khúc độc hành
Vọng mãi tiếng thơ
Bao giờ, ta chả biết bao giờ
Từ trời Hy Mã mệnh mộng năng
Đến suối Tào Khê mây rủ tơ.*

*Một sớm
Ngủ bên bờ cỏ lục
Giọt mình
Nghe tiếng giọt sương tan
Tình hư không gọi hồn mây trắng
Rộn tiếng chim ca lộng gió ngàn.*

*Rời một mùa sang
Hoa phượng nở
Đỏ như màu lửa sáng bên trời
Vàng con bướm liệng xôn xao nắng
Sen tỏa đầm thơm mùa Hạ tươi.*

*Nhưng lòng hoa phượng, hoa sen ấy
Với bốn mùa thơm với sắc màu
Vẫn nở trong lời kinh ngọc tụng
Vẫn ngời như mỗi giọt trăng sao.*

Long Xuyên, mùa An Hạ 2014.

MẶC PHƯƠNG TỬ

TÌM HIỂU LỜI DẠY CỦA ĐỨC PHẬT: "TÌM CẦU TỰ NGÃ TRONG NĂM UẨN GIỐNG NHƯ ĐI TÌM LỖI CÂY TRONG CÂY CHUỐI" TRONG TIỂU KINH SACCACA

Nguyễn Đạo



Dẫn nhập

Trong Kinh điển Pàli, giáo lý vô ngã được diễn giải chi tiết bằng nhiều cách khác nhau. Nếu không có một nhận thức rõ ràng về vô ngã, chúng ta khó có thể hiểu được Đức Phật đã dạy những gì trong suốt 45 năm hoằng hóa. Đối với Đức Phật thì toàn bộ lời dạy của Ngài chỉ nhằm để hiểu về tính chất không có một cái ngã thường hằng, vì mọi hiện hữu duyên sanh, và con người vốn do năm uẩn hợp thành. Trong đó mỗi uẩn có do bốn uẩn kia làm duyên làm gì có cái tôi tồn tại được. Chính vì vậy, các ngoại đạo thường chỉ trích Phật "Sa môn Gotama là một người chủ trương chủ nghĩa hư vô, người đề cao sự hủy diệt và tiêu diệt các hữu tình." (1) Trước những lời chỉ trích như vậy, đức Phật không cảm thấy khó chịu hay bất mãn, Ngài chỉ xác định: "Ta giảng dạy được dành cho đệ tử: "Này các Tỷ-kheo, sắc là vô thường, thọ là vô thường, tưởng là vô thường, hành là vô thường, thức là vô thường. Này các Tỷ-kheo, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã. Tất cả hành là vô thường, tất cả pháp là vô ngã." (2) Đây cũng là câu hỏi của Saccaka nêu lên trong cuộc nạn vấn đức Phật. Đức Phật không chỉ xác định với Saccaka mà còn nêu lên thí dụ rằng sự chấp ngã giống như tìm lỗi cây trong cây chuối non vậy. Một thí dụ trực quan, dễ hiểu, nhưng lại vô cùng tinh tế, sâu sắc làm cho Ni-kiền-tử Saccaka đã phải khuất phục trước ví dụ này. Đó là lý do bài viết có đề tài: "Tìm hiểu lời dạy của đức Phật: "Tìm cầu tự ngã trong năm uẩn giống như đi tìm lỗi cây trong cây chuối" trong Kinh Tiểu Saccaka. Bài viết này được tìm hiểu qua các mục như: Mục đích và thái độ của Saccaka trước cuộc tranh luận, quan điểm của Saccaka về năm uẩn, đức Phật hạ cớ kiêu mạn của Saccaka, tiến trình nhận thức vô ngã về năm uẩn và tầm quan trọng thí dụ lỗi cây chuối. Để hỗ trợ cho việc làm rõ vấn đề nên trong bài viết có trích dẫn một số kinh ngoài kinh Tiểu Saccaka.

B. Nội dung

1. Mục đích và thái độ của Saccaka trước cuộc tranh luận.

Ý định của Saccaka là muốn tạo cho mình một vị trí nổi bật so với các đồng đạo cũng như tạo một tiếng vang đối với cộng đồng tôn giáo lúc bấy giờ. Nhất là sáu phái triết học lúc bấy giờ, Phật giáo thường gọi là Lục sư ngoại đạo, như: Pūraṇ Kassapa, Makkhali Gosāla, Ajita Kesakambali, Pukadadha

Kaccayan, Sañjaya Belatthiputta, Nigantha Nātaputta. Nigantha Nātaputta là giáo phái có tín đồ đông nhất. Ni kiền tử Saccaka nghĩ Sa môn Gotama không chỉ là thầy của các vị vua Pasenadi nước Kosala, Ajatasattu vua nước Magadha, hai nước lớn và hùng mạnh nhất trong 16 nước, mà Sa môn Gotama còn là bậc mà các người có tài trí nhất đương thời đều đến tham vấn học hỏi, hoặc có khi tranh luận sôi nổi nhưng tất cả đều khuất phục trước trí tuệ và đức độ của Phật. Vì thế chiết phục được sa môn Gotama là được vị trí hạng nhất trong các giáo phái đương thời, và là thầy các vị vua danh tiếng, hùng mạnh nhất.

Do đó Saccaka tuyên bố một cách đầy ngạo khí rằng: "Ta không thấy một Sa-môn hay một Bà-la-môn nào, là vị Hộ chủ, là vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, dầu tự cho là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, khi đối thoại với ta, không ai là không run sợ, không hoảng sợ, không khiếp sợ, không ai là không toát mồ hôi nách. Dầu ta có đối thoại với một cột trụ vô tình, cột trụ ấy khi đối thoại với ta cũng run sợ, cũng hoảng sợ, cũng khiếp sợ, huống nữa là một người thường." (3)

Qua đoạn kinh trên ta đã thấy thái độ kiêu mạn của Saccaka như thế quá rõ ràng. Một điều ta cần suy xét trong kinh là quan điểm A-la-hán, Chánh đẳng giác, không chỉ Phật giáo có mà ngoại đạo cũng xưng như vậy. Và chắc chắn Saccaka đã tranh luận với các vị tự xưng A-la-hán này rồi. Ông không chỉ thẳng họ còn làm cho họ phải khiếp sợ trước lý luận sắc bén, tinh tế của mình. Thực tế đã nói lên điều ấy là có 500 người theo và ủng hộ Saccaka "biện luận thiện xảo, được số đông tôn kính." (4) Như vậy, Saccaka có tài thật sự trong việc tranh luận, số người tôn kính ông không phải là ít.

2. Quan điểm của Saccaka về năm uẩn

Saccaka cho rằng Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là có tự ngã và ông đưa ra thí dụ: Như các hạt giống, các cây cỏ này được lớn lên, được trưởng thành, được hưng thịnh là vì tất cả chúng đều y cứ vào đất, nương tựa vào đất. Nhờ vậy các hạt giống, các cây cỏ này được lớn lên, được trưởng thành, được hưng thịnh. Tôn giả Gotama, như các công nghiệp nặng nhọc này được tạo tác, tất cả chúng đều y cứ vào đất, nương tựa vào đất. Nhờ vậy, các công nghiệp nặng nhọc này được tạo tác". Cỏ cây đều nương vào đất mà tồn tại, một thực thể là có hình tướng cũng giống như thân thể có thể nắm bắt một cách cụ thể, rõ ràng. Nếu không như thế thì việc làm thiện ác không có chỗ y cứ. Không có chỗ

nướng thì việc làm thiện ác không có thật, thân năm uẩn này chỗ y cứ ấy. Saccaka kết luận thân năm uẩn này phải có tự ngã: "Sắc là tự ngã của ta, thọ là tự ngã của ta, tưởng là tự ngã của ta, hành là tự ngã của ta, thức là tự ngã của ta".

Chính quan điểm này đã làm cho phái Niganthas Nātaputta trì giới một cách cực đoan: "Này các Niganthas, nếu xưa kia Người có làm ác nghiệp, hãy làm cho nghiệp ấy tiêu mòn bằng khổ hạnh khổ liệt này. Sự không làm ác nghiệp trong tương lai chính do sự hộ trì về thân, sự hộ trì về lời nói, sự hộ trì về ý ngay trong hiện tại, ở tại nơi đây. Như vậy chính nhờ sự thiêu đốt, sự chấm dứt các nghiệp quá khứ, sự không làm các nghiệp mới, mà không có sự tiếp tục trong tương lai. Do sự không tiếp tục trong tương lai, các nghiệp được diệt trừ; do nghiệp được diệt trừ, khổ được diệt trừ; do khổ được diệt trừ, cảm thọ được diệt trừ; do cảm thọ được diệt trừ, tất cả khổ đau sẽ được tiêu mòn'. Và vì chúng tôi chấp nhận điều ấy, và chúng tôi kham nhẫn điều ấy, nên chúng tôi được hoan hỷ." (5) Họ cho rằng thân nghiệp là nặng nhất, quyết định cho khổ hạnh và ý nghiệp. Vì thế họ chú trọng khổ hạnh và khổ hạnh là phương pháp duy nhất đưa đến giải thoát. Điều này rất dễ nhận thấy là họ lỏa thể và đi đầu cũng cầm cây chuỗi quết đường để khỏi hại côn trùng. Chiều hướng cực đoan này của phái Niganthas Nātaputta cũng một phần nào tiếp nhận từ truyền thống Bà-la-môn, giai đoạn lâm cư kỳ, chính đức Phật đã sáu năm tu khổ hạnh trong khổ hạnh lâm. Vì thế họ cũng đã giành được nhiều thiện cảm đối với Bà-la-môn, và có lượng tín đồ nhiều nhất trong Lục sư. Giáo phái Niganthas Nātaputta là phái mạnh nhất và có lập trường vững nhất trong Lục sư.

3. Đức Phật hạ cờ kiêu mạn của Saccaka.

Đức Phật biết ý định Saccaka muốn tạo danh tiếng mới hống hách như thế. Trong thực tế ông này của cũng có tài thật chứ không phải thùng rỗng kêu to đâu. Và có 500 người theo Saccaka trong cuộc tranh luận đã xác thực tài năng của ông. Nhưng Saccaka có tính kiêu mạn rất cao xem trời bằng vung. Xem lời nói của Saccaka thì biết: "Cũng vậy, ta sẽ dùng lời nói, lắc qua lắc lại, lắc xoay quanh Sa-môn Gotama. Và cũng như một con voi lớn sáu mươi tuổi, sau khi lặn xuống một hồ nước sâu, lại chơi trò phun nước; cũng vậy, ta nghĩ ta sẽ chơi trò chơi phun nước với Sa-môn Gotama. Hãy đến, các Tôn giả Licchavi. Hãy đến các Tôn giả Licchavi. Hôm nay sẽ có cuộc đàm luận giữa Sa-môn Gotama với ta." (6) Tài năng cộng với ngạo khí thì thật là tai hại. Nhưng tài năng thường đưa người ta đến kiêu mạn. Ông này vướng vào vấn đề tài năng sanh ngạo khí hay kiêu mạn.

Đức Phật được xem là vị lương y tài đức vô song. Ngài thực sự là một vị Tể Thượng Y Vương.

Đức Phật bắt mạch và chữa bệnh cho Saccaka như sau: theo như ông đã khẳng định có ngã trong năm uẩn. Ngã ấy là chủ, chủ thì có quyền quyết định tất cả giống như vị vua có quyền xử phạt những tội nhân vậy. Đức Phật hỏi: "Này Aggivessana, như vậy có phải ông nói: 'Sắc là tự ngã của ta, thọ là tự ngã của ta, tưởng là tự ngã của ta, hành là tự ngã của ta, thức là tự ngã của ta'? Đức Phật hỏi để khẳng định lại lập trường của Saccaka. Câu hỏi làm cho Saccaka có phần chột dạ, trong lòng lo lắng. Thể hiện ở câu trả lời: "Tôn giả Gotama, như vậy tôi nói: 'Sắc là tự ngã của ta, thọ là tự ngã của ta, tưởng là tự ngã của ta, hành là tự ngã của ta, thức là tự ngã của ta'. Và như đại chúng này cũng



The Buddha questioned a haughty hermit, Saccaka who was duly threatened by a celestial demon to answer accordingly, after being defeated.

vậy." (7) Một câu trả lời thiếu tự tin không như lúc mới đến cuộc đối thoại. Viện lý không phải chỉ tôi có chủ trương như vậy mà có đến 500 người trong hội chúng cũng có đồng quan điểm với tôi. Thêm vào đó là uy quyền của một vị vua trị phạm tội nhân để hỗ trợ qua điểm của mình là năm uẩn có tự ngã. Mình có quyền định đoạt đối thân năm uẩn này, muốn nó như thế nào thì nó theo ý mình không theo quy luật tự nhiên của nó.

Đức Phật hỏi Saccaka: "Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: 'Sắc là tự ngã của ta', Ông có quyền hành gì đối với sắc ấy và có nói được rằng: 'Sắc của tôi như thế này, sắc của tôi không phải như thế này' không? (8) Sau khi suy nghiệm kỹ Saccaka đáp: "Thưa không, Tôn giả Gotama." (9)

Tại sao vị này không trả lời là không để giữ vững lập trường của mình như lúc đầu đã nêu ra. Saccaka phải trả lời thật tâm mình vì ông cảm thấy lo lắng khi đức Phật đặt câu hỏi đầu tiên rồi. Trong qua trình đối thoại ông luôn cố gắng để không bị lật tẩy mình đang lo sợ. Đến đây thì không còn che giấu được nữa, "Niganthaputta Saccaka sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng, ngược". "những giọt mồ hôi đang chảy xuống, sau khi thấm qua thượng y, đang rơi xuống đất". Cờ kiêu mạn của Saccaka đã được hạ xuống, tâm tư của ông rộng mở, biết rằng đây là cuộc tranh luận đi đến sự thật chứ không phải vì hơn thua như ông đã nghĩ lúc đầu. Saccaka đã nhận ra rằng: "Thế Tôn đã giác ngộ, Ngài thuyết pháp để giác ngộ. Thế Tôn đã điều phục, Ngài thuyết pháp để điều phục. Thế Tôn đã tịch tĩnh, Ngài thuyết pháp để tịch tĩnh. Thế Tôn đã vượt qua, Ngài thuyết pháp để vượt qua. Thế Tôn đã chứng Niết-bàn, Ngài thuyết pháp để chứng Niết-bàn." (10) Saccaka đã khuất phục và cuộc hút theo lối lý luận của Phật, cuối cùng ông thất bại thảm hại trong cuộc tranh luận "Ta hỏi, Ta cất ván, Ta chất ván về những lời của Ông, Ông đã tự tỏ ra trống rỗng, trống không, thất bại". Trước tài biện luận của Phật người đối thoại đầu người học thức uyên bác, biện luận thiện xảo, tinh tế cách mấy của trở nên trống rỗng, lơ mờ, thiếu tin tưởng vào học thuyết mình theo. Chính bản thân họ cũng trở nên nhỏ bé, trống rỗng, sợ hãi. Vì đức Phật đã thuyết phục họ bằng tài năng trác tuyệt lẫn nhân cách khả kính, không vì một chút riêng tư cho mình. Do vậy, Ngài chưa một lần nói tự nhận là một nhà hùng biện, một luận sư, Ngài chỉ nói rằng mình là người chỉ đường. Cũng vì không có một ai thắng Phật trong những cuộc đối thoại như thế này nên các ngoại gọi Phật là huyền sư, như đoạn kinh này: "Sa-môn Gotama là một huyền sư, Sa-môn Gotama biết được

huyền thuật lôi cuốn những đệ tử ngoại đạo.” (11)

4. Tiến trình nhận thức vô ngã về năm uẩn.

Trong Kinh Tương Ưng Bộ III, ghi: “Không liễu tri Năm uẩn thì không thể đoạn tận khổ đau. Do vậy cần phải liễu tri Năm uẩn: ‘Sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si được gọi là liễu tri’.” (12) Ta hiểu được năm uẩn không phải dễ, nhưng một người tu theo Phật mà không nhận thức và hiểu một cách rõ ràng, minh bạch về năm uẩn thì thật một sự thiếu sót rất lớn. Hành giả không chỉ hiểu mà còn phải như thật tuệ tri về năm uẩn để đoạn được tận tham, sân, si.

Đức Phật định nghĩa sắc uẩn: “Ở đây, này Aggivessana, đệ tử Thanh văn của Ta, đối với mọi sắc pháp, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, thấy như thật với chánh trí tuệ là: ‘Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.’” (13)

Sắc thuộc quá khứ, vị lai hay hiện tại là đặc tính của thời gian của sắc. Thời gian là chỉ bản chất vô thường của sắc.

Sắc thô hay tế, liệt hay thắng chỉ cho tính chất của sắc. Tính chất này chỉ cho sự khổ của sắc.

Sắc nội hay ngoại, xa hay gần là đặc tính về không gian của sắc. Không gian là chỉ cho vô ngã của sắc.

Như thật tuệ tri về sắc là phải hiểu rõ sắc là vô thường, khổ, vô ngã.

Từ đây mới có chánh tuệ về sắc rằng: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.” (14) Nếu muốn hiểu biết một cách chân thật về sự vô ngã của sắc thì chúng ta phải theo một tiến trình: Vô thường, khổ, vô ngã. Vô thường dễ nhận thấy nhất, như: từ trẻ đến già, mới thấy hồi sáng chiều người ấy nằm trong quan tài...Khổ này không chỉ đơn thuần chỉ có khổ thọ mà lạc thọ cũng là một thứ khổ vì nó thuộc hoại khổ trong ba khổ: khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. Đây là vui trong đục vui là khổ. Vô ngã mang tính suy tư nhiều và trải nghiệm thật sâu về vô thường và khổ. Đây là một tiến trình nhận thức này từ cái dễ thấy, dễ hiểu, dễ nắm bắt đến cái khó thấy, khó hiểu, khó nắm bắt.

Và thọ, tưởng, hành, thức cũng theo một tiến trình nhận thức như vậy thì mới thật biết về chúng “Đối với mọi cảm thọ... đối với mọi tưởng... đối với mọi hành... đối với mọi thức, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, thấy như thật với chánh trí tuệ là: ‘Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.’” (15) Từ đây chúng ta có một thái độ học Phật pháp tích cực mới “trở thành tuân phụng giáo điển, chấp nhận giảng huấn, nghi ngờ được đoạn trừ, do dự được diệt tận, thành tựu vô úy, sống trong giáo hội Bốn sư, khỏi phải nương tựa một ai.” (16) Một người nhận thức năm uẩn một cách rạch ròi, sáng suốt thì bớt được khổ, tự tin, không sợ hãi dù có gặp bất cứ gì trên đường đạo, thắng tiên đến đích mình đã xác định. Nhất định người ấy đạt được mục đích tối hậu là thoát khỏi luân hồi như một con chim bay trên bầu trời không để lại dấu để ác ma tìm thấy được.

5. Tâm quan trọng thí dụ lõi cây chuối

Ví dụ trong kinh này dùng hình ảnh cây chuối để chỉ tính không bền, không chắc, không tự ngã của năm uẩn. Kinh ghi: “Này Aggivessana, như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây, đi chỗ này

chỗ kia tìm kiếm lõi cây. Người ấy cầm một cái búa sắc bén, đi vào rừng. Người ấy có thể thấy ở đây thân một cây chuối lớn thẳng đứng, còn trẻ, không có khúc đốt. Người ấy có thể chặt gốc cây ấy. Sau khi chặt gốc cây, người ấy chặt ngọn cây. Sau khi chặt ngọn cây, người ấy có thể lột ra các lá cuộn tròn. Nhưng khi lột ra các lá cuộn tròn, người ấy không tìm được giác cây, còn nói gì đến lõi cây.” (17)

Cây chuối là loại cây phổ biến ở các nước nhiệt đới. Ấn Độ là một nước nhiệt đới thì cây chuối có khắp nơi trong nước. Loại cây dễ trồng, thân cây chỉ gồm các bẹ ốp lại rất mềm, dễ bị thối. Nói như thế là nhằm cho thấy rằng lúc Phật nói tìm tự ngã giống như tìm lõi trong cây chuối non lúc ấy mọi người trong buổi thấy pháp đều có thể thấy cây chuối ngay trước mắt. Chuối non thì không có lõi, tìm tự ngã có trong năm uẩn là điều không thể đạt được. Năm uẩn này dễ thấy nhất là sắc uẩn: thân thể bên ngoài được bọc bởi da, dưới da là mỡ, trong mỡ là thịt, dưới thì là gân, trong gân là xương, trong xương là tủy: chất sền sệt giống như hồ dán thì làm gì có tính bền chắc, có lõi được. Giống như cây chuối non lột từng bẹ cuộn tròn ra đến cuối cùng không còn gì hết, giác cây còn không có nói chi đến lõi cây. Phật nói thí dụ để cho mọi người trong chúng hội cảm nhận được. Vì trong hội chúng lúc bấy giờ không phải chỉ có những người có học mà người có mặt lúc đó cũng có cả những nông dân thất học. Một thí dụ thực tế không cần phải suy tư tìm kiếm nhìn là biết ngay. Từ đó người nghe cảm nhận một cách trực tiếp những lời Phật nói. Nghe xong thí dụ hoan hỷ quá Dummukha đứng lên xin nói thí dụ con cua bị bẻ gãy hết càng không còn gì để đi, trở nên vô dụng. Giống như lý luận của Saccaka bị Phật bẻ gãy không còn gì để nương tựa đến thực cổ, đổ mồ hôi hột.

Những ví dụ như thế này rất phổ biến trong kinh Phật. Chính những thí dụ này làm cho lời nói của Phật rất nhẹ nhàng, vui tai, êm dịu đi vào lòng người không cần phải nói những lời văn bóng bảy triết lý khó khan, khó hiểu. Dù có nói đến triết lý cao siêu đi nữa luôn dùng đến những ngôn ngữ, hình ảnh trong cuộc sống thường nhật ta tưởng chừng đã hiểu thấu hết, thật ra ta chỉ cảm nhận và nhận thức được ở bên ngoài mà thôi. Như ví dụ cây chuối trong kinh này, đây là một loại cây có khắp nơi mà từ trẻ con đến già 100 tuổi, từ bần cố nông đến các bậc vua chúa đều thấy đều biết. Nhưng vận dụng nó như một đối tượng nhận thức thông qua đó có một nhận thức về thế giới và con người chính xác thì chưa một ai làm được. Từ đây ta thấy Phật nói pháp không phải để tôn thờ như những một thánh vật trong các tu viện thờ phụng cẩn mật mà chưa bao giờ ngó tới. Mà để mọi người nương theo đó thực tập đem lại những kết quả tốt đẹp cho mình cả đời sống thế tục lẫn mục đích giải thoát hoàn toàn, cắt đứt mọi sợi dây ràng buộc của phiền não, nhổ tận gốc rễ tham, sân, si.

C. Kết luận.

Tóm lại, kinh Saccaka đề cập đến quan điểm của Saccaka cho năm uẩn có tự ngã, đức Phật bẻ gãy quan điểm Saccaka và đưa ra ví dụ người tìm tự ngã trong năm uẩn giống như tìm lõi cây trong cây chuối non người ấy không sẽ đạt được mục đích. Vì người này đi tìm điều không có thật. Nhưng nhân loại tiếp tục tìm kiếm cái tôi, cái tôi không thật như thế đến độ hình thành một hệ thống triết lý. Không chỉ thời xưa mà nay cũng thế, như “Tôi tư duy, tức tôi hiện hữu”. Dù hiện hữu cái tôi vi tế trong ý thức

hay tư duy đi nữa, dù nó mong manh thể nào đi nữa cũng không dám buông ra. Khi buông cái tôi ra rồi người ta nghĩ rằng không còn gì, chúng ta sẽ rơi vào rỗng không, thật là vô nghĩa khi ta hiệu hữu trên cõi đời này. Mặc dù kiến thức khoa học vẫn phát triển đều đặn, song con người trên thế gian này vẫn cảm thấy bất an, bị giằng xé với bao nỗi sợ hãi và bất mãn. Họ mê muội với khát vọng đạt đến tiếng tăm, giàu sang cùng quyền lực và để thỏa mãn các giác quan. Thế gian phiền muộn này vẫn đang sôi sục với hận thù, với ngờ vực, với tham vọng, với ích kỷ và với bạo hành cũng vì chấp thân thủ năm uẩn có tự ngã.

Hiểu được vô ngã là hiểu được đạo Phật. Vì toàn bộ lời dạy của Đức Phật không gì khác hơn là đưa con người đến thực chứng vô ngã. Tới đây chúng ta đã nhận ra vị trí ưu việt của giáo lý vô ngã trong Phật giáo. Giáo lý vô ngã chỉ có trong Phật giáo. Với giáo lý vô ngã đức Phật đã phá vỡ hệ thống triết học hữu ngã của Bà-la-môn giáo đã được thiết lập hàng ngàn năm trước Ngài. Đưa con người đạt đến tuyệt đỉnh trong triết lý và thực chứng trong đạo Phật.

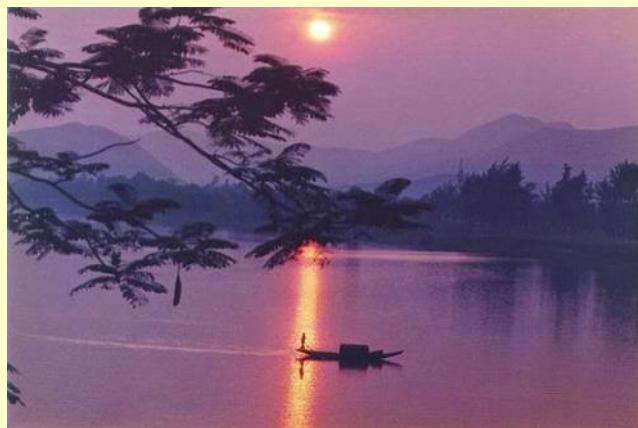
Chúng ta là đệ tử Phật mà không thấu hiểu về năm uẩn thì khó có mà đạt được lợi ích thiết thực cho đời sống tu tập. Chúng ta không cảm nhận được pháp lạc, niềm hoan, hạnh phúc trong giáo pháp của đức Phật thì không thể đạt được những mục đích cao hơn.

SÁCH THAM KHẢO

- * HT. Thích Minh Châu dịch, Trung Bộ Kinh, tập I, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2003
- * HT. Thích Minh Châu dịch, Trung Bộ Kinh, tập II, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2003
- * HT. Thích Minh Châu dịch, Trung Bộ Kinh, tập III, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2003
- * HT. Thích Minh Châu dịch, Tương Ưng Bộ Kinh, Tập III, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2003
- * Thích Nữ Trí Hải dịch, So sánh Kinh Trung A-hàm chữ Hán và Kinh Trung Bộ chữ Pāli, Nxb. TP HCM, 1998

CHÚ THÍCH:

1. HT. Thích Minh Châu dịch, Trung Bộ Kinh, tập I, Kinh Ví Dụ Con Rắn, số 22, tr. 318
2. HT. Thích Minh Châu dịch, Trung Bộ Kinh, tập I, Tiểu Kinh Saccaka, số 35, tr. 504
3. Sđd, tr. 499
4. Sđd, tr. 499
5. HT. Thích Minh Châu dịch, Trung Bộ Kinh, tập I, Kinh Tiểu Khổ Uẩn, số 14, tr. 213
6. HT. Thích Minh Châu dịch, Trung Bộ Kinh, tập I, Tiểu Kinh Saccaka, số 35, tr. 501
7. Sđd, tr. 505



LẦN THÂN MỘT DÒNG SÔNG

*Sống với núi mà tình chưa hóa núi
Nên đôi khi lần thân một dòng sông
Lần thân cánh chim màu hoàng hôn ướt sẫm
Cùng cánh bèo xao xuyến nổi sâu đông*

*Tiếng ai hát mà bờ xa sóng vỗ
Đẩy con đò trôi hút cỏi cô liêu
Rừng không ngủ và ngàn sao không ngủ
Tưởng lắng nghe chuông vọng bến Phong Kiều*

*Sống như đá mà tình chưa hóa đá
Lần thân trắng và lần thân cánh bướm khơi
Đóm lửa chài nhấp nhô miền hư ảo
Tưởng cùng ta nhấp nháy trái tim người*

*Nên nổi buồn cũng chàm rêu thành quách
Dòng sông đêm con nước chảy mơ hồ
Dầm tri kỷ tơ đàn xưa buốt lạnh
Thoảng mộng trường dăm bảy hạt sương khô.*

MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH

8. Sđd, tr.505
9. Sđd, tr.505
10. Sđd, tr.516
11. HT. Thích Minh Châu dịch, Trung Bộ Kinh, tập II, Kinh Ưu-ba-ly, số 56, tr.100
12. HT. Thích Minh Châu dịch, Kinh Tương Ưng, tập III, tr. 32
13. HT. Thích Minh Châu dịch, Trung Bộ Kinh, tập I, Tiểu Kinh Saccaka, số 35, tr. 514
14. Sđd, tr.515
15. Sđd, tr.515-516
16. Sđd, tr.515
17. Sđd, tr.511-512

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ TỔ CHỨC LỄ VÍA BỒ TÁT THÍCH QUẢNG ĐỨC

Thích Minh Dung ghi

Bồ Tát Thích Quảng Đức vị Pháp thiêu thân năm 1963 tại thành phố Sài Gòn để cứu nguy cho Phật Giáo trong một giai đoạn lịch sử nhiều thách đố và cam go. Hằng năm Phật giáo Hoa Kỳ đều tổ chức lễ Vía Ngài tại nhiều tiểu bang và thành phố khác nhau để tưởng niệm tri ân một thánh Tăng cận đại chứng đắc của Phật giáo.

Hôm nay Chủ nhật ngày 22 tháng 06 năm 2014, tại khuôn viên Phật Học Viện Quốc Tế, thành phố North Hill miền Nam California, đại lễ Vía Bồ Tát Thích Quảng Đức lần thứ 51 được tổ chức vô cùng trang nghiêm, cảm động, nói lên năng lực từ bi và tu chứng của một thánh tăng Việt nam.

"Có 162 Tăng Ni của nhiều Truyền thống, Tông phái và Giáo hội đến từ nhiều tiểu bang khác nhau", TT Nhật Huệ, Thư ký của Ban tổ chức cho biết. Về phía đồng hương Phật tử thì đến từ nhiều thành phố của miền Nam Cali, trong số ấy có một chiếc xe bus đến từ Las Vegas thuộc tiểu bang Nevada cách nơi tổ chức 350 dặm.

"Tôi tâm đắc nhất là sự hy sinh quên mình vì đạo pháp của Bồ Tát Thích Quảng Đức," Đại Đức Thiện Lợi trả lời, khi được hỏi điều gì đã làm cho Thầy cảm kích nhất về Bồ Tát. Thầy còn cho biết rằng con người ai cũng quý trọng chính bản thân mình vì nó được tạo thành và nuôi dưỡng từ cha mẹ. Tuy nhiên, Thầy nói: "đánh đổi sinh mạng mình để cứu sống vận mạng của Phật pháp, Tăng ni và Thiện tín là một hy sinh rất trân quý và xứng đáng." Đại Đức Thiện Lợi, 42 tuổi, đang trụ trì chùa Pháp Hoa, tiểu bang Connecticut.

Trong chương trình Lễ hôm nay ngoài thời kinh cúng dường Bồ Tát là lời Đạo từ Chứng minh của Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan. Năm nay ngài ở tuổi 86. Ngài phát biểu rằng biến cố năm 1963 đã để lại cho Phật giáo nhiều điều phước may. Trước hết là Trái Tim của Bồ Tát Quảng Đức. Trái tim Ngài đốt không cháy điều ấy minh xác sự chứng đắc của một thánh tăng. Thứ đến là năng lực của Phật Giáo Việt Nam. Bình thường thì tăng ni tín đồ sống an lành và bàn bạc thầm lặng nhưng khi Đạo

pháp bị nạn thì tay trong tay, lòng bên lòng, mọi người cùng vực dậy. Thêm nữa, "Tăng Tín Đồ Phật Giáo nên học hạnh biết ơn từ nghịch cảnh và nhìn ra những điều may trong những tình huống không may chút nào," Ngài dạy. Cũng trong Đạo từ này, Ngài khẳng định rằng nhờ biến cố 1963 mà cả thế giới biết và kính nể Phật Giáo Việt Nam cũng như tận tình giúp đỡ. Trong lời quán chiếu này, Ngài nói chúng ta nên cảm ơn cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm thay vì căm thù và lòng thù hận luôn đi ngược lại đạo từ bi của chúng ta.

Hòa Thượng Thích Thắng Hoan là Trưởng ban Vận động của 11 quận Đô thành Sài Gòn trong Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo thời năm 1963. Khi được hỏi về Trái Tim Bồ Tát thì Ngài cho biết, trong lúc hỏa thiêu xong và đem ra để tìm lấy Xá Lợi, lúc ấy có một cục than lớn bằng trái cam được liệng ra và đụng chân phải của Ngài. Ngài thấy cục than này sao mềm mềm rồi Ngài lượm lên để trên tay trái và lấy tay phải phui lớp tro bên ngoài. "Ồ, một vật gì sao còn máu đỏ tím như củ dền," Ngài la lớn và thông báo cho Ban Tổ Chức lễ Hòa Táng. Ban Tổ Chức sau khi kiểm nghiệm và xác định đây là trái tim nhưng đốt chưa cháy rồi trình lên Ủy Ban Liên Phái. Ủy Ban đem trái tim đi thiêu lại lần nữa với nhiệt độ 4 ngàn độ nhưng vẫn không cháy. Xá Lợi Tim của Bồ Tát được công bố sau đó. Hòa Thượng cho biết, Bồ Tát Quảng Đức tự thiêu vào ngày 11 tháng 6 năm 1963 tại ngã tư Phan đình Phùng và Lê văn Duyệt ở Sài Gòn và nhục thân Bồ tát được đưa vào lò thiêu An Dưỡng Địa ở Phú Lâm.

Khi được hỏi về ngày lễ Vía Bồ Tát Quảng Đức hôm nay, Thượng Tọa Tuệ Uy cho biết: "Buổi lễ hôm nay vô cùng cảm động. Ngài là vị Bồ Tát vĩ đại của Phật Giáo và dân tộc Việt nam. Buổi lễ cũng chuyển tải một thông điệp Từ bi và Trí tuệ của Bồ tát đến các thế hệ Phật giáo".

Buổi lễ Vía Bồ Tát Thích Quảng Đức được kết thúc lúc 10 giờ 30 sáng cùng ngày. Ngài là vị thánh tăng cận đại đã chứng đắc và phụng hiến đời mình cho Phật giáo Việt nam một cách cao cả.



SỰ TRUYỀN THỪA NI GIỚI ĐẮC PHÁP TRONG LỊCH SỬ PHẬT GIÁO

Thích Nữ Giới Hương

Thứ Sáu ngày 20/6/2014 tại Trường Hạ Phật Học Viện Quốc Tế, (LA, California), vâng lời tăng sai, Tỳ kheo ni Giới Hương, TKN Nguyên Ý và TKN Đức Huy được lên diễn đàn trường hạ để trình bày về Lịch Sử Truyền Thừa của các bậc tôn túc ni đắc pháp từ thời Phật đến nay.

Theo nghĩa thông thường, đắc pháp có nghĩa là đắc pháp nhân tịnh, chứng ngộ, không còn kiến thủ, giới cấm thủ và nghi ngờ Tam bảo, không còn trần sa hoặc và phiền não vi tế, tức khắc thành Phật, thành tổ, được truyền thừa y pháp, vv... Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này, đắc pháp cũng có nghĩa rằng các bậc tôn túc ni có giác tỉnh và thông đạt được pháp Phật và do đắc pháp như vậy, chư ni sẽ hết lòng cùng với đại tăng hoằng pháp lợi sanh. Ngược lại, nếu không đắc pháp thì sự phục vụ đó sẽ bị giới hạn và vướng mắc. Cho nên, hình ảnh các bậc tôn túc ni trong bài viết này có thể là các thánh ni A la hán, các Bồ Tát nữ đã đắc pháp hay các sư bà, ni sư, sư cô đã giải ngộ và hết lòng tận tụy tiếp chúng độ ni.

1. Hình ảnh Ni giới đắc pháp trong thời Đức Phật còn tại thế: Ni sư Giới Hương trình bày vào thời Phật, lúc đầu chỉ có Đức Phật và chư tăng tu tập và hoằng pháp. Sau đó, nhờ sự khẩn xin của Tỳ kheo A nan mà Đức Phật đã đồng ý cho Di Mẫu Đại Ai Đạo Kiều Đàm Di (Mahapajapati - Ma Ha Ba Xà Ba Đề), công chúa Da du đà la và 500 công nương dòng họ Thích Ca xuất gia với điều kiện phải giữ Bát Kính Pháp và từ đó Ni đoàn đầu tiên được thành lập.

Kinh Gotami (Tăng Chi Bộ III) và kinh Cù Đàm Di (Trung A Hàm II) dạy rằng Di mẫu Đại Ai Đạo cùng 500 công nương dòng họ Thích đã hy sinh tất cả vinh hoa phú quý của một hoàng thân để khoác lên mình mảnh y vàng thô thiển, cam chịu gian lao khổ nhọc, chân trần lội bộ khoảng 200 cây số từ kinh đô Ca tỳ la vệ đến thành Tỳ xá lý để khẩn thiết xin Đức Phật cho phép hàng nữ lưu được "từ bỏ gia đình, sống đời không nhà, theo pháp và luật của đức Như Lai tuyên thuyết". Đức Phật đồng ý với điều kiện phải tuyệt đối giữ gìn Bát kính pháp vì Đức Phật công nhận khả năng thành tựu Thánh quả của hàng nữ giới. Sau đó, Di mẫu Đại Ai Đạo và 500 Thích nữ được thọ tỳ kheo ni giới, thành lập ni đoàn, sống đời phạm hạnh và giải thoát như chư tăng. Công nương



Da Du Đà La cũng xin gia nhập ni đoàn và chứng quả A la hán với nhiều thần thông siêu vượt. Từ những sự kiện này, Di mẫu Đại Ai Đạo được xem như vị tổ ni đầu tiên đã chứng thánh quả A la hán và năm trăm tỳ kheo ni cũng lần lần gột rửa tất cả phiền não và đắc pháp thành A la hán liễu thoát sanh tử. Thật ra, Sơ tổ đã chứng quả Tu Đà Hoàn khi nghe Đức Phật thuyết bài pháp Dhammapala Jataka tại thành Ca tỳ la vệ và sau khi được xuất gia, sơ tổ đã chứng A la

hán và lưu bài kệ đắc pháp của ngài như sau:

*Liễu tri mọi đau khổ
Gột sạch nhân khát ái
Con đường Thánh Tám Ngành
Đoạn diệt - Ta chứng ngộ
Sanh tử đã đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

Từ khi có ni đoàn, ni giới thoát khỏi cảnh nô lệ của kiếp nữ nhi thường tình dưới xã hội Ấn Độ "trọng nam khinh nữ" và bắt đầu từ đó trang Phật sử Ni giới huy hoàng được mở ra cho đến ngày nay.

2. Hình ảnh Ni giới đắc pháp trong truyền thống Phật Giáo Nguyên Thủy: Sư cô Nguyên Ý trình bày trong Trường Lão Ni Kê có 75 vị ni chứng A-la-hán, trong đó tiêu biểu như có ba thánh Ni A la hán như sau:

Ni sư Sukha: trong thời Đức Phật còn tại thế, nàng Sukkha được sanh vào một gia đình quyền quý ở thành Vương Xá (Rajagada) và được đặt tên là Sukha (sáng suốt). Khi đến tuổi trưởng thành, nàng phát tâm tin Phật và trở thành một tín nữ thuần thành. Về sau, khi nghe ngài Dharmamdinna thuyết pháp, nàng đã xuất gia với ngài và tu tập thiền quán, chứng được pháp tín thọ, nghĩa tín thọ và trở thành một pháp sư giỏi. Tại đây, Ni sư Sukha thuyết pháp cho toàn thể ni chúng. Tất cả đều ngồi nghe, hoàn toàn im lặng, nhiệt tâm tín thành, tăng sâu lòng tin vào Phật, pháp, tăng. Khi đó, có một vị thần cây đứng ở cuối sân đã đến nghe pháp và đã tán thán hạnh thuyết pháp tuyệt diệu của nàng với bài kệ như sau:

*Chúng tôi nghĩ bậc trí
Uống được nước cam lồ
Dòng nước thật thuần tịnh
Không gì chướng ngại nổi
Chẳng khác kẻ đi đường*

Đón nhận nước mưa rơi.

Khi nghe thần cây nói như vậy, dân chúng rất lấy làm phấn khởi và thường đến nghe ni sư thuyết pháp. Một thời gian sau, trước khi nhập Niết bàn, Ni sư đã để lại bài kệ như sau:

Hỡi này nàng Sukha

Người con của ánh sáng

Được ly tham định tĩnh

Nhờ ánh sáng chánh pháp

Hãy mang thân cuối cùng

Sau khi thấy ma quân.

Như vậy, chúng ta thấy ni sư Sukha, nhờ tu pháp tín thọ và nghĩa tín thọ mà chứng được quả A-la-hán. Nhờ ánh sáng trí tuệ phát ra khi tu thiền quán và nhờ gương trí tuệ đó, ni sư đã chặt phá tất cả ma quân phiền não, đoạn trừ tất cả lậu hoặc, chứng quả A-la-hán và trở thành một pháp sư lỗi lạc. Như vậy, nữ lưu ni giới có thể chứng quả và có thể trở thành những nhà Như Lai Sứ giả hoằng pháp độ sanh.

ii) *Sư cô Abhirupa Nanda*: trong thời Đức Phật còn tại thế, nàng Abhirupa Nanda được sinh ra ở Kapilavatthu, con gái của vua Khemala, dòng họ Thích Ca (Sakya). Vì nàng đẹp, nên được đặt tên là Abhirupa Nanda (Nanda đẹp). Sau khi xuất gia, sư cô vẫn tự kiêu với sắc đẹp của mình và sợ Đức Thế Tôn quở trách, nên sư cô thường tránh né ngài. Đức Thế Tôn biết hạnh sư cô Nanda đã thuần thực, nhưng chưa chứng quả vì còn tự kiêu và dính mắc về sắc đẹp của mình, nên Đức Thế Tôn bảo tổ ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề (Mahapajapati) quy tụ các vị tỷ kheo ni để ngài dạy bảo. Sư cô Nanda nhờ người khác đi thế, nhưng Đức Thế Tôn không chấp nhận và buộc lòng sư cô phải đi đến dự. Lúc đó, Đức Thế Tôn hóa thành một nữ nhân rất đẹp, đẹp hơn cả sư cô Abhirupa Nanda, nhưng dần dần bị bệnh hoạn già nua rồi chết. Khi đó, sư cô rất xúc động, tình ngộ và phát ra ánh sáng trí tuệ để đoạn trừ tâm tham đắm sắc đẹp. Đức Phật liền nói bài kệ như sau:

Nàng Nanda hãy nhìn

Tâm thân chỗ quy tụ

Nhiều bệnh hoạn bất tịnh

Đầy hôi hám thối nát

Tâm nàng hãy tu tập

Quán tri, tánh bất tịnh

Đạt cho được nhất tâm

Tâm tư khéo thiền định.

Hãy tu tập vô tướng

Hãy bỏ mạn tùy miên

Do thắng tri được tâm

Sư sẽ sống an tịnh.

Sau khi nghe Đức Thế Tôn nói bài kệ này xong, sư cô Abhirupa Nanda nhận thấy được các pháp vô thường và ngộ ra rằng tâm thân này chỉ chứa toàn là đồ bất tịnh và bệnh hoạn. Vậy mà lâu nay, sư cứ tham đắm lấy nó và sinh lòng tự kiêu, tự mãn. Chính vì sự say mê đó mà sư không thể chứng được đạo quả. Nay nhờ Đức Thế Tôn chỉ bảo mà sư đã phát sanh được trí tuệ và dùng gương trí tuệ đó chặt tan tâm tham đắm sắc đẹp, do đó mà sư đã chứng được quả A-la-hán.

iii) *Sư cô Sumana*: trong thời Đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Savatthi, là quận chúa, chị của vua Kosala. Sau khi nghe Đức Phật thuyết pháp, nàng chứng được quả Bất Hoàn và xin được xuất gia dù tuổi đã lớn. Sư cô tu tập rất nghiêm mật và Đức Phật thấy được sự trưởng thành thuần thực và trí tuệ của sư cô, nên nói bài kệ như sau:

Hỡi này lão ni kia

Hãy an lạc nằm nghi

Chính tự mình làm lấy

Lòng tham người an tĩnh

Người mắt lạnh tịch tĩnh.

Nghe xong, sư cô thấu triệt ý nghĩa bài kệ và chứng quả A-la-hán.

Như vậy, chúng ta thấy từ khi được Đức Từ Phụ Thế Tôn cho phép ni giới nữ lưu xuất gia nhập dòng họ Thích Tử thì ni giới cũng đã nỗ lực tu tập tinh tấn, chuyển hóa phiền não để chứng quả như đại tăng.

3. Hình ảnh Ni giới đặc pháp trong truyền thống Phật Giáo Đại Thừa:

Sư cô Đức Huy trình bày rằng trong kinh Quán Vô Lượng Thọ dạy có một vị nữ bồ tát đã đặc pháp chứng ngộ là hóa thân của Đại Thế Chí Bồ Tát và Đại Thế Chí vốn là một vị cổ Phật. Vì xét thấy, chúng sanh phước mỏng nghiệp dày, trầm luân sanh tử luân hồi nên ngài đã phát nguyện trở lại làm bồ tát nữ trụ trong ta bà để điều phục và tiếp độ chúng sanh cang cường. Bồ tát có sức tinh tấn, điều phục các phiền não và giáo hóa chúng sanh không mệt mỏi. Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật khen ngợi: "Nhân vì chúng sanh phát tâm đại từ bi, nhân lòng từ bi mà phát bồ đề tâm, nhân vì phát bồ đề tâm mà thành ngôi chánh giác." Hình ảnh bồ tát Đại Thế Chí là vị nữ cư sĩ, cổ đeo chuỗi anh lạc, tay cầm hoa sen xanh, tâm định như gương sáng, thanh tịnh như nước lặng. Hạnh nguyện của ngài về tinh tấn, tu tâm dưỡng tánh hành bồ tát đạo là một gương sáng cho chư ni học hỏi.

Bồ tát Quan Thế Âm là một vị cổ Phật, đã đặc pháp chứng ngộ, hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Vì thương chúng sanh, nên ngài phát nguyện ứng thân xuống ta bà, thực hiện từ bi, cứu độ chúng sanh. Theo Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Phổ Môn phẩm, Đức Phật Bốn Sư có dạy rõ rằng do Bồ Tát Quan Thế Âm tu pháp môn nhĩ căn viên thông, hạnh lắng nghe tiếng kêu cứu, tiếng cầu nguyện mà cứu khổ, nên Đức Phật đã đặt cho ngài danh hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát. Do chúng sanh còn tạo nghiệp và còn trôi lăn trong nhiều cảnh giới sanh tử, nên ngài thị hiện 32 tướng để cứu chúng sanh thoát khỏi hiểm nguy, nên được gọi là Quán Tự tại Bồ tát. Bởi lẽ ngài hiện thân là một nữ bồ tát với đức từ bi thương chúng sanh như mẹ thương con nên gọi là Từ Mẫu Quan Âm.

Hình ảnh hai vị bồ tát nữ Đại Thế Chí và Quan Thế Âm và những đại nguyện vì người của các ngài đã giúp cho giáo pháp của Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật xóa được tư tưởng truyền thống trọng nam khinh nữ đã dai dẳng trong lịch sử Ấn Độ. Qua đại nguyện của các ngài đã cho chúng ta thấy: từ bi và trí tuệ là đôi cánh cần thiết để người con Phật đi đến giải thoát, là tấm gương để chư ni học và tu theo. Ni Giới đặc pháp trong truyền thống Đại thừa là những bậc tôn túc ni luôn ban vui và cứu khổ.

4. Hình ảnh Ni giới đặc pháp từ thế kỷ thứ XI đến nay:

Ni Sư Giới Hương trình bày rằng trong Sử Thiền Sư Việt Nam của Hòa Thượng Thanh Từ, có Ni sư Diệu Nhân thuộc thế kỷ XI-XII vốn là công chúa Ngọc Kiều, đời Lê, xuất gia. Do một lòng tri giới, hành thiền, đạt tam-ma-địa và thấu đáo giáo nghĩa đại thừa nên ni sư trở thành pháp sư đại thừa nổi tiếng và một bậc tôn túc ni kiệt xuất trong hàng Ni chúng Việt Nam. Ni sư để lại nhiều bài kệ thiền như cổ người hỏi: *Sao gọi ngồi yên?* Đáp: *Xưa nay không đi.* Hỏi: *Sao gọi là không lời?* Đáp: *Đạo vốn không lời.* Kệ thị tịch của ni sư chứng tỏ ni sư đã đặc pháp đến nơi rốt ráo:

Sanh già bệnh chết



**Chân Dung Sư Bà
THÍCH NỮ DIỆU KHÔNG**
Khai Sơn Hồng Ân Ni Tự
Tuần Chúng Ni Bộ toàn quốc

*Từ xưa thường vậy
Muốn cầu thoát ly
Cởi trói thêm buộc.
Mê mới tìm Phật
Lầm mới cầu thiền
Thiền Phật chẳng tìm
Ngậm miệng không
nói.*

Ni sư tịch lúc 71 tuổi và thuộc thế hệ thứ 17 trong dòng thiền Tỳ-ni-đa-lưu-chi. Đây là vị ni duy nhất chứng tỏ sư thiền. Vào năm 1299, vua Trần Nhân Tông xuất gia hiệu là Hương Vân Đại Đầu Đà, thành lập dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử và lúc đó Hoàng hậu Khâm Từ, phu nhân của Vua Trần Nhân Tông, cũng xuất gia (Phật Giáo Tổng

Quan, Trần Quang Thuận, trang 183).

Trong cuốn Am Mây Ngủ của Sư ông Nhất Hạnh đã kể rằng vào thế kỷ XIV để giữ mối giao hảo giữa nước Champa/Chiêm (Kapuchia) và Việt, vua Trần Nhân Tông đã gả công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm để cả hai nước kết hợp mà chống giặc ngoại xâm Mông Cổ. Một năm sau khi Vua Chiêm chết, công chúa trở về Việt Nam xuất gia lúc đó chỉ mới 21 tuổi và trở thành Ni Sư Hương Đàm. Ni sư thường hành thiền trên núi Yên Tử nơi có nhiều mây nên tựa đề cuốn sách này gọi "Am Mây Ngủ" nghĩa là am thất trên đỉnh núi nên tiếp giáp với nhiều mây ngàn gió lộng. Cũng thuộc thế kỷ XIV, đời Trần có Ni Sư Từ Quán, sống ở am Thanh Lương, được vua Trần Nghệ Tông đặc hiệu là "Tuệ Thông Đại Sư" là vị ni duy nhất được ban hiệu Đại Sư. Ni sư đem thân thí cho cạp đối ăn, nhưng lòng từ của ni sư đã cảm đến loài hổ lang khiến chúng quì mọp chung quanh ni sư mà không ăn thịt ni sư. Một thời gian sau, ni sư thị tịch và để lại di chúc là: "Sau khi ta mất nên chia bớt xương ta lại đây để mài làm thuốc mà trị bệnh cho người đời. Vì đời đã khổ, ta nguyện cứu khổ." Rõ ràng xương của ni sư đã cứu nhiều bệnh nhân.

Những thế kỷ tiếp theo chưa tìm được văn sử nói về Ni giới đặc pháp. Riêng thế kỷ XX và XXI chúng ta có rất nhiều bậc cao ni như:

1) **Sư Bà Như Thanh:** đã nuôi chí xuất trần giữa tuổi hoa niên tươi đẹp và thế phát xuất gia lúc 22 tuổi. Sư bà nghiêm trì giới pháp, thường dạy luật Tỳ Kheo Ni cho ni chúng ở miền tây, trung và nam bộ. Ngài là bậc lương đồng cho ni giới, tiếp chúng độ ni đến hàng trăm vị, thường mở khoá an cư kiết hạ cho ni chúng từ các nơi về. Sư bà đã kêu gọi vận động ni ở các miền tây, trung và nam bộ thành một đoàn thể thống nhất Ni bộ. Sư bà đã làm đàn chủ và Hòa thượng đàn đầu cho 16 giới đàn ni, đã khai sơn và trùng tu trên 10 tự viện, mở các cơ sở tự túc, hoạt động từ thiện xã hội, mở trường dạy văn hóa và phòng thuốc. Bên cạnh đó, sư bà cũng có cống hiến rất lớn về mặt văn hóa, dịch thuật và trước tác như 12 tác phẩm, 7 dịch phẩm, 9 thi phẩm. Sư bà trụ thế 89 tuổi và 67 tuổi đạo. Một bài kệ rất thiền vị do sư bà cảm tác như sau:

*"Duyên xưa định sẵn lẽ thâm huyền,
Ni bộ thành đoàn thẳng cội nguyên."*

*Vui đẹp cơ thiền do lặng ngẫm,
Sáng soi trí Thánh bởi lưu truyền.
Nhọc chi Đông tới Tây về nữa,
Chỉ đến sông mê nẻo giác thuyền.
Năm sắc mây lành theo nguyện đến,
Niết-bàn thanh tịnh tại lòng thiền".*

2) **Sư Bà Diệu Không:** xuất gia năm 27 tuổi, đã thành lập ni viện Diệu Đức và Hồng Ân để tiếp chúng độ ni. Sư bà cũng trùng tu nhiều chùa ni khác như cơ sở Kiều Đàm tại Sài Gòn và lập nhiều cô nhi viện cũng như tham gia từ thiện xã hội. Vốn dòng dõi quý tộc, thiên tư thông thái và rất thâm sâu về Phật pháp, nên sư bà có nhiều cống hiến cho các mặt văn hóa, giáo dục, dịch thuật, trước tác, thi phú và cộng tác với nhiều tạp chí Phật giáo. Nhiều dịch phẩm của sư bà rất có giá trị như Đại trí độ luận, kinh Di lặc hạ sinh thành Phật, Thành duy thức luận, Lăng già Tâm ấn, Du già Sư địa luận, Hiện thật luận, Trung quán luận lược giải, v.v... Sư bà là một vị tôn túc Ni đạo hạnh tiêu biểu cho tinh thần ni giới xứ Huế. Năm 1997, sư bà thị tịch, hưởng thọ 93 tuổi đời với 53 hạ lạc. Hai câu đối liễn trong kỷ yếu đã về nói những đạo hạnh của ngài như sau:

Chiêm ngưỡng hạnh tiền đức, lòng vời vợi thương đạo thương đời, ngày tháng Hồng Ân báo ân.

Quán soi tâm hữu tình, trí miên man cứu nạn, cứu khổ, sớm chiều đại nguyện.

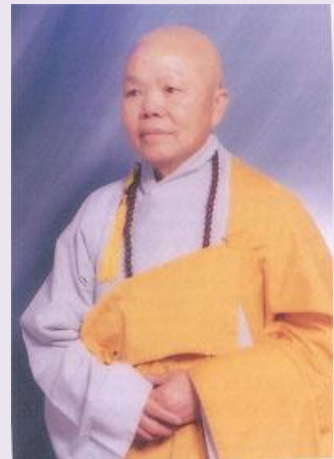
3) **Sư Bà Đàm Lưu:**

xuất gia năm 16 tuổi và làm giám đốc cô nhi viện tại Sài Gòn. Năm 1984, định cư tại Mỹ và thành lập Chùa Đức Viên, tại San Jose, California. Sư bà tổ chức bán cơm chay hàng tuần và lượm lon, ve chai, giấy bán... để gây quỹ xây chùa. Mở lớp dạy Việt Ngữ Đức Viên và có đài phát thanh Phật giáo hàng tuần. Sư bà luôn thể hiện tinh thần khiêm cung, hòa ái, nhẫn nhục, tận tụy như người mẹ hiền lo cho con trẻ trong sứ mệnh phụng sự chúng sanh. Dù Phật sự đa đoan nhưng lúc nào sư bà cũng niệm Phật khi đi, khi đứng, khi ngồi. Năm 1999, Sư bà viên tịch, thọ thế 67 năm, 48 hạ lạc. Theo như kỷ yếu của chùa Đức Viên cho biết sư bà đã dốc những năng lực giải thoát không thể nghĩ bàn và đã chứng pháp thân như kinh Niệm Phật Ba La Mật đã nói bởi lẽ đạo hạnh từ bi và tu tập của sư bà lúc sinh tiền và bởi lẽ sư bà đã để lại hàng trăm viên xá lợi nhiều màu như những chuỗi ngọc trai tuyệt đẹp.

*Ai nói nữ lưu không huy quang Tam Bảo
Không đem Diệu Pháp sưởi ấm nhân hoàn?*

Sư bà là bậc tôn túc lương đồng trong hàng ni giới tại Mỹ đã thành tựu sự nghiệp tiếp dẫn hậu lai báo ân Phật đức.

4) **Tôn Sư Hải Triều Âm** thường viết báo với bút hiệu Cát Tường Lan. Lúc 29 tuổi, xuất gia học đạo với Hòa Thượng T Đức Nhuận. Do túc duyên Phật pháp thâm sâu và rất chân thành giữ giới định tuệ như lời Đức Phật dạy nên chúng ni về tu học rất đông. Đệ tử tại gia cả ngàn, đệ tử xuất gia khoảng





800 vị và thầy đã thành lập hơn 10 chùa ni ở Đại Ninh, Lâm Đồng và Sài Gòn để chúng ni tu học. Thầy theo tông tịnh độ tam muội, phát nguyện vãng sanh tịnh độ. Hàng năm cứ đều đặn vào mùa xuân, thầy dạy kinh Lăng Nghiêm để chúng hiểu ý nghĩa đại thừa mà mình tâm kiến tánh, mùa hạ dạy luật để nghiêm trì giới thân, mùa thu dạy Tứ niệm xứ, quán thân, thọ, tâm, pháp để buông xả pháp thế gian mà một

lòng cầu đạo giải thoát.

Thầy toát yếu lại các bộ kinh như Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Bát Nhã, luật Tỳ kheo ni, Tứ Niệm Xứ... với cách hành văn đơn giản, dễ hiểu, ví dụ xác thực trong đời sống hàng ngày để ni chúng với trình độ học vấn trung bình cũng có nắm được tinh hoa lời Phật dạy mà thực tập tu. Thầy có gần 100 đầu sách nhưng không cuốn nào thầy ghi tên mình mà chỉ ghi tên các đệ tử của mình là tác giả hay soạn giả. Cả một đời của Thầy đã nêu cao tấm gương hết lòng vì pháp quên thân, vô ngã, vô pháp, nên thầy đã tận lực đùm bọc che chở, nuôi dưỡng thánh chủng cho hàng trăm ni chúng hậu học. Năm 2013, Tôn sư đã viên tịch, trụ thế 94 năm, 60 năm tuổi đạo.

*Sông núi dẫu mai có chuyển dời
Ân tình thâm trọng chẳng thể với
Con nguyện khắc ghi lời dạy bảo
Làm gỏi hành trang suốt cuộc đời.*

Bên cạnh bốn sư bà Như Thanh, sư bà Diệu Không, sư bà Đàm Lưu, Tôn sư Hải Triều Âm như đã nêu trên, còn có nhiều chư tôn đức ni đặc pháp khác như Ni trưởng Trí Hải, Ni Trưởng Bảo Nguyệt, và nhiều vị khác vv... đã thể hiện những nét đẹp cao quý trong hàng ni giới của thời đại hiện nay.

5. Những Đức Hạnh mà Chư Ni cần có

1) Giới tính không làm rào cản cho hạnh nguyện tự giác và giác tha: trong cuốn kỷ yếu có ghi Sư bà Diệu Không đã nguyện rằng đời đời kiếp kiếp ngài luôn mang thân nữ để độ cho nữ giới và không cầu sinh Tịnh độ: "Nguyện Phật chứng minh muôn vạn kiếp, con xin lần lóc cõi Ta Bà". Có lẽ do hạnh nguyện ấy mà đến đâu Sư bà cũng được chư ni và Phật tử đến cầu học rất đông. Như vậy, giới tính không làm rào cản cho hạnh nguyện tự độ và độ tha của mỗi chúng ta. Quý Sư bà mang thân ni giới mà vẫn có thể cùng đại tăng hoằng pháp, lợi sanh.

2) Ưu thế của nữ giới là mềm mỏng, nhẹ nhàng, dịu dàng, chịu đựng, dấn đang và bền bỉ nên có thể giúp ni giới dễ tiếp cận với Phật pháp, đặc pháp và hoằng pháp.

3) Với ý chí mạnh mẽ, tự tin và cương quyết, ni giới có thể cùng chia sẻ gánh nặng với đại Tăng trong việc nâng đỡ, dìu dắt chư ni cũng như đào tạo ni tài để duy trì gia phong của Đức Từ Phụ.

4) Các bậc tôn đức ni như Sư bà Như Thanh, sư bà Diệu Không, sư bà Đàm Lưu, Tôn sư Hải Triều Âm đã mạnh dạn đứng lên như những bậc xuất trần thượng sĩ phụ với chư tăng, chia sẻ gánh nặng với đại tăng trong sứ mệnh "Như Lai Sứ Giả".

6) Sư bà Như Thanh cũng như Tôn sư Hải Triều Âm khuyên chư ni phải nhập thất tinh tu, hầu củng cố thêm đạo lực, đức lực, phước lực, trước khi ra phụng sự chúng sanh thì sẽ tránh nhiều lỗi lầm sơ sót và việc làm của chúng ta sẽ trở thành việc Phật.

Tóm lại, kinh A-hàm, Đức Phật đã dạy rằng: "Này Ananda, sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong pháp và luật do Như Lai thuyết giảng, nữ nhân có thể chứng được Dự Lưu quả, Nhất Lai quả, Bất Lai quả và A-la-hán quả."

Trong kinh Đại thừa, Đức Phật cũng đã nhấn mạnh: "Ai cũng có tánh Phật, ai cũng có khả năng thành Phật và đặc pháp". Lịch sử truyền thừa của các bậc tôn túc Ni đặc pháp, chứng quả và tiếp chúng độ ni từ thời Đức Phật Thích Ca đến thế kỷ XXI hiện nay như đã nêu trên là một tiếng chuông ngân vang thức tỉnh cho chúng ta biết rằng Phật giáo rất bình đẳng giữa nam và nữ, giữa tăng và ni, không có phân biệt giới tính. Ai tu cũng có thể đặc pháp. Cho nên, chư ni nhất là các ni trẻ không nên tự ti mặc cảm và phải nỗ lực phát huy những khả năng đạo hạnh mà quý sư bà của chúng ta đã đi.

Hình ảnh của chư tôn đức ni luôn là những khuôn mẫu mô phạm xuất thế độ sanh cho hàng hậu học ni giới khát ngưỡng và tu học. Sự đặc pháp tựa như gỗ chiên đàn, khiến hương thơm trí tuệ, tài năng và lòng từ bi của các ngài đã lan toả và đã làm rạng danh cho hàng Thích Nữ nói riêng và Phật giáo nói chung.

6. Câu hỏi và vấn đáp: Với ước mong có **đầy đủ hình ảnh các tổ ni trong lịch sử Phật giáo để góp thành một cuốn sách**, Ni sư Giới Hương cầu thỉnh đại tăng bổ sung thêm hình ảnh của Ni giới đặc pháp mà sự hiểu biết của thuyết tri viên vẫn còn hạn hẹp chưa biết đến. Các ngài góp ý còn Tăng Mạn phu nhân, nàng Liên Hoa Sắc... (**thuyết trình viên vẫn chờ đợi đại tăng và quý Phật tử xa gần chỉ dạy và bổ sung:** huongsentemple@gmail.com). Câu hỏi vì sao Long Nữ thoát nhiên biến thành nam tử rồi mới thành Phật mà không trực tiếp từ thân nữ? Thượng Tọa Hóa chủ trường hạ Thích Minh Chí trả lời: Kinh Niết Bàn có 2 trang nói về ái dục của người nữ rất nặng, nên phải chuyển thành nam rồi mới thành Phật. Hoà thượng Tăng Hoan nói rằng vì long nữ là rồng, nên phải chuyển thành người rồi từ đó thành Phật và ngài đã tặng cho các con cháu của Sơ tổ Kiều Đàm Di một bài thơ "Gương Sáng Kiều Đàm Di" như sau:

*Trăng trí tuệ muôn đời tỏ rạng
Kiều Đàm Di gương sáng vẫn còn đây
Chốn cung vàng điện ngọc mành chi
Ngôi hoàng hậu ra đi phôi sạch
Quyết tìm đạo sát già ngăn cách
Hướng nẻo Chân thủ thách gian lao
Phật quần thoa mong đạt pháp mầu
Làm ngọn đuốc nghìn sau mở lối
Chị em hỡi cùng nhau tiếp nối
Dấu chân xưa kết hội hoa đăng
Độ chúng sanh thế giới ba ngàn
Thuyền Bát Nhã quay sang bến mộng.*

Nhật Ký An Cư, Phật Học Viện Quốc Tế,
California, ngày 20/6/2014

Kính tường,
Thích Nữ Giới Hương

Một năm đã trôi qua

THÍCH NHƯ ĐIỀN



Cố HT Thích Minh Tâm

Thời gian mãi trôi qua, không gian chưa bao giờ ngừng sự chuyển động và con người cũng phải già thêm, vì không thể cưỡng lại định luật vô thường vốn tự có. Ngày xưa khi Đức Phật còn tại thế Ngài hay dạy cho các vị đệ tử rằng: Phàm những gì có hình tướng thì tất cả đều bị chi phối bởi sự vô thường, mà đã vô thường thì nguyên nhân chính của nó là khổ, nhưng thật ra cái khổ nó cũng không có thật tướng, vì bản thể của mọi hiện tượng đều là không. Sở dĩ có, vì có ái và thủ chấp hữu, nên mới có những tướng sanh diệt. Khi nào không duyên vào bất cứ một hiện tượng hay hình thức nào bên ngoài, thì lúc ấy chúng ta sẽ chứng được thực tướng của Niết Bàn vô sanh vô diệt.

Thế nhưng đối với tất cả chúng ta vẫn còn đang sống trong sự sanh diệt và sự đối đãi của nhị nguyên, nên chúng ta vẫn còn khổ đau, vui buồn chi phối. Ít ai vui được khi một người thân nhất trong đời của mình đã ra đi vĩnh viễn. Vì lẽ những kỷ niệm vui buồn trong cuộc sống, có thể là năm năm, mười năm hay nhiều hơn thế nữa, vẫn là những dấu ấn đáng lưu giữ nơi tâm. Ví như cha mẹ sinh ta ra, là một rong những ân trọng mà ta không thể nào quên được, dầu cho đó là một người con bất hiếu đến đâu đi chăng nữa thì ở một phút giây nào đó đứng trước sự mất mát vĩnh viễn kia của hai đấng sinh thành, thì đây sẽ là cơ hội để thức tỉnh lương tâm của người cùng tử ấy. A Xả Thế hay Vô Nãi là những bằng chứng cho ví dụ này.

Ơn Thầy Tổ hay ơn tế độ của những bậc Tôn Sư cũng không kém phần quan trọng. Tuy các Ngài không tạo ra hình hài vóc dáng của mình như cha mẹ của ta, nhưng các Ngài đã dạy cho ta ăn học, biết cách xử thế ở đường đời cũng như đường đạo, để từ đó chúng ta có cơ hội rõ biết được lối đi về của hai nẻo tử sinh. Các Ngài đã dạy cho ta sự hiểu biết, giúp cho ta rõ được việc thiện ác, chỉ cho ta con đường ngay lẽ phải v.v... chính đây là những chất liệu dưỡng sinh để chúng ta có đầy đủ nghị lực để vào đời. Vì đời này chính là một môi trường đấu tranh kiên cố. Nếu không có những bậc Tôn Sư như thế, chắc rằng chúng ta sẽ dễ bị ngoại cảnh chi phối.

Một nhân duyên không nhỏ đối với Tăng Ni và Phật Tử Việt Nam tại Âu Châu là đã được gần gũi, tiếp cận cũng như thọ lãnh sự giáo hóa của một bậc Thầy cao cả như thế. Đó là cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu kiêm Viện chủ chùa Khánh Anh tại Paris Pháp Quốc, Ngài đã đến với trần thế này vào năm 1940 và Ngài đã thị hiện xả bỏ báo thân tại Phần Lan, nhân khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 25 vào ngày 8 tháng 8 năm 2013, nhằm ngày mồng hai tháng bảy năm Quý Tỵ, thế thọ 75 tuổi đời và hơn 60 năm Tăng Lạp (Ngài xuất gia năm 1949, lúc Ngài 9 tuổi). Một sự ra đi chẳng ai ngờ, không một lời dặn bảo, chẳng có một sự trở trần hay đau đớn trước khi thở hơi thở cuối cùng tại bệnh viện Turku Phần Lan. Đây là một hạnh phúc đối với Ngài. Vì những gì Ngài mong mỏi, Ngài đã thực hiện trọn vẹn trên chuyến lữ hành cô

độc của một kiếp nhân sinh suốt trong một dặm đường trình của 75 năm trong một cuộc lữ du như thế. Ngài đã mong cho Giáo Hội và Tăng Đoàn được vững mạnh qua việc tu học và Ngài cũng đã không quên giáo hóa Phật Tử tại gia qua những chuyến lữ hành hoằng pháp xuyên lục địa, bất kể ngày đêm năm tháng. Nơi nào cần Ngài đã đến, nơi nào cung thỉnh thì Ngài đi. Cứ thế và cứ thế bước chân của người Khất Sĩ đã dạo chơi trong khắp chốn Ta Bà này. Ngài mong có được những khóa an cư kiết hạ nhân khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu mỗi năm trong 10 ngày tại mỗi nước khác nhau, việc ấy nay cũng đã được chư Tăng Ni tuân thủ hành trì từ năm rồi tại Phần Lan. Đây là cơ hội để chư Tôn Đức Tăng Già ngồi lại bên nhau để tri tụng bộ Kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa mỗi đêm một quyển, trong khi các Phật Tử tại gia vẫn học tập với chư vị khách Tăng đến giảng dạy từ khắp nơi trên thế giới. Rồi tụng giới Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Bồ Tát giới tại gia v.v... đây là những hình ảnh hòa hợp của Tăng Đoàn giống như thời Đức Phật còn tại thế. Chắc hẳn Ngài đã vui, trước khi theo Phật về Tây tại Phần Lan vào năm trước? Năm nay và những năm sau nữa cũng sẽ như vậy để Thầy đang ở một chốn xa xăm nào đó dõi mắt nhìn về cõi này sẽ mỉm cười tự tại khi những pháp lữ, đệ tử, học trò thân thương của mình vẫn thực hành theo những di chỉ của mình đã hoai bảo.

Rồi an cư kiết đông đã được một lần tổ chức tại chùa Trí Thủ ở Thụy Sĩ, nơi ấy Thầy cũng đã hiện thân đến và nay mai đây những ngày kiết đông như vậy cũng sẽ được tổ chức tại chùa Linh Thứu ở Berlin hay Khánh Anh tại Paris cũng như những nước sẽ đứng ra đăng cai tổ chức. Chắc Thầy đã vui khi thị hiện qua hình ảnh của một con bướm trắng ngày nào đã nhỡn nhơ bay lượn trên chảnh điện vào một sáng tụng Lăng Nghiêm nhân khóa Tu Học Phật Pháp kỳ thứ 26 tại Thụy Sĩ vừa rồi. Con bướm ấy đến nghe kinh, con bướm đậu trên những hoa sen đang khoe sắc, con bướm bay dạo khắp chảnh điện, rồi con bướm lại bay xa như chẳng còn luyến tiếc một điều gì nữa, khi mà mọi hoài bão đã được vẹn toàn.

Trong Khóa Tu học năm nay tại Thụy Sĩ có đến 96 Tăng Ni và 841 nam nữ Phật Tử học viên đến từ 17 nước khắp bốn châu lục: Mỹ, Úc, Á và Âu Châu. Đây là con số chẳng ai ngờ. Vì biết rằng khi Thầy vắng bóng thì năng lực để thành tựu như lúc Thầy còn tại tiền, khó ai có thể nối kết nổi. Có lẽ do vì sự gia hộ của Thầy cũng như sự quan tâm của quý Phật Tử xa gần chịu ơn Thầy, không muốn cô phụ Thầy trong việc hoằng pháp lợi sanh nên kỳ này có những cụ già trên 90 tuổi vẫn hiện diện. Điều ấy cũng là hình ảnh vi diệu để nhắc nhở cho con cháu của cụ bà phải luôn luôn tiếp nối pháp Phật, không để cho gián đoạn, mặc dầu Thầy đã không còn hiện hữu trên thế gian này nữa. Đặc biệt kỳ này có hơn 60 Phật Tử phát tâm thọ Bồ Tát Giới tại gia. Chắc hẳn Thầy đã vui, khi có nhiều người mong cầu thực hành Bồ Tát hạnh như vậy.

Ngôi chùa Khánh Anh tại Evry xây dựng tuy còn dang dở, nhưng những pháp lữ cũng như những đệ tử xuất gia và tại gia của Thầy sẽ cố gắng xây dựng cho xong để kịp vào lễ khánh thành từ ngày 13 đến ngày 16 tháng 8 năm 2015 sắp đến để kỷ niệm 20 năm xây dựng và cũng là ngày lễ Đại Tường của Thầy. Ngày ấy chư Tăng Ni và Phật Tử khắp nơi câu hội về, nhưng sẽ không có Thầy hiện diện và ai ai cũng có ý mong chờ. Biết đâu lúc ấy sẽ có một con bướm trắng lại xuất hiện để lượn quanh khắp ngôi chùa Khánh Anh và các Pháp Lữ của Thầy rồi Thầy cũng sẽ đi vào chỗ Vô Sanh Pháp Nhẫn. Vì Thầy vẫn mang một đại nguyện là làm sao cho Giáo Hội Âu Châu phải có một ngôi nhà chung và bây giờ Thầy đã toại nguyện rồi đó. Những thiếu thốn trong việc tiếp tục xây dựng sẽ được bà con Phật Tử xa gần cũng như chư Tôn Đức Tăng Ni của Giáo Hội kề vai ra để gánh vác. Thầy hãy đừng bận tâm cho những công việc như thế tại đây. Vì những gì có hình tướng, thực ra chỉ là những chuyện đối đãi nhị nguyên mà thôi.

Mỗi năm nhân Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu sẽ dành ra một buổi để tưởng niệm Thầy và chư vị Tổ Sư tiền bối hữu công. Vì chính Thầy đã khai tâm cho không biết bao nhiêu người đã được quay về bốn giác và mong rằng sự tưởng niệm ấy vẫn luôn được tiếp diễn như vậy để thâm tạ ân đức của Thầy đã dày công giáo hóa Tăng Ni cũng như tín đồ Phật Tử khi Thầy còn tại thế ở chốn trời Âu này. Hôm ngày 5 tháng 7 năm 2014 vừa qua, tại chánh điện của Khóa Tu Học kỳ thứ 26 đã có hàng ngàn người đã phủ phục trước di ảnh của Thầy để đánh lễ và tưởng niệm. Lời kinh trầm hùng được xướng lên của chư Tôn Đức Tăng Ni cử hành theo nghi lễ Phật Giáo Huế qua quyển Pháp Sư Khoa Nghi do cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Đệ Tứ Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất biên soạn. Ngài cũng là vị Thầy y chỉ của Thầy khi Thầy còn tu học tại Phật Học viện Hải Đức Nha Trang từ những năm 1956, 1957, rồi Thầy trò xa nhau từ khi Thầy sang Nhật Bản du học (1968). Hôm nay âm dương, Tịnh Độ hai nẻo đi về tuy bị cách trở bằng hình hài, nhưng tâm thức đã dường như được cảm thông qua những câu văn phụng thỉnh Giác Linh hôm ấy. Nhiều người đã bật lên tiếng khóc nghẹn ngào khi cảm niệm đến ân sư. Những giọt nước mắt lăn tròn trên gò má hay những cái ngẩng nhìn đầy triu thương kính với Người, giờ đây chỉ có thể cảm nhận mà không thốt lên được một lời nào, nhất là những người đã một thời cùng với Thầy chung vai góp sức để lo cho chùa Khánh Anh và cho Giáo Hội. Khi Thầy còn sống, Thầy cũng đã được nghe không biết bao nhiêu là thị phi nhơn nghĩa và bây giờ ngược lại Thầy chỉ cảm nhận toàn là những chuyện hay, chuyện đẹp của thế nhân xưng tụng mình, chắc Thầy cũng sẽ buồn cười cho màn kịch của nhân thế phải không? Vì tánh Thầy vốn giản dị nhưng rất sâu sắc, không bao giờ phê bình chỉ trích ai, dầu cho người đó có mặt hay vắng mặt. Đây là một đặc tính cố hữu tuyệt vời của Thầy mà không thể ai cũng có thể học hỏi theo được. Nếu có chẳng, đó cũng chỉ là những sự chấp vá vụng về mà thôi.

Vùng đồi núi Schwarzsee nay rất đẹp, giống như trong tranh vẽ của Âu Châu. Nơi đây con người và thiên nhiên rất gần gũi. Trong 10 ngày qua, gần 1.000 chư Tăng Ni và học viên tham dự Khóa Tu Học tại đây như con trong một nhà, sống và tu học theo tinh thần lục hòa, nên ai cũng hoan hỷ và dầu cho có một chuyện gì đó trái ý nghịch lòng xảy ra thì mọi người đã nghĩ đến Thầy nên lại bỏ qua cho nhau, không một sự trách móc nhỏ to hay giận hờn



vô có. Âu đó cũng nhờ sự quan tâm và sức gia trì của Thầy mà có được.

Một ngày niệm Phật suốt từ sáng đến chiều trong Khóa Tu Học, đã làm rung động cả núi rừng vốn dĩ đã trầm mặc nơi đây kể từ một thuở xa xưa nào đó. Thế mà hôm nay đã đánh thức muôn loài cùng hướng về nẻo thiện qua câu Phật hiệu: Nam Mô A Di Đà Phật. Để rồi mọi loài và mọi người cùng an bình hạnh phúc khi có cả hàng ngàn trái tim, tâm thức của những người con Phật đang trì tụng một cách miên mật như thế. Khi câu Phật hiệu này vang lên khiến cho núi rừng cũng phải thức giấc, Thiền Sư cũng phải ngoái nhìn lại những công án của mình đã hạ thủ công phu được đến đâu rồi. Ôi! Cao quý thay! Thầy đã đi hơn một năm rồi, nhưng tâm Thầy và hình bóng của Thầy vẫn còn ở lại với tứ chúng tại đây suốt trong một thời gian dài như vậy. Cũng không phải chỉ khi nào có khóa Tu Học Phật Pháp mới tưởng niệm và nhớ nghĩ về Thầy, mà lúc nào cũng như lúc nào các Pháp hữu của Thầy cũng cảm niệm được những sự cứu mang của Thầy, nên phải cố gắng thực hiện để khỏi phụ công của Thầy đã lao công nhọc sức trong suốt thời gian 75 năm khi Thầy có mặt trên trần thế này vậy.

Các Đệ Tử xuất gia và tại gia của Thầy cũng rất hoan hỷ, vì thấy rằng họ không bị lẻ loi khi Tôn Sư của mình vừa vắng bóng. Lý do rất đơn giản là: Khi sống Thầy đã vì mọi người thì khi Thầy ra đi mọi người sẽ vì Thầy để đền ơn đáp nghĩa, để khỏi phải cô phụ tâm lòng của Thầy đã vì mọi người như từ trước đến nay. Rồi đây những bài tưởng niệm Thầy sẽ được đăng trong kỷ yếu sắp xuất bản nhân tuần Đại Tường của Thầy vào năm 2015 này. Tất cả đều chỉ còn là những hoài niệm, những tiếc thương một thời của dĩ vãng. Đó chính là những ân đức mà không phải ai cũng có được như Thầy, khi Thầy còn hiện hữu nơi đây hay khi Thầy đã theo Phật về Tây.

Kỷ họp Giáo Hội năm nay hai lần vẫn đẹp đẽ, vì lẽ ai trong chư Tôn Đức cũng mong mỏi rằng mọi Phật sự chuẩn bị cho sang năm 2015 phải được hoàn thiện tốt đẹp, nên mọi người đã chú tâm vào mục đích đã đề ra để giải quyết và cuối cùng đã xuôi buồm thuận gió, không như năm rồi tại Phần Lan, khiến cho Thầy phải ngồi đến 1 giờ khuya của ngày hôm sau để nghe những báo cáo của các địa phương và phải tìm phương pháp giải quyết thích hợp. Chắc rằng Thầy cũng đã phải đau đầu không ít cho cuộc họp lịch sử đó. Từ nay trở đi Thầy sẽ không còn phải chủ trì những phiên họp gay go như thế nữa. Năm nay đã chẳng phải lặp lại những gì mà đã phải nghe như năm rồi. Như vậy, công việc tự nó đã được giải quyết một cách ổn thỏa. Đây chẳng phải là cách giải quyết của Thầy sao?

Mỗi năm như vậy đều có lễ tác bạch cúng dường trai Tăng và trai phạn của các phái đoàn của các nước tại Âu Châu, nhiều khi cũng có những gia

đình hữu sự muốn hồi hướng phước báu cho người còn hay kẻ mất trong gia đình, nên nhân cơ hội này cũng đã phát tâm đồng mãnh làm việc phước và cứ từng bài tác bạch như thế, hầu như không có bài nào là chẳng nhắc nhở đến công giáo dưỡng cũng như hình ảnh của Sư Ông. Hầu như đâu đó trong khắp không gian của vùng núi đồi nội ngoại giới trường khi tác pháp an cư trong 10 ngày này đều có sự hiện hữu của ân sư. Khiến cho ai đó khi nghe đến những tâm cảm này cũng hết sức ngậm ngùi. Đã đành là vậy, nhưng nhiều người cũng phải gạt lệ để đọc tiếp tục những bài tác bạch cúng dường thật là ý nghĩa. Lớp học của các em Oanh Vũ cũng không bao giờ thiếu vắng bóng dáng của Thầy. Vì chữ Đại "Học Oanh Vũ" vốn do Thầy sáng tác ra, ngày nay hình như đã trở thành một thương hiệu nổi tiếng, khiến cho ai đó khi nhắc đến những mầm non trong Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Âu Châu, đều phải hiểu ngay rằng: Đó chính là một sự gợi nhớ đến Sư Ông Minh Tâm mà các em vẫn thường hay gọi thân thương như thế.

Rồi một bao gạo cúng dường để trợ duyên cho khóa Tu Học Phật Pháp vẫn hằn sâu vào tâm cảm của mọi người mỗi khi khóa giáo lý gần kề. Nếu ai không đi được thì gửi về chùa Khánh Anh hay qua bạn bè mang đến đóng góp trực tiếp cho Ban Tổ chức địa phương, nhờ vậy mà năm nào cũng như năm nào, sau khi tổ chức xong, không dư thì thôi chứ không bao giờ thiếu cả. Đây là thành tựu do sáng kiến của Thầy vậy. Nếu không có Thầy nghĩ ra việc này thì tại Âu Châu này cũng phải tìm cách gây quỹ như những châu khác vậy.

Rồi nào là: Cúng dường định kỳ hằng tháng, cúng dường bất định kỳ, cho mượn hội thiện không lời, hậu sống, hậu chết, ngân hàng Cấp Cô Độc v.v... tất cả đều do Thầy tạo ra và từ đó ở hải ngoại này các chùa khắp nơi đã bắt chước thực hiện theo. Công đức ấy thật là không nhỏ. Chắc sau này riêng ở tại hải ngoại gồm 5 châu lục phải tôn phong Thầy là vị Tổ khai sáng ra môn phái đặc biệt này. Môn phái này không có dòng kệ truyền thừa, nhưng nghĩ rằng môn phái này sẽ không bị thất truyền và sẽ được tiếp tục mãi mãi về sau này khi người Phật Tử Việt chúng ta vẫn còn thực hiện chế độ tùy hỷ cúng dường như xưa nay. Như thế ấy, lần này chỉ riêng tiền thuê chỗ để ở trong 10 ngày cho các học viên cũng đã lên đến 65.000FS, tương đương với 65.000 USD, ai mới nghe qua ban đầu cũng phát ớn. Vì nghĩ rằng làm sao đủ số học viên tham dự đóng tiền học



phí cho đủ để trang trải những chi phí khác như: Ăn uống, trần thiết, di chuyển, cúng dường chư Tôn Đức giảng sư v.v... thế mà cuối cùng con số học viên tham dự ngắn và dài hạn đã lên đến 937 người và số thu cho mọi sự cúng dường cũng như đóng học phí đã lên đến trên dưới 200.000 FS. Trong đó việc cúng dường 1 bao gạo 30 Euro cũng đã chiếm hết một phần tư rồi. Kỳ này số tiền thặng dư cũng không dưới 20.000FS. Đây chính là công đức và thành quả mà Thầy đã để lại vậy. Thế hệ sau này nếu muốn được truyền thừa pháp môn này thì chỉ cần tu, học và thực hành như Thầy đã thực hiện thì chắc chắn sẽ thành công. Thầy không cho ai đó một hay nhiều cái bánh, dầu cho đó là để tử xuất gia hay tại gia, mà Thầy đã sáng tạo ra không biết bao nhiêu phương pháp làm bánh để trao đến cho mọi người. Với những khuôn bánh được tạo ra những chiếc bánh như vậy thì tùy theo sở thích và khẩu vị của mỗi người mà tạo thành những chiếc bánh xinh xinh để nhìn để mọi người tự đi cầu chứng thương hiệu, rồi cứ thế sản xuất ra nhiều chiếc bánh khác nữa, mà chiếc bánh đầu tiên ấy Thầy đã chẳng lấy bản quyền. Có lẽ đây là thành quả của bao nhiêu năm mà Thầy đã tu học tại Nhật Bản từ năm 1968 đến 1973, và Thầy đã xây nhuyển lại để mang về cho Phật Giáo Việt Nam cả trong lẫn ngoài nước một sức sống, một cái nhìn thật là vi diệu như thế chẳng?

Ngoài kia trời vẫn mưa và vẫn nắng. Đó là chuyện của đất trời vạn vật xưa nay. Trong khi đó tại chánh điện hay ở trong những gian phòng học tập Phật pháp, chư Tăng Ni vẫn tiếp tục trao truyền những điều lý mẫu nhiệm ấy cho bao người con Phật, nhằm thăng tiến một niềm tin, mà căn bản vẫn là sự giải thoát của kiếp luân hồi sanh tử này.

*Viết xong vào ngày 7 tháng 7 năm 2014
tại Schwarzsee vùng Fribourg Thụy Sĩ*



**KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP ÂU CHÂU KỲ THỨ 26, TỔ CHỨC TẠI SCHWARZSEE, THỤY SỸ
TỪ NGÀY 30-6 ĐẾN 10-7-2014**



PHẬT GIÁO YẾU LƯỢC

Nguyên tác: BUDDHISM IN A NUTSHELL

Tác giả: **NARADA THERA**

Người dịch: **H. T. THÍCH TRÍ CHƠN**



(Tác phẩm gồm 11 chương, với các tiêu đề như sau: 1. Đức Phật; 2. Phật Giáo Phải Chăng Là Một Triết Học? 3. Phải Chăng Phật Giáo Là Một Tôn Giáo? 4. Phải Chăng Phật Giáo Là Một Hệ Thống Đạo Đức? 5. Một Vài Đặc Điểm Của Phật Giáo; 6. Nghiệp Báo Hay Luật Nhân Quả; 7. Luân Hồi; 8. Lý Thập Nhị Nhân Duyên; 9. Vô Ngã Hay Không Có Linh Hồn; 10. Niết Bàn; 11. Con Đường Dẫn Đến Niết Bàn. Chương “Đức Phật” đã đăng Chánh Pháp bộ cũ, Số 1 - Ra Mắt, tháng 05.2009. Nay tiếp tục đăng mỗi kỳ, từ Chương 2 cho đến hết)

PHẬT GIÁO PHẢI CHĂNG LÀ MỘT TRIẾT HỌC?

Giáo pháp bao gồm một hệ thống triết lý, đạo đức và không chủ trương xâm lăng thuyết giảng bởi đức Phật, không bắt buộc các tín đồ tin theo mù quáng, không rao truyền giáo điều võ đoán, không khuyến khích lễ bái và nghi thức mê tín dị đoan; nhưng trình bày một pháp môn vi diệu nhằm hướng dẫn người tín đồ qua ý tưởng trong sạch, với cuộc sống thanh tịnh để đạt tới trí tuệ cao siêu, và giải thoát khỏi mọi điều xấu ác, gọi là Phật Pháp, hay thông thường được hiểu là Phật Giáo.

Đức Phật đại từ bi đã diệt độ, nhưng giáo pháp cao siêu mà Ngài giảng truyền rất rảo cho nhân loại, vẫn còn tồn tại trong sự thuần khiết của thời xưa.

Mặc dù đức Bốn Sư đã không để lại sự ghi chép những giáo lý của Ngài, các vị đệ tử ưu tú của đức Phật đã duy trì chúng bằng trí nhớ và truyền khẩu giáo pháp đó từ đời này qua đời khác.

Ngay sau khi đức Thế Tôn khuất bóng, 500 vị A La Hán (1) chính yếu thông bác giáo lý (Dhamma), và Giới Luật (Vinaya), đã tổ chức một đại hội kết tập để trùng tuyên (đọc lại) Thánh Giáo do chính đức Phật thuyết giảng. Đại đức A Nan Đà (2), người đặc biệt nghe nhớ những bài pháp, đã tụng Kinh Tạng, còn Ngài Ưu Ba Ly (3) tụng Luật Tạng.

Ba Tạng giáo điển đã được kết tập và chỉnh tu trong hình thức hiện nay của nó do bởi các bậc A La Hán thời xưa.

Vào thời trị vì của nhà vua Tích Lan thuần thành Vattagamani Abhaya (4) vào năm 83 trước tây lịch, Tam Tạng Kinh, lần đầu tiên trong lịch sử Phật Giáo đã được biên chép trên lá bối tại Tích Lan.

Ba tạng kinh đồ sộ này, bao gồm tinh hoa giáo lý của đức Phật, ước phỏng bằng mười một lần quyển Thánh Kinh. Sự khác biệt nổi bật giữa Tam Tạng Kinh và cuốn Thánh Kinh nằm ở chỗ ba tạng kinh không phải được hình thành dần dần như quyển Thánh Kinh.

Theo sự giải thích của từ nguyên, Tam Tạng Kinh gồm có ba cái giỏ. Ấy là Giỏ đựng Luật (Vinaya Pitaka), Giỏ đựng Kinh (Sutta Pitaka), và Giỏ đựng Vi Diệu Pháp (Luận - Abhidhamma Pitaka).

Luật Tạng được xem như nơi nương tựa vững chắc của đoàn thể Tăng Già (5) lịch sử xa xưa nhất; đề cập chính yếu đến các giới luật và nghi lễ mà đức

Phật đã thuyết dạy, tùy trường hợp xảy ra, cho giới luật tương lai của Giáo Đoàn, chư Tỷ Kheo (6) và Tỷ Kheo Ni (7). Nó diễn tả chi tiết tiến trình phát triển của Phật Giáo. Tóm lược về đời sống và thánh chức của đức Phật cũng được ghi chép trong đó. Một cách gián tiếp, Luật Tạng bao gồm các tài liệu quan trọng và giá trị về cổ sử, phong tục, nghệ thuật và khoa học của Ấn độ v.v...

Luật Tạng này gồm có năm quyển:

1. Pháp Ba La Di - Trọng tội (Phân Biệt Kinh)
2. Pháp Ba Dật Đề - Khinh tội (Phân Biệt Kinh)
3. Đại Phẩm (Kiền Độ Bộ)
4. Tiểu Phẩm (Kiền Độ Bộ)
5. Phụ Tỳ - Luật giới tóm lược.

Kinh Tạng bao gồm chủ yếu các bài Pháp do chính đức Phật nói ra trong nhiều trường hợp khác nhau. Một vài bài kinh do các vị đệ tử xuất chúng của đức Phật thuyết giảng như các Ngài Xá Lợi Phất (8), A Nan Đà, Mục Kiền Liên (9) v.v..., cũng được bao gồm trong Tạng Kinh. Nó giống như một cuốn sách thuốc; vì các bài Kinh chứa đựng trong đó, do đức Phật giảng phù hợp với những hoàn cảnh sai biệt và căn cơ của nhiều người khác nhau. Có những lời dạy xem hình như mâu thuẫn, nhưng đừng nên hiểu lầm như vậy; vì tùy lúc, chúng được đức Phật thuyết ra nhằm thích ứng cho mọi trường hợp riêng biệt: chẳng hạn, tuy cùng một câu hỏi đó, nhưng đức Phật làm thỉnh khi người vấn đạo chỉ muốn biết vì tánh tò mò; hoặc Ngài giảng dạy đầy đủ chi tiết khi nhận thấy họ là đệ tử thực tâm muốn tìm hiểu chân lý. Phần lớn những bài Pháp đều chủ yếu mang phúc lợi đến cho các vị Tỷ Kheo đề cập tới đời sống thánh thiện của họ cũng như trình bày về giáo lý. Cũng có một số bài Kinh khác chỉ dẫn cho người tín đồ tại gia trong cả hai mặt phát triển về vật chất và luân lý (đạo đức).

Tạng Kinh này gồm có năm bộ:

1. Trường Bộ Kinh: ghi chép những bài pháp dài.
2. Trung Bộ Kinh: ghi chép những bài pháp dài bậc trung.
3. Tương Ưng Bộ Kinh: ghi chép những bài pháp tương ứng nhau.
4. Tăng Nhất Bộ Kinh: ghi chép những bài pháp sắp đặt theo số thứ tự.
5. Tiểu Bộ Kinh: ghi chép những bài kệ ngắn.

Tiểu Bộ Kinh chia làm mười lăm tập:

1. Tiểu Tụng: những bài kinh ngắn.
2. Kinh Pháp Cú: những câu nói về Chánh Pháp.
3. Tự Thuyết: những bài tán ca.
4. Như Thị Ngữ: những bài kinh mở đầu bằng câu: "Như vậy, đức Phật thuyết".
5. Kinh Tập: những bài pháp sư tập.
6. Thiên Cung Sự: câu chuyện về những cõi Trời.
7. Ngạ Quỷ Sự: câu chuyện về cảnh giới ngạ quỷ.
8. Trưởng Lão Tăng Kệ: kệ nói về chư Tăng.
9. Trưởng Lão Ni Kệ: kệ nói về chư Ni.
10. Bốn Sanh Kinh: chuyện tiền thân của đức Phật.
11. Nghĩa Thích: những bài bình giải.
12. Vô Ngại Giải Đạo: tập luận lý phân tích.
13. Thí Dụ: đời sống các vị A La Hán.
14. Phật Chúng Tánh Kinh: lịch sử đức Phật.
15. Sở Hạnh Tạng: những mẫu chuyện đức hạnh (của Bồ Tát).

Luận Tạng được xem như quan trọng và vi diệu nhất trong ba Tạng, vì nó hàm chứa triết lý cao siêu của đức Phật, trái hẳn với những bài pháp sáng tỏ và giản dị hơn trong Kinh Tạng.

Kinh Tạng bao gồm những giáo lý phổ thông, trong khi Luận Tạng chứa đựng tối thượng pháp.

Đối với hàng trí thức, Luận Tạng như cuốn Kinh hướng dẫn thiết yếu; với người cần mở mang tâm trí, là một liều thuốc tinh thần; và với những học giả nghiên cứu, nó là thức ăn cho tư tưởng. Tâm vương được định rõ. Tư tưởng được phân tích và sắp xếp đại để theo quan điểm luân lý. Những trạng thái của tâm được liệt kê. Sự cấu tạo của mỗi loại tâm được trình bày từng chi tiết, tư tưởng phát khởi lên thế nào đều được diễn tả tỉ mỉ. Những vấn đề mặc dù quan hệ đến con người, nhưng không giúp ích gì cho sự giải thoát, đều được gạt hẳn qua một bên.

Sắc (vật chất) được tóm lược bàn đến; đơn vị căn bản của vật chất; những đặc tính, nguồn gốc của vật chất, sự tương quan giữa tâm (tinh thần) và vật chất, cũng được giải thích.

Luận Tạng nhằm khảo sát tâm và vật chất (danh sắc); hai yếu tố cấu tạo nên cái gọi là con người để giúp nhận thức sự vật đúng như thật, và một triết lý được phát triển trên những quy tắc đó. Dựa trên giáo lý ấy, một hệ thống đạo đức được trình bày để dẫn đến sự thành đạt mục đích sau cùng là Niết Bàn (Nibbana).

Luận Tạng gồm có bảy bộ:

1. Pháp Tạng Luận: phân tích các Pháp (Dhamma).
2. Phân Biệt Luận: phân biệt các pháp.
3. Luận Sự: những điểm tranh luận.
4. Nhân Thi Triết Luận: định danh những cá tính.
5. Giới Thuyết Luận: luận giải về các nguyên tố.
6. Song Luận: tập sách luận theo lối từng cặp.
7. Phát Thú Luận: sách luận về tương quan nhân quả.

Người ta tìm thấy trong Ba Tạng Kinh, sữa nước cho trẻ thơ và chất thịt cho người lớn; vì đức Phật thuyết dạy giáo lý của Ngài cho tất cả quần chúng lần gót trí thức. Giáo pháp cao siêu được tôn trí trong các thánh điển này, đề cập đến chân lý và những sự thật. Nó không phải là những lý thuyết và triết học mà chúng có thể được chấp nhận như chân lý thâm diệu chỉ tồn tại trong ngày hôm nay và sẽ bị loại bỏ ở ngày mai. Đức Phật không dạy chúng ta



triết thuyết gì mới mẻ xa lạ; Ngài cũng không phiêu lưu sáng tạo bất cứ một nền khoa học vật chất mới nào. Đức Phật giải thích những điều ở bên trong và bên ngoài chúng ta, liên quan đến sự giải thoát của chúng ta, và sau cùng chỉ dẫn một con đường giải thoát độc nhất. Tuy nhiên, cùng lúc, Ngài đã đi trước nhiều triết gia và các nhà khoa học hiện đại.

Schopenhauer (10), trong tác phẩm "Thế giới như là một ý chí và Tư tưởng" (World as Will and Idea) trình bày chân lý của sự khổ và nguồn gốc của nó theo lối Tây phương. Spinoza (11), mặc dù chấp nhận có một thực thể trường tồn, nhưng ông khẳng định rằng tất cả cuộc sống hiện hữu là vô thường. Theo triết gia này, muốn chấm dứt khổ đau phải "tìm ra một đối tượng kiến thức không tạm bợ, không phù du, mà phải vĩnh viễn, trường tồn, không thay đổi." Berkeley (12), bảo rằng cái gọi là nguyên tử bất khả phân là một giả tưởng siêu hình. Hume (13), sau khi chuyên chú phân tích phần tâm linh (con người) đã kết luận cho rằng tâm thức đó chỉ là những trạng thái tinh thần luôn luôn biến đổi. Bergson (14), chủ trương thuyết vô thường. Giáo sư James (15), đề cập đến tâm thức như một dòng nước.

Hơn 2.500 năm trước đức Phật đã dạy những giáo lý về Vô Thường, Khổ Đau và Vô Ngã, trong khi Ngài đang lưu trú tại thung lũng của dòng sông Hằng.

Chúng ta nên hiểu rằng đức Phật không thuyết dạy hết tất cả những điều Ngài biết. Ngày kia, khi đức Phật đi ngang qua khu rừng nọ, Ngài bốc lên một nắm lá và bảo: "Này các Tỷ kheo, những điều mà Như Lai dạy các con, có thể sánh với nắm lá trong tay này; còn những điều Như Lai hiểu biết mà không dạy giống như tổng số các lá cây trong rừng."

Đức Phật chỉ dạy những điều Ngài xét thấy thực sự cần thiết giúp cho con người trở nên thanh tịnh, và Ngài không phân biệt giữa những giáo lý bí mật hay công khai (phổ biến). Đức Phật đặc biệt giữ im lặng đối với những câu hỏi không liên quan gì đến sứ mạng thiêng liêng của Ngài.

Phật giáo rõ ràng phù hợp với khoa học, nhưng cả hai nên được xem như những lý thuyết song hành; khi khoa học đề cập chính yếu đến chân lý của vật chất, còn Phật Giáo lại nhằm hướng tìm chân lý của tâm linh và đạo đức. Chủ đề của mỗi lý thuyết đều khác nhau.

Giáo Pháp mà đức Phật dạy không chỉ được duy trì trong kinh sách, cũng không phải là học thuyết

được nghiên cứu từ quan điểm văn chương hay sử học. Trái lại, nó cần được học hỏi và thực hành trong đời sống hằng ngày của con người, bởi vì không thực hành, chúng ta không thể nhận thức được chân lý. Phật Pháp cần được nghiên cứu và hơn nữa, phải nên thực hành, và trên tất cả, là để chứng ngộ; sự giác ngộ tức thời là mục đích tối hậu. Vì vậy, giáo pháp như chiếc bè nhằm mục tiêu duy nhất đưa chúng ta thoát khỏi biển sanh tử luân hồi.

Cho nên, Phật giáo không thể hoàn toàn được xem như một triết học, vì nó không phải chỉ là: "lòng ham chuộng, sự thúc đẩy đi tìm trí tuệ." Phật Giáo có thể gần với triết học, nhưng Phật Giáo hàm súc hơn nhiều.

Triết học liên quan chính yếu đến sự hiểu biết và không chú trọng đến phần thực hành; trong khi đó Phật Giáo đặc biệt quan tâm đến sự thực hành và chứng ngộ.

CHÚ THÍCH của NGƯỜI DỊCH:

1. A LA HÁN: Danh từ Hán Việt dịch âm chữ Arāhat (Ba Ly), Arhat (Phạn ngữ) hay Arakan (tiếng Nhật). Là bậc Thánh. Người đã diệt trừ hết mọi ái dục, phiền não và thoát khỏi sinh tử luân hồi.

2. A NAN ĐÀ: Danh từ Hán Việt dịch âm chữ Ananda (Ba Ly và Phạn) hay Anan (Nhật). Đại Đức A Nan hay A Nan Đà, bà con với đức Phật, là một trong mười vị đại đệ tử của Ngài. Đại Đức là vị đệ tử theo hầu cận (làm thị giả) đức Thế Tôn trong hơn hai mươi năm. Đại Đức là người có trí nhớ siêu phàm, đã đọc lại được (gần như thuộc lòng) những bài thuyết pháp của đức Phật mà về sau được ghi chép thành Kinh Tạng. Được biết rằng sau khi đức Phật nhập diệt, Đại Đức A Nan mới chứng đạo Giác Ngộ (đắc quả A La Hán).

3. ƯU BÀ LY: Danh từ Hán Việt dịch âm chữ Upālī (tiếng Phạn và Ba Ly) hay Upari (Nhật). Đại Đức Ưu Bà Ly là một trong mười vị đệ tử lớn của đức Phật. Ngài trước tiên làm nghề thợ cạo, về sau xuất gia đi tu, và nổi tiếng là vị đệ nhất nghiêm trì giới luật của đức Phật.

4. VATTAGĀMANI ABHAYA: Vua trị vì nước Tích Lan vào năm 100 trước tây lịch. Theo Đại sử của Tích Lan (Mahāvamsa), ông bị quân Tamil (từ miền nam Ấn Độ) qua xâm lăng cướp ngôi và chiếm đóng thành Anurādhapura (cực kinh đô Tích Lan) trong 14 năm. Về sau, vua Vattagāmani đã khôi phục lại giang sơn. Được biết rằng vào thời ông trị vì, các kinh sách Phật lần đầu tiên đã được ghi chép lại ở Tích Lan.

5. TĂNG GIÀ: Danh từ Hán Việt dịch âm chữ Saṅgha (Ba Ly và Phạn ngữ) hay Sogya (Nhật). Đoàn thể của các tu sĩ xuất gia, một Giáo Đoàn do đức Phật thành lập gồm các chư Tăng. Tăng Già chiếm ngôi vị thứ ba trong Tam Bảo, là một tổ chức giáo đoàn xuất hiện ở thế gian vào thời xa xưa nhất.

6. TỖ KHEO: Danh từ Hán Việt dịch âm chữ Bhikkhu (Ba Ly); Bhikṣu (Phạn) hay Biku (Nhật) có nghĩa đen là "khất sĩ". Là một đạo sĩ hành khất; người đã xuất gia, từ bỏ mọi của cải thế gian, sống nhờ vào vật bố thí cúng dường của hàng Phật tử tại gia; người đã thọ trì đầy đủ giới luật của một vị Tăng để sống theo lời chỉ dạy của đức Phật.

7. TỖ KHEO NI: Tiếng Hán Việt dịch âm chữ Bhikkhuni (Ba Ly); Bhikṣuni (Phạn) hay Bikuni (Nhật). Là nữ tu hành khất, cũng gọi là Ni Cô; người đã gia nhập giáo đoàn của đức Phật và thọ trì các luật giới của Tỳ Kheo Ni.

8. XÁ LỢI PHẬT: Danh từ Hán Việt dịch âm chữ Śāriputta (Ba Ly); Śāriputra (Phạn) hay Sharihotsu (Nhật). Là một trong hai vị đệ tử chính yếu của đức Phật. Đại Đức Xá Lợi Phật là đệ tử xuất sắc nhất của đức Thế Tôn và ngài viên tịch trong khi đức Phật còn sống.

9. MỤC KIẾN LIÊN: Danh từ Hán Việt dịch âm chữ Moggallāna (Ba Ly); Maudgalyāyana (Phạn), hay Mokkenren (Nhật). Đại Đức Mục Kiến Liên là đệ tử đứng hàng thứ hai trong số mười đại đệ tử của đức Phật. Ngài xuất gia

theo đức Phật theo lời khuyên của Đại Đức Xá Lợi Phật. Ngài chứng đắc nhiều phép thần thông. Ngài bị một tín đồ Bà La Môn sát hại trước khi đức Thế Tôn viên tịch.

10. AUTHUR SCHOPENHAUER: Triết gia người Đức, sinh năm 1788 và mất năm 1860. Người khởi xướng chủ thuyết về ý chí và bi quan, yếm thế. Tác phẩm chính của ông: "Thế Giới như là một Ý Chí và Tư Tưởng" ấn hành vào năm 1819.

11. BARUCH SPINOZA: Triết gia người Hòa Lan, sinh năm 1632, mất năm 1677. Ông từng nghiên cứu triết lý của Descartes (1596-1650) và nổi tiếng là triết gia đề cao thuyết phiếm thần dựa trên lý trí. Tác phẩm danh tiếng của ông là cuốn *Đạo Đức Học*, xuất bản năm 1677.

12. GEORGE BERKELEY: Sinh năm 1685, mất năm 1753. Là một triết gia và giám mục người Á Nhĩ Lan; giảng viên môn Thần Học và tiếng Hy Lạp tại đại học Dublin năm 1721-1724. Ông đề cao triết lý vô chất luận và duy tâm chủ nghĩa. Tác phẩm của ông có: *Học thuyết mới về Áo Tưởng* ấn hành năm 1709 và *Sự Phân Tích* xuất bản năm 1734.

13. DAVID HUME: Sinh năm 1711, từ trần năm 1776. triết và sử gia người Tô Cách Lan, chủ trương thuyết hoài nghi. Bút giả của *Luận Án về Bản Chất Con Người*, xuất bản năm 1739-1740 và *Lịch Sử Anh Quốc*, ấn hành năm 1754-1762 v.v...

14. HENRI LOUIS BERGSON: Triết gia người Pháp, sinh năm 1859, mất năm 1941. Là một trong những nhà tư tưởng có ảnh hưởng lớn nhất trong thời đại của ông. Giáo sư dạy trường cao đẳng Học Viện Pháp vào những năm 1900-1921.

15. WILLIAM JAMES: Sanh năm 1842, qua đời năm 1910, nhà tâm lý học và triết gia người Hoa Kỳ. Giáo sư môn triết học tại đại học Harvard (Cambridge) từ năm 1881. Là một trong những nhà đề xướng thực dụng chủ nghĩa. Ông là bút giả của những tác phẩm: *Nguyên tắc của Tâm Lý Học*, xuất bản năm 1890; *Nghĩa Lý của Sự Thật*, ấn hành năm 1909 và *Một Vài Vấn Đề của Triết Học*, xuất bản năm 1911.

(còn tiếp)

(Mời đọc nguyên tác Anh ngữ của Narada Thera ở trang kế)



BUDDHISM IN A NUTSHELL

By **NARADA THERA**

THE DHAMMA IS IT A PHILOSOPHY?

The non-aggressive, moral and philosophical system expounded by the Buddha, which demands no blind faith from its adherents, expounds no dogmatic creeds, encourages no superstitious rites and ceremonies, but advocates a golden mean that guides a disciple through pure living and pure thinking to the gain of supreme wisdom and deliverance from all evil, is called the Dhamma and is popularly known as Buddhism.

The all-merciful Buddha has passed away, but the sublime Dhamma which he unreservedly bequeathed to humanity, still exists in its pristine purity.

Although the Master has left no written records of His Teachings, His distinguished disciples preserved them by committing to memory and transmitting them orally from generation to generation.

Immediately after His demise 500 chief Arahats (the Worthy Ones) (1) versed in the Dhamma (Teaching) and Vinaya (Discipline, held a convocation to rehearse the Doctrine as was originally taught by the Buddha. Venerable Ananda Thera (2), who enjoyed the special privilege of hearing all the discourses, recited the Dhamma, while the Venerable Upali (3) recited the Vinaya.

The Tipitaka was compiled and arranged in its present form by those Arahats of old.

During the reign of the pious Sinhala King Vattagamani Abhaya (4), about 83 B.C., the Tipitaka was, for the first time in the history of Buddhism, committed to writing on ola leaves in Ceylon.

This voluminous Tipitaka, which contains the essence of the Buddha's Teaching, is estimated to be about eleven times the size of the Bible. A striking contrast between the Tipitaka and the Bible is that the former is not a gradual development like the latter.

As the word itself implies the Tipitaka consists of three baskets. They are the Basket of Disciple (Vinaya Pitaka), the Basket of Discourses (Sutta Pitaka), and the Basket of Ultimate Doctrine (Abhidhamma Pitaka).

The Vinaya Pitaka which is regarded as the sheet anchor of the oldest historic celibate order - the Sangha (5) - mainly deals with rules and regulations which the Buddha promulgated, as occasion arose, for the future discipline of the Order of monks (Bhikkhus) (6) and nuns (Bhikkhunis) (7). It describes in detail the gradual development of the Sasana (Dispensation). An account of the life and ministry of the Buddha is also given. Indirectly it reveals some important and interesting information about ancient history, Indian customs, arts, science, etc.

This Pitaka consists of the five following books:

- 1) Parajika Pali - Major Offences (Vibhanga)
- 2) Majjhima Nikaya (Collection of Middle-length Discourses),
- 3) Sanyutta Nikaya (Collection of Kindred Sayings),
- 4) Anguttara Nikaya (Collection of Discourses arranged in accordance with numbers),
- 5) Khuddhaka Nikaya (Smaller Collection).



The Sutta Pitaka consists chiefly of discourses, delivered by the Buddha Himself on various occasions. There are also a few discourses delivered by some of His distinguished disciples such as the Venerable Sariputta (8), Ananda, Moggallana (9), etc...included in it. It is like a book of prescriptions, as the sermons embodied therein were expounded to suit the different occasions and the temperaments of various persons. There may be seemingly contradictory statements, but they should not be misconstrued as they were opportunely uttered by the Buddha to suit a particular purpose: for instance, to the self-same question He would maintain silence (when the inquirer is merely foolishly inquisitive), or give a detailed reply when He knew the inquirer to be an earnest seeker. Most of the sermons were intended mainly for the benefit of Bhikkhus and they deal with the Holy life and with the exposition of the doctrine. There are also several other discourses which deal with both the material and moral progress of His lay followers.

This Pitaka is divided into five Nikayas or collections, viz: -

- 1) Digha Nikaya (Collection of Long Discourses),
- 2) Pacittiya Pali - Minor Offences (Vibhanga)
- 3) Mahavagga Pali - Greater Section (Khandaka)
- 4) Cullavagga Pali - Shorter Section (Khandaka)
- 5) Parivara Pali - Epitome of the Vinaya.

The fifth is subdivided into fifteen books:

1. Khuddaka Patha (Shorter Texts),
2. Dhammapada (Way of Truth),
3. Udana (Paeans of Joy),
4. Iti Vuttaka ("Thus said" Discourses),
5. Sutta Nipata (Collected Discourses),
6. Vimana Vatthu (Stories of Celestial Mansions),
7. Peta Vatthu (Stories of Petas),
8. Theragatha (Psalms of the Brethren),
9. Therigatha (Psalms of the Sisters),
10. Jataka (Birth Stories),
11. Niddesa (Expositions),
12. Patisambhida (Analytical Knowledge),
13. Apadana (Lives of Arahats),
14. Buddhavamsa (The History of the Buddha),
15. Cariya Pitaka (Modes of Conduct).

The Abhidhamma Pitaka is the most important and the most interesting of the three, containing as it does the profound philosophy of the Buddha's Teaching in contrast to the illuminating and simpler

discourses in the Sutta Pitaka.

In the Sutta Pitaka is found the conventional teaching (vohara desana) while in the Abhidhamma Pitaka is found the ultimate teaching (paramattha-desana).

To the wise, Abhidhamma is an indispensable guide; to the spiritually evolved, an intellectual treat; and to research scholars, food for thought. Consciousness is defined. Thoughts are analysed and classified chiefly from an ethical standpoint. Mental states are enumerated. The composition of each type of consciousness is set forth in detail. How thoughts arise, is minutely described. Irrelevant problems that interest mankind but having no relation to one's purification, are deliberately set aside.

Matter is summarily discussed; fundamental units of matter, properties of matter, sources of matter, relationship between mind and matter, are explained.

The Abhidhamma investigates mind and matter, the two composite factors of the so-called being, to help the understanding of things as they truly are, and a philosophy has been developed on those lines. Based on that philosophy, an ethical system has been evolved, to realize the ultimate goal, Nibbana.

The Abhidhamma Pitaka consists of seven books: -

1. Dhamma Sangani (Classification of Dhammas),
2. Vibhanga (The Book of Divisions),
3. Katha Vatthu (Points of Controversy),
4. Puggala Pannatti (Description of Individuals),
5. Dhatu Katha (Discussion with reference to elements)
6. Yamaka (The Book of Pairs)
7. Patthana (The Book of Relations)

In the Tipitaka one finds milk for the babe and meat for the strong, for the Buddha taught His doctrine both to the masses and to the intelligentsia. The sublime Dhamma enshrined in these sacred texts, deals with truths and facts, and is not concerned with theories and philosophies which may be accepted as profound truths today only to be thrown overboard tomorrow. The Buddha has presented us with no new astounding philosophical theories, nor did He venture to create any new material science. He explained to us what is within and without, so far as it concerns our emancipation, and ultimately expounded a path of deliverance, which is unique. Incidentally, He has, however, forestalled many a modern scientist and philosopher.

Schopenhauer (10) in his "World as Will and Idea" has presented the truth of suffering and its cause in a Western garb. Spinoza (11), though he denies not the existence of a permanent reality, asserts that all permanent existence is transitory. In his opinion sorrow is conquered "By finding an object of knowledge which is not transient, not ephemeral, but is immutable, permanent, everlasting". Berkeley (12) proved that the so-called indivisible atom is a metaphysical fiction. Hume (13), after a relentless analysis of the mind, concluded that consciousness consists of fleeting mental states. Bergson (14) advocates the doctrine of change. Prof. James (15) refers to a stream of consciousness.

The Buddha expounded these doctrines of transiency, (Anicca) Sorrow (Dukkha), and No-Soul

(Anatta) some 2500 years ago while He was sojourning in the valley of the Ganges.

It should be understood that the Buddha did not preach all that He knew. On one occasion while the Buddha was passing through a forest He took a handful of leaves and said: "O Bhikkhus, what I have taught is comparable to the leaves in my hand. What I have not taught is comparable to the amount of leaves in the forest."

He taught what He deemed was absolutely essential for one's purification making no distinction between an esoteric and exoteric doctrine. He was characteristically silent on questions irrelevant to His noble mission.

Buddhism no doubt accords with science, but both should be treated as parallel teachings, since one deals mainly with material truths while the other confines itself to moral and spiritual truths. The subject matter of each is different.

The Dhamma He taught is not merely to be preserved in books, nor is it a subject to be studied from a historical or literary standpoint. On the contrary it is to be learnt and put into practice in the course of one's daily life, for without practice one cannot appreciate the truth. The Dhamma is to be studied, and more to be practised, and above all to be realized: immediate realization is its ultimate goal. As such the Dhamma is compared to a raft which is meant for the sole purpose of escaping from the ocean of birth and death (Samsara).

Buddhism, therefore, cannot strictly be called a mere philosophy because it is not merely the "love of, inducing the search after, wisdom". Buddhism may approximate a philosophy, but it is very much more comprehensive.

Philosophy deals mainly with knowledge and is not concerned with practice; whereas Buddhism lays special emphasis on practice and realization.

(to be continued...)

TRANSLATOR'S FOOTNOTES:

1. ARHAT (P), ARAHAT (S), ARAKAN (Jap.): The Worthy One. One who is free from all craving, defilements and rebirth.

2. ANANDA (P and S), ANAN (Jap.): A cousin of the Buddha. One of the Buddha's ten great disciples. He was personal attendant to the Lord Buddha for more than twenty years. He was famed for his excellent memory and is said to have memorized the Buddha's sermons which were later recorded as Buddhist scriptures. Ananda is said to have attained enlightenment after the passing (death) of the Buddha.

3. UPALI (P and S), UPARI (Jap.): One of the Buddha's ten most eminent disciples. He was a barber, later became a monk and was very strict in his observance of the precepts.

4. VATTAGAMANI ABHAYA: Became king of Sri Lanka in about 100 B.C. According to the Mahavamsa (Great History) he lost his throne to Tamil invaders (from South India) who rule in Anuradha-



pura (ancient capital of Sri Lanka) for 14 years. Thereafter Vattagamani recovered his kingdom. It was during his reign that the Buddhist Canon and its commentaries were first reduced to writing in Sri Lanka.

5. SANGHA (P and S), SOGYA (Jap.): An Assembly of Buddhist monks, the Monastic Order founded by the Buddha; the member of which are called Buddhist monks. It is the third member of the Triple Gem and the oldest monastic Community in the world.

6. BHIKKHU (P), BHIKSU (S), BIKU (Jap.): Literally means "beggar". A religious mendicant, an almsman, one who was left home, renounced all possessions, depends on alms and gifts of lay disciples for living and has become a fully ordained monk in order to follow the way of the Buddha.

7. BHIKKHUNI (P), BHIKSUNI (S), BIKUNI (Jap.): A female mendicant. A Buddhist nun who has entered into the Order of the Buddha and observes the precepts for nuns.

8. SĀRIPUTTA (P); SĀRIPUTRA (S); SHARIPUTSU (Jap.): One of the two chief disciples of the Buddha. He was regarded as the most brilliant of the Buddha's disciples and died while the Buddha was still alive.

9. MOGGALLĀNA (P), MAUDGALYĀYANA (S), MOKKENREN (Jap.): The second of ten chief disciples of the Buddha. He became a disciple of the Buddha after having been persuaded by his friend, Sāriputra. He is said to have possessed supernatural powers. He was killed by a Hindu follower before the Buddha died.

10. SCHOPENHAUER, Arthur (1788-1860): German philosopher. Chief expounder of the doctrine of the will and of pessimism. Among his works was "World as Will and Ideas" (1819)

11. SPINOZA, Baruch (1632-1677): Dutch philosopher. He studied chiefly the philosophy of Descartes (1596-1650) and was regarded as most eminent expounder of rational pantheism. His famous work is Ethics (1677).

12. BERKELEY, George (1685-1753): Irish philosopher and bishop. Lecturer in divinity and Greek (1721-1724), University of Dublin (Ireland). Developed philosophy of immaterialism and idealism. Works included Essay towards a New Theory of Vision (1709), The Analyst (1734).

13. HUME, David (1711-1776): Scottish philosopher and historian. Expounder of philosophical skepticism Author of A Treatise of Human Nature (1739-1740) and History of England (1754-1762) etc.

14. BERGSON, Henri Louis (1859-1941): French philosopher. One of the most influential thinkers of his time. Professor, College de France (1900-1921). Works included Matière et Mémoire (1896), Introduction à la Métaphysique (1903), L'Évolution Créatrice (1907). Awarded Nobel Prize for literature (1928).

15. JAMES, William (1842-1910): American psychologist and philosopher. Professor of philosophy at Harvard University (Cambridge) from 1881. One of the founders of pragmatism. Author of The Principles of Psychology (1890); The Meaning of Truth (1909) and Some Problems of Philosophy (1911).

CHIẾC ÁO LEN NÂU

Chiếc áo len màu nâu

Mẹ trao cho Mẹ

Để đã gần tròn trăm năm.

Mùa xuân buổi sáng

Mạ mặc áo pha trà

Bên Cội ngồi đọc báo.

Tình màu nâu.

Trà màu xanh.

Nụ cười hồng.

Hương sen nhẹ nhệ tỏa.

Mùa hạ nóng

Mạ đem áo ra phơi.

Cánh áo nâu phấp phồng

Đùa trong nắng.

Chiếc sân nhỏ

Cây sào dài

Phất phơ màu lụa sáng.

Bóng chiếc áo

Che đầu

Lũ con chơi đánh đáo.

Mùa thu

Mạ đem áo ra cài lại cúc

Khép màu buồn

Cho hoa lá bớt tàn phai.

Chiều gió đại

Ươm lên đầu chớm bạc

Áo len nâu che kín cuống vai gầy.

Mùa đông

Áo còn thơm long não.

Trời đất buồn

Áo thêm nặng hơi nâu.

Gió đông mang cơn sầu ảo não.

Nụ cười huyền

Nhấp nhánh ánh răng đen.

Mạ nhẹ phủ lên con

Màu ấm áo len nâu.

Rúc đầu vào lòng Mẹ

Tóc con bạc

Áo Mẹ nồng

Nụ cười hồng.

Mái tóc dài huyền hoặc.

Một trăm năm

Chiếc áo len nâu vẫn còn hơi ấm.



thơ

LƯU TRỌNG TƯỜNG



NHẪN NHỤC

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

Thưa Anh Chị Em Huynh Trưởng,

"Lấy nhẫn nhục làm sức mạnh để thắng hung hăng sân hận" không phải là chuyện lạ vì ngày xưa, cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm đức Thế Tôn đã từng thực hành và đó là nguyên nhân đức Phật nói bài kệ thứ 399 trong Dhammapada (Kinh Pháp Cú). Nói thì dễ nhưng thực hành nhẫn nhục thì rất khó vì phải có ý chí sắt đá, phải có đại nguyện rắn chắc như Kim cương—như đức Phật—mới thực hành tốt rạo được.

Xin nhắc lại câu chuyện xưa:

Thuở đó có một người Bà la môn tên là Bhàradvaja (tạm gọi là Bá Lạp) có người vợ tin theo đạo Phật; bà này mỗi khi nhảy mũi hay giạt mình vì bị ai đụng phải thì bà liền buột miệng kêu lên "Nam mô Phật!" Một hôm, Bá Lạp mời khách đến nhà chơi, người vợ mang thức ăn lên và thỉnh linh nhảy mũi rồi nói to lên "Nam Mô Phật!" Bá Lạp giận quá, vì không ưa gì đức Phật và Đạo của ngài nên nhất định chạy đi gặp Phật để gây sự. Anh ta nghĩ bụng sẽ đặt câu hỏi thật khó để Phật trả lời không được.

Anh ta hùng hổ xông đến trước mặt đức Phật và đặt 2 câu hỏi mà anh ta nghĩ là Phật sẽ "bí." Câu hỏi thứ nhất: "Phải giết chết những gì để được sống an vui, hạnh phúc?" Đức Phật đáp: "Phải giết sân hận

mới sống được an vui và hạnh phúc." Câu hỏi thứ hai: "Diệt pháp nào thì được chấp nhận?" Đức Phật bảo: "Chư Phật trong ba đời đều ngợi khen sự tận diệt sân hận." Nghe Đức Phật giải đáp rõ ràng người Bà La Môn chợt tỉnh ngộ, xin quy y Phật và xuất gia ngay hôm ấy.

Bá Lạp còn có 3 người em tính tình nóng nảy như nhau, nghe tin anh xuất gia theo Phật, người em kế tên là Akkosaka (tạm gọi là A-Cô) rất tức giận, tức tốc chạy đến chùa, nói những lời rất hỗn láo với Đức Phật; Đức Phật điềm nhiên nói: "Này A Cô, thí dụ như nhà ông mở tiệc mời khách đến ăn mà khách chẳng nhận dự tiệc thì các thức ăn ấy thuộc về ai?" A-Cô đáp ngay: "Thì tôi sẽ ăn hết!" Đức Phật nói tiếp: "Ông đã dùng những lời thô ác lỗ mắng nói với ta mà ta chẳng nhận, vậy các lời thô ác lỗ mắng đó lại quay về với ông!" A-Cô bưng tỉnh, hiểu được chỗ thâm thúy trong lời dạy của đức Phật bèn quỳ xuống xin quy y.

Hai người em của A-Cô nghe tin cả hai anh mình đều xuất gia làm tỳ kheo trong Tăng đoàn của đức Phật thì lập tức kéo nhau đến chùa hung hăng tìm đức Phật và nói lời thô ác cộc cằn và lỗ mắng với ngài. Đức Phật cũng lấy sự nhẫn nhục điềm tĩnh mà giáo dục họ. Chư Tăng chứng kiến đều tán thán công đức của ngài vì ngài đã cảm hóa được cả 4 anh em lỗ mắng nhà kia. Đức Phật bảo chư Tăng: "Đừng bao giờ làm hại kẻ đã hại mình, hãy nhẫn nhục chịu đựng mà làm nơi nương tựa cho kẻ khác."

Rồi đức Phật nói lên bài Kệ sau:

*Nhẫn nhục không buồn phiền
Không vẫn lòng sân hận
Buả đại nguyện kim cương
Đốn cội rừng tham giận*

(Kinh Pháp Cú, kệ 399)

Chúng ta là Phật tử, lại là huynh trưởng GDPT, mang sứ mệnh giáo dục đàn em nên nhất định chúng ta phải noi gương đức Thế Tôn nhẫn nhục chịu nghe những lời lỗ mắng, những lời vu oan giá họa, những lời giận dữ mà không khởi tâm sân hận; như vậy là làm gương cho đàn em, xứng đáng là người Anh / người Chị, những chỗ dựa tinh thần vững chắc cho các em.

Kính chào tinh tấn,
BBT



TÙY HỖ CÔNG ĐỨC

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)



Thưa Anh Chị Em Áo Lam,
Người xưa căn dặn: “Khí
kiêng nhất là hung hăng, tâm
kiêng nhất là hẹp hòi, tài kiêng
nhất là bộc lộ.”

Đức Phật thì dạy: “Một niệm
sân khởi lên, đốt cháy cả rừng
công đức,” hay “Từ bi và trí tuệ là
hai cánh nâng con người lên hàng
Thánh đạo” và “người ngu tưởng
mình có trí, thật xứng gọi là chí
ngu” (Kinh Pháp Cú - kệ số 63).

Chúng ta đều biết hết, thuộc
hết, nhưng thường quên thực
hành khi nói năng suy nghĩ, hành
động; bởi vậy cho nên lời nói
thường hung hăng, huênh hoang,
có khi “dọc ngang chẳng biết trên
đầu có ai” và có khi tự khoe một
cách lộ liễu “ai cũng sai, ai cũng
không biết làm, chỉ có tôi mới biết
mà thôi”... Tự đề cao mình như
vậy mà không hề hổ thẹn. Những
ai phạm sai lầm như vậy đều
không được mọi người kính trọng,
kể cả đàn em của mình. Thế cho
nên mới nói thân giáo rất quan
trọng đối với người huynh trưởng
GDPT. Học thì phải hành và người
Huynh trưởng sai lầm nhất là
người phải nói với đàn em rằng
“hãy làm như anh/chị nói chứ
đừng làm như anh/chị làm”!!

Trong Kinh Pháp Bảo Đàn,
Lục Tổ Huệ Năng cũng dạy “đừng
nhìn lỗi người, chỉ nên thấy lỗi
mình” v.v... Tất cả những lời dạy
trên đây đều cần thiết cho việc
rèn luyện đức tính—nhất là cho
người Huynh Trưởng, vừa là anh
là chị, vừa là thầy/cô giáo của
đàn em mình.

Làm sao để thực tập tính
nhẫn nại, khiêm tốn (để chịu lắng
nghe người khác, không hung
hăng nóng nảy, không huênh ho-
ang khoác lác?) —Đức Phật đã có
dạy chúng ta hạnh TÙY HỖ.

Tùy Hổ là ngược lại với đồ
kỵ, ganh ghét. Người ganh ghét
đồ kỵ thì thấy ai hơn mình là
không chịu nổi; người ta làm
nhiều hơn mình, mình cũng ghét;
người ta giỏi hơn mình, mình
cũng ghét; thậm chí người ta bố
thí nhiều hơn mình mình cũng
ghét luôn! Phật dạy Tùy hỷ thật là
hay tuyệt! Trọng Kinh Pháp Hoa,
phẩm TÙY HỖ CÔNG ĐỨC, đức

Phật có dạy: một người giàu
sang đem của cải bố thí, một
người khác nghèo ,không có của
bố thí nhưng tùy hỷ—nghĩa là vui
theo người bố thí, giống như
chính mình được làm công việc
bố thí vậy—thì công đức hai
người như nhau. Mình không làm
được điều gì lớn lao mà thấy
người ta làm được việc thiện lớn,
mình vui theo... tất cả như vậy
đều gọi là tùy hỷ. Thậm chí, nếu
trong giảng đường nghe Pháp,
mình nhường chỗ cho người đến
sau để họ có thể ngồi thoải mái
nghe Kinh thì công đức đó cũng
gọi là tùy hỷ công đức.

Như vậy Tùy Hỷ là để đối trị
với Tâm xấu là tâm đồ kỵ. Trong
khi người bố thí xả được cái Tâm
tham lam ích kỷ, người tùy hỷ thì
xả được cái tâm tật đố, nên hai
người có công đức bằng nhau.
Thế gian thường tình thì không
muốn ai hơn mình; còn anh chị
em chúng ta học Đạo, gần Đạo,

có bốn phận truyền đạt Đạo lại
cho đàn em chúng ta phải học
hạnh Tùy hỷ, thấy ai làm được
việc gì tốt, có lợi cho tổ chức, cho
Phật sự chung... đều phải tùy hỷ
hết, sách tấn nhau cùng làm việc.
Có thực tập tùy hỷ thường xuyên
chúng ta mới thực hành hạnh Hỷ
Xả được. Sở dĩ có người bảo rằng
“GDPT là một pháp môn tu” bởi vì
chúng ta đeo Hoa Sen, học theo 5
hạnh của chư Phật và Bồ tát (Hoa
Sen có 5 cánh trên tượng trưng
cho 5 hạnh): Từ Bi, Trí Tuệ, Tinh
Tấn, Thanh Tĩnh, Hỷ Xả; thực
hành 5 Hạnh trong đời sống hằng
ngày thì chính là đã phần nào
“giác ngộ” đạo Vô Ngã rồi đó vậy.

Thân kính chúc Anh Chị Em
tinh tấn tu học và tu tập để dừng
tiền trên đường Đạo và để hướng
dẫn đàn em những bước vững
chãi trên hành trình tiến về đất
Phật.

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam

VÀNG TRẮNG ĐÊM NAY

(Thương tặng em P.)

*Đêm thanh vắng gả ly hương thắm lặng
Uống trắng rằm và uống nổi cô đơn
Rượu đầu cạn nổi tâm tư đầu hết
Đời long đong vận nước cũng long đong.*

TRĂNG UYÊN NGUYÊN

*Đêm hè nằm vông đu đưa
Trăng khuya thanh tịnh chốn xưa vọng về
Trăng rằm lấp lánh biển quê
Gió hoà nhịp thở đề huề có-không!*

thơ **BẠCH XUÂN PHÊ**





CON MẮT

Thưa Anh Chị Em Lam viên bốn phương,
Người xưa có xếp loại 3 hạng người dựa vào “con mắt” của họ—không phải là con mắt thịt mà là con mắt của sự hiểu biết, của trí tuệ.

- **Hạng người không có mắt** (nghĩa là không có con mắt Đời và Đạo): việc Đời cũng dở mà việc Đạo càng dở hơn.

- **Hạng thứ 2 là hạng người “chột”** (nghĩa là chỉ có một con mắt Đời): hạng này thành công trong đời về kiến thức, về sự nghiệp nhưng không biết bổ thí, từ giới, nhẫn nhục, không biết phát triển tâm linh...

- **Hạng thứ 3 là sáng cả hai mắt Đời và Đạo**, nghĩa là về Đời cũng thành công, có kiến thức cao, có sự nghiệp lớn, mà về Đạo cũng đạt được trí tuệ căn bản của một người sống Đời vui Đạo, làm lợi ích cho mọi người.

Đối với nhà Phật, việc đánh giá con người rõ ràng hơn, căn bản hơn, không dựa trên sự thành công hay thất bại mà dựa trên cái Tâm của người ấy.

Đức Phật dạy, ở đời có 4 hạng người:

- 1) hạng người chuyên làm khổ mình
- 2) hạng người chuyên làm khổ người
- 3) hạng người chuyên làm khổ người và khổ mình
- 4) hạng người chuyên làm lợi mình, lợi người.

Có người nói: số 3 là tập hợp của số 1 và 2, tại sao phải để riêng? – Xin thưa, vì hạng thứ nhất chỉ chuyên làm khổ mình chứ không làm khổ người, hạng thứ hai chỉ chuyên làm khổ người khác chứ không làm khổ mình. Đó, chỉ có một chút xíu thôi, nếu không khai triển vẫn có người không hiểu, lại thắc mắc.

Thế nào là “chuyên làm khổ mình”? – Đó là hạng người chìm đắm trong dục lạc thế gian, quên hết trời đất, thiên hạ, chỉ biết hưởng thụ và tiêu phí tuổi trẻ, tiền bạc... vào những “cuộc vui suốt sáng, trện cười thâu đêm” để đến khi thức giấc vì bệnh hoạn, nghèo nàn, không ai ngó tới thì đã quá muộn màng, thân bại danh liệt! Đó là lý do mà đức Thế Tôn gọi thế gian này là “ngôi nhà lửa” – nhưng thế gian lại ham chơi, không chịu chạy ra khỏi để đến khi biết ngôi nhà đang cháy thì đã hết một đời!

Thế nào là “chuyên làm khổ người”? – Đó là hạng người ích kỷ, thấy người khác vui thì mình buồn, thấy họ khóc thì mình vui nên chuyên tìm chuyện hại người; ví dụ ăn cắp của cải của người khác mà lại nói ngược là người ta ăn cắp của mình, hờ một chút là đối bản bỏ, thủ tiêu, vu oan giá họa cho người khác những tội mà người ta không hề có, còn phần mình thì “tội mê mê như kê lộn đầu” nhưng cứ “đấu tranh miêng lưỡi” lộng giả thành chân, cá vú lấp miệng em... dùng đủ thủ đoạn để hạ uy tín người khác nhằm để tự nâng mình lên v.v... (nhưng tự nâng thì đâu có được!).

Thế nào là “chuyên làm khổ người và khổ mình”? – Đó là hạng người thiếu trí tuệ, dễ bị mua chuộc, đi vào con đường xấu mà không tự biết. Tại sao dễ bị

mua chuộc? – Tại vì ham danh lợi, địa vị hay tiền tài, sắc đẹp... đến khi bị “sập bẫy” rồi ăn năn cũng không kịp, đã lỡ hại người tốt, đã lỡ nhúng tay vào chàm, đâu có nói năng gì được nữa! Đến lúc đó, khóc cũng không ai thương, cười thì cười ra nước mắt! Đúng là làm khổ mình và đồng thời cũng làm khổ người một cách thiếu trí tuệ.

Hạng thứ tư là hạng người hiếm quý giữa xã hội nhiều nhương này; đó là người biết quy y Tam Bảo, biết giữ Giới như giữ gìn cặp mắt của mình, chỉ cần giữ 5 Giới của người Phật tử tại gia cũng đủ góp phần làm cho thế giới hoà bình chúng sanh an lạc rồi. Thật vậy, người giữ Giới không sát sanh thì không bao giờ hại người hại vật; vì sát sanh không chỉ là dùng gươm dao đâm chết người mới gọi là sát sanh mà có thể sát sanh bằng lời nói ác độc, lời nói vu oan giá họa cho người ta, lời nói gây chia rẽ nội bộ của người ta, làm cho anh chị em người ta nghi ngờ nhau, ghét nhau, xa rời nhau, lời nói vu khống, làm cho thiên hạ tưởng thật xúm vào tấn công người ta v.v... những thứ đó đều là hình thức sát sanh cả. Hạng người thứ 4 không bao giờ làm những điều ác đức như vậy. Họ không những không sát sanh mà còn phóng sanh, không trộm cắp mà còn bố thí v.v... nghĩa là đem niềm vui và hạnh phúc đến cho người khác cho nên không bao giờ hại người, không xúc phạm đến người khác, không lấy của người khác. Các bạn có nghe chữ “đạo văn” hay không? Đạo văn là ăn cắp văn của người khác, sao chép lại (copy) của họ mà nói của mình, đó là một hình thức của trộm cắp, không cần phải đào tường khoét vách mới gọi là ăn trộm đâu. Hạng người thứ 4 không bao giờ làm những chuyện mất tư cách đó. 5 Giới thì tất cả Phật tử đều biết cả rồi, huống gì anh chị em huynh trưởng chúng ta thì đã thuộc lòng tường không cần nhắc thêm.

Thưa Anh Chị Em Áo Lam,

Chúng ta là huynh trưởng, nhiệm vụ chính là giáo dục thanh thiếu niên, tuổi trẻ Phật giáo hải ngoại hay trong nước, cũng đều có cùng một tâm





niệm, đó là “vì đàn em thân yêu.” Chúng ta không được ai trả lương, không được ai bổ dụng, nhưng hàng hàng lớp lớp đều tự nguyện qua những lớp huấn luyện để trở thành huynh trưởng GDPT phục vụ tuổi trẻ như các Anh Chị của mình đã từng phục vụ mình. Người Huynh trưởng GDPT không những không được trả lương mà còn phải đưa đón các em đi sinh hoạt bằng xe riêng của mình, mua thức ăn cho các em nếu các em kêu đói bụng bằng tiền túi của mình, tổ chức sinh nhật tại Đoàn, Gia Đình... cho các em cũng đều tự túc, điều này không chỉ xảy ra một vài ngày mà đã từ hơn mấy chục năm nay với truyền thống “gia đình” như vậy. Ở trong nước, người huynh trưởng GDPT còn tự nguyện đi xây những căn nhà tình thương cho những người già cả yếu đuối không có nhà ở, cơm ăn, còn vào bệnh viện giúp những bệnh nhân cô quả cô đơn mà quá nghèo, v.v...

Chúng ta hãy tự soi rọi lại mình xem thử mình là hạng người thứ mấy trong 4 hạng người trên đây và “nhanch chân” trở lại hạng thứ 4 vốn là hạnh nguyện của anh chị em chúng ta, nếu chúng ta đã lỡ một lần lạc bước vào các hạng kia!

Còn nói về “con mắt” hay cách nhìn... thì học Phật Pháp chúng ta cũng đã biết, có 5 thứ mắt: Nhục nhãn, Thiên nhãn, Huệ nhãn, Pháp nhãn và Phật nhãn.

- **Nhục nhãn** là con mắt thường của mỗi người, ở trên mặt / trên thân thể con người, của chúng sanh ở cõi Dục giới.
- **Thiên nhãn** là mắt / cái thấy của chư Thiên hay các vị tu thiên định ở cõi Sắc giới.
- **Huệ nhãn** là mắt / cái thấy bằng trí tuệ của hàng Thanh Văn Duyên Giác.
- **Pháp nhãn** là cái thấy bằng trí tuệ sâu hơn của chư Bồ Tát với hạnh nguyện cứu độ chúng sanh.
- **Phật nhãn** là cái thấy của chư Phật, thông suốt pháp giới.
[Chúng ta có dịp nghiên cứu về “5 cái thấy” nhiều hơn khi học về Kinh Kim Cang]

Thân kính chúc Anh Chị Em tinh tấn trong tu học và tu tập để thân tâm thường được an lạc.

Trân trọng,
BBT

HOA SEN CỦA MẸ

*Mỗi ngày mẹ niệm thời kinh
Kết thành sen báu ẩn tên mình vào trong
Tuổi già vui bước thông dong
Lạc Bang cõi Phật chờ mong ngày về*

QUÊ NHÀ

*Quê nhà một thuở bình yên
Rong chơi xư lã lãng quên đường về
Xa quê nhớ mảnh trăng thề
Nhớ con sông nhỏ bốn bề uốn quanh*

MỜI BẠN VỀ CHƠI

*Mời bạn về chơi cửa tịnh không
Đi đứng nằm ngồi chẳng nhọc công
Sáng nghe chim hót duyên cảnh Phật
Chiều nhìn lá rụng bước thông dong*

MỘNG ƯỚC DÂNG ĐỜI

*Mộng ước dăng đời mộng ước xa
Quanh quanh quẩn quẩn một mình ta
Mai sau gởi hương về theo gió
Tỏa mát nhân gian chốn mọi nhà*

thơ

KHA NGUYỆT



HỌC CHÁNH NIỆM TRONG TÙ

Phan Tấn Hải dịch

Sau đây là bản Việt dịch một bản tin của phóng viên Bryan Denson trên báo The Oregonian ngày 21-6-2014 tựa đề "Oregon prison workers: 'Mindfulness' training calms even the most tightly wound" (Quản giáo trại tù Oregon: Thiền chánh niệm làm bình an được ngay cả vết thương sâu kín nhất).

Các viên chức trại tù Oregon đã xanh mặt khi biết về tác hại kinh hoàng trên cảm xúc và thể xác mà nhiệm vụ cai tù đem tới cho các nhân viên nơi tuyến đầu của họ.

Họ mới chọn kiểu mới, thuê một nhà tư vấn -- người này sẽ huấn luyện pháp Thiền Phật Giáo để giúp làm tốt sức khỏe cho họ về thể xác và cảm xúc. Nhà tư vấn này cũng là một người có tiền án về ma túy, từng ngồi 14 năm tù liên bang.

Các viên chức trại tù không tức khắc tiết lộ các chi tiết trên khi họ đưa chương trình của nhà tư vấn này tới các viên chức đang phụ trách giam giữ 14,700 tù nhân tiểu bang.

Họ viết cho các cai tù, "Mục tiêu tối hậu là chuyển hóa văn hóa, từ kiểu văn hóa của bác bỏ, căng thẳng, mệt mỏi, khủng hoảng không chữa trị và gây ra các nan đề cảm xúc sang một nền văn hóa lành mạnh của tự quản, tự chăm sóc, truyền thông khôn ngoan về mặt cảm xúc và mặt xã hội, cách đối phó những mâu thuẫn và căng thẳng lành mạnh, và sự an toàn và lành mạnh cho toàn bộ nhân viên trại giam."

Có 60 nhân viên -- trong đó nhiều người là quản giáo coi tù -- đã ký tên tham dự chương trình thử nghiệm này.

Thượng sĩ Laura Hinkle, một trưởng nhóm quản tù vững vàng lúc đó đã có 9 năm làm việc trong Oregon State Penitentiary (Trại Giam Đại Hình Tiểu Bang Oregon) tại Salem, nhớ lại ngày đầu tiên tập thiền. Nhà tư vấn có mái tóc trắng, tên là Fleet Maull -- nói về "mindfulness" (chánh niệm) và "emotional intelligence" (nhận diện cảm xúc) rồi yêu cầu nhóm quản giáo tập thở.

Ông nói, "Quý vị hãy nhắm mắt lại."

Hinkle tròn mắt nhìn. Có phải cha nội này đang lên cơn phê? Sẽ không có cai tù nào muốn nhắm mắt khi đứng ở một tầng giam chung quanh đầy tù nhân. Cha nội này rõ ràng không biết gì về đời sống trong tù.

Sau đó, Hinkle bước tới về hướng Kelly Rath, người lúc đó là tuyên úy nhà tù.

Bà Hinkle nói, "Tôi xong rồi. Tôi không thể làm như thế."

Bà Rath nói với bà Hinkle rằng hãy cởi mở, hãy trở lại ít nhất thêm một buổi thiền khác.

Về sau, Thượng sĩ Hinkle mới biết rằng Maull biết toàn bộ về đời sống trong tù.

Bộ Cải Huấn đã rơi tới một đáy cảm xúc năm 2013, buộc dẫn tới những thay đổi triệt để nhằm giảm căng thẳng cho các nhân viên cai tù. Hai cai tù

đã tự tử năm 2011, và người khác tự tử năm 2012.

Một bản tin trên báo The Oregonian cho thấy những vết thương bên trong, chỉ ra rằng các nhân viên cai tù bị chứng PTSD (rối loạn căng thẳng hậu chấn thương) ở một tỷ lệ nhiều lần cao hơn dân số tính chung.

Raths nói, "Lúc đó đã có một cảm thức về nhu cầu, và tính khẩn cấp của nó."

Bà và các viên chức khác mới tìm kiếm.

Các viên chức cai tù đã chọn Maull -- một thầy dạy thiền kỳ cựu trong tổ chức Shambhala Buddhist Community, người sáng lập mạng lưới Prison Dharma Network (bây giờ gọi là Prison Mindfulness Institute, Viện Chánh Niệm Trại Tù), và là người tự giữ vai trò nhà huấn luyện và tư vấn trưởng.

Nhưng, làm thế nào thuyết phục khoảng 2,500 viên chức cai tù về các khái niệm như "thể dục tâm trí" và "nhận biết cảm xúc"?

Raths nói, đối với các cai tù thì đều thấy không phù hợp với trực giác khi nghĩ tới chuyện lấy việc giảm căng thẳng như một phương thuốc chữa trị cho họ về chuyện sức khỏe suy, ăn mất ngon và những gian nan trong quan hệ của họ ở sở và tại nhà.

Bà nói, "Các thứ gan thận, cảm xúc của họ đều kiệt sức rồi. Ai cũng mệt rồi... Do vậy, bây giờ tôi yêu cầu quý vị bước vào một cách sống mới toàn diện. Và một cõi của sự .khỏe mạnh mới cho quý vị ở đó? Khó vậy."

Các viên chức cai tù có 12 năm hay nhiều hơn trong nghề thì kém tiếp nhận các phương pháp mới để đối phó với việc làm đầy căng thẳng của họ, và một cuộc nghiên cứu hồi tháng 11-2013 thực hiện bởi đại học Portland State University xác nhận rằng các cai tù thâm niên đó cũng có nhiều nan đề hơn.





Raths nói, "Với các cai tù mới vào nghề cải huấn, dễ thuyết phục hơn."

Có phần nửa trong số 60 cai tù trong chương trình đầu tiên đã bỏ cuộc, và các viên chức vội vã tìm cai tù khác đưa vào thế chỗ. Một số người bỏ cuộc nghĩ rằng các khái niệm đó tức cười, và vài người cảm thấy như bị rơi vào bẫy lừa gạt khi họ học -- vào nhiều buổi sau -- rằng Maull từng là một tù đại hình.

Trong chương trình dài cả năm đó, Hinkle phải tới 6 hay 7 buổi thiền tập mới tin vào chương trình này. Điều làm bà được thuyết phục là một bài tập do Maull dạy, đó là cách ông gọi là "quán sát thân thể."

Đó là một kỹ thuật xưa cũ. Bạn nằm ngửa và nhắm mắt lại. Bạn thở vào và ra, chậm rãi cảm nhận sức nặng của gót chân của bạn, dần lên bắp chân của bạn, đùi, hông, lưng dưới, đường vòng xương sống, cổ và gáy. Nếu bạn làm đúng, bạn có thể gần như cảm thấy bạn bay bổng lên.

Maull nói với họ khi nào họ cảm nhận tới gáy, hãy nghĩ về những gì họ cảm nhận giây phút đó.

Hinkle nói, "Tôi đã ngủ như một em bé sơ sinh."

Một phần lớn trong chương trình tập trung về các cai tù tập chia sẻ cảm xúc của họ với bạn đồng nghiệp.

Michelle Dodson, một phát ngôn nhân nhà tù đại hình nơi có an ninh tối đa cũng là nơi Hinkle làm việc, nói như thế là trái nghịch với những người truyền thống đã dạy rằng đừng có biểu lộ những yếu kém trong bức tường nhà tù.

Hinkle nói rằng bà học để hướng về các bạn đồng nghiệp và nói, " 'Này nhé, tớ đang có một ngày đầy căng thẳng. Hãy dùm chừng tôi nhé.' Như thế rất là giúp nhiều hơn, đặc biệt nơi tôi làm việc."

Bà cũng học cách duyệt xét lại ngày làm việc trên đường lái xe về nhà và để lại những chuyện tiêu cực nơi cửa.

Bà nói, "Cách này. Tôi sẽ không về nhà và vùi dập vợ tôi với đủ thứ căng thẳng." (LND: Hinkle là phụ nữ, khi nói chữ 'vợ tôi' không rõ có nghĩa về đồng tính, hay chỉ lặp lại câu nói của Thiền sư Maull.)

Có lẽ, thử nghiệm lớn nhất cho việc đối trị căng thẳng là một ngày hồi tháng 12-2013, khi bà bước vào một góc nhà tù để dàn hòa một trận đánh nhau (của tù nhân). Rồi bà được khiêng ra khỏi nhà tù với một chân bị gãy và nghỉ dưỡng thương trong hơn 2 tháng.

Bà nói, "Khi tôi thấy mình lo lắng khi trở về sở làm, tôi chỉ trở về các bài tập thiền chánh niệm mà

Fleet Maull đã dạy chúng tôi, và chỉ thư giãn, nghĩ là, 'OK, tôi sẽ đỡ hơn khi tôi đỡ hơn.'

Trong một cuộc phỏng vấn, Maull giải thích rằng cách dạy của ông kết hợp với sự phức tạp của khoa tâm thần học chủ lưu với nguyên tắc căn bản của "tử bị với chính mình." Khi chúng ta OK với chính mình, chúng ta sẽ làm khá hơn trong đời. Khi chúng ta sợ hãi, chúng ta sẽ thất bại.

Ông nói, "Căng thẳng là tự nhiên. Căng thẳng thường trực mới là vấn đề."

Chương trình kết thúc năm nay, và không rõ là có sẽ được tiếp tục trở lại.

Trong một buổi tập thiền đầu năm nay, Maull lắc một cái chuông nhỏ để kêu gọi giữ trật tự đối với một nhóm cai tù, một số trong đó mặc đồng phục màu xám. Họ ngồi trong các ghế nhựa, bàn chân đặt trên tấm thảm nâu trong phòng, hai tay để thoải mái trên hai đùi, cổ thoải mái tựa, mi mắt lim dim như con thỏ lẩn phớt ngoài nắng.

Maull nói với họ bằng giọng lặng lẽ để hít vào lồng ngực và thở ra chậm qua mũi. Họ cùng thở sâu và đều, hình ảnh của sự bình lặng.

Ông nói, "Hãy ghi nhận nó thay đổi trạng thái tâm của bạn."

Lúc đó, ông mới thuyết giảng cho những người đã tin ông.

Họ chia ra các nhóm nhỏ khi mới vào chương trình huấn luyện, từng nhóm khoảng 8 người gặp nhau 2 lần mỗi tháng để tập những gì họ được dạy trong ba buổi trọn ngày. Nhóm của Hinkle kết thân hơn, tới nỗi họ hứa với nhau sẽ gặp nhau tiếp cả khi ngân sách chương trình cạn đi. Họ đã tự lập riêng mạng lưới hỗ trợ cho họ.

Một hôm, khi đứng quan sát trong phòng thăm tù đại hình, Hinkle nhìn vào cả một rừng khuôn mặt, và theo dõi một tù nhân, khuôn mặt người này đỏ lên, chùi tay vào đuôi mắt. Bấy giờ bà nghe giọng tù nhân kia lớn và linh động hơn. Lúc đó, bà tới gần tù nhân kia, ông này đang khóc.

Gia đình người tù này mang tới tin buồn. Hinkle đưa người tù này sang phòng khác.

Bà nói, "Tôi biết, một cách hiển nhiên, ông nhận tin buồn rồi. Hãy làm ơn giùm, hãy ngồi xuống nhé," bà nói với giọng bình lặng. "Hãy thở vài hơi thở sâu cho tôi."

(Bản Anh văn ở đây: http://www.oregonlive.com/politics/index.ssf/2014/06/oregon_prison_workers_mindfuln.html)



Mơ Ước Thanh Bình

Khi đất nước thanh bình,
Em sẽ nghe những con chim cu gáy.
Tiếng sáo diều ngân,
Và trời trong xinh đẹp vô cùng.

Khi đất nước chiến tranh.
Em chẳng nghe những con chim cu gáy.
Tiếng sáo diều tắt nghẹn,
Và bầu trời đe dọa đạn bom bay.

Khi đất nước thanh bình.
Dòng sông nước chảy lặng lẽ.
Những rặng dừa lá ngon.
Và lúa non xanh mướt tựa như thơ.

Khi đất nước chiến tranh.
Dòng sông mất đỏ đục ngầu.
Những rặng dừa xơ xác.
Đạn pháo nào phá nát cả trời mơ.

Khi đất nước thanh bình.
Gái Hội Lim hát hò quan họ.
Giọng em xinh xinh quá gái làng quê.
Trai thành đô nô nức rủ nhau về
Để chiêm ngưỡng áo tứ thân cổ kính.

Khi đất nước chiến tranh,
Gái Hội Lim quên câu quan họ.
Lo thóc gạo, lo cuộc đời bất trắc.
Trai thành đô lên đường ra mặt trận.
Có thương nhau xin hẹn thuở anh về.

Khi đất nước thanh bình,
Đám cưới nhà ai sao vui, vui quá.
Sen cóm được mùa,
Pháo rộn rã và tình say như men rượu.

Khi đất nước chiến tranh,
Người ta cưới nhau vội vã.
Hai họ nhìn đôi uyên ương lo sợ.
Nay cô dâu, mai cô phụ, ai ngờ?

Khi đất nước thanh bình,
Người ta rủ nhau du lịch.
Vườn quốc gia và bãi biển xanh chập ních.
Người lẫn người tận hưởng thú thiên nhiên.



Khi đất nước chiến tranh,
Người chen chúc nhau trong thành phố.
Đây hầm, hào, hố, ụ phòng không.
Tránh đạn bom nghe tiếng hú coi chừng.
Hỏa tiễn nổ và xác người tan tác.

Khi đất nước thanh bình,
Thì trường học cũng thanh bình.
Giờ ra chơi bao em nhỏ tung tăng.
Cây phượng vĩ cũng thấy đời hạnh phúc.

Khi đất nước chiến tranh,
Trường về nơi sơ tán.
Lớp học là hầm sâu trong đất.
Giờ ra chơi lo sợ ngó trên đầu.
Kéo máy bay địch dội bom lên trẻ nhỏ.

Khi đất nước thanh bình,
Đạo từ bi xa gần lan tỏa.
Buổi hoàng hôn thong thả tiếng chuông ngân.
Những buổi lễ ngàn vạn người tham dự.

Khi đất nước chiến tranh,
Chùa chiến vắng vẻ,
Nếu buổi lễ có người tham dự.
Cũng đề cầu cho chiến sĩ trận vong.
Tiếng chuông ngân sao buồn bã vô cùng.
Dù Phật độ cũng khôn ngăn tiếng khóc.

Chiến tranh, ôi vô cùng thảm khốc!
Kẻ điên rồ mới cổ vũ chiến tranh.
Kẻ dã man mới chủ tâm gây chiến.
Dù bất cứ lý do gì nguy hiểm.
Xét cho cùng mong tranh bá đồ vương.

Mơ thanh bình!
Và cầu nguyện hòa bình.
Giấc mơ tha thiết!
Dù con giun cái kiến.
Dù con nai, con ốc, con sò.

thơ

ĐÀO VĂN BÌNH
(California ngày 9/7/2014)

VU LAN, MÙA BÁO HIẾU

Trần Trọng Khoái

Vu Lan phiên âm từ Phạn ngữ Ullambana, Trung Hoa dịch là “Giải đảo huyền,” có nghĩa là cởi mở những cực hình hay giải thoát những khổ đau trong 3 cảnh giới: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Phật Giáo chủ trương nhân quả theo nhau như hình với bóng, nghĩa là người gây nhân lành ắt sẽ hưởng quả tốt, ngược lại kẻ tham lam, vị kỷ, độc ác... chỉ biết lợi mình, không kể đến hậu quả làm phiền lụy khổ đau cho tha nhân, rộng ra là cả sinh linh vạn loại, đương nhiên sẽ gặp những phiền toái, chịu đựng những trách móc, oán hận của những nạn nhân, hay khi xả bỏ cuộc sống sẽ lãnh sự trừng phạt trong 3 ác đạo mà thể nhân hay tín ngưỡng nào cũng nghĩ bàn để khuyến miến người đời phải lo tu thân hành thiện, làm đẹp nhân sinh. Mùa Vu Lan báo hiếu phát xuất từ đức Mục Kiền Liên kiếm tìm, thăm viếng rồi giải thoát mẹ ngài khỏi cảnh giới ngạ quỷ, có từ thời đức Phật còn tại thế. Văn hóa thể nhân có từ khi loài người hướng về nẻo thiện. Gần chúng ta là văn hóa A Đông, lấy nhân luân làm căn bản: Hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, thì hạnh hiếu trước nhất:

*“Hiếu vi bách hạnh chi nguyên,
Dân ư vạn ác chi thủ”*

Đại ý là:

“Hiếu kính đứng đầu trăm nết đẹp.

Đãm say là gốc vạn thói hư.”

Nhân mùa Báo Hiếu, chúng tôi tìm hiểu xuất xứ về kinh Vu Lan, ngày Tự Tứ, luận về lễ đạo tình đời và chữ Hiếu, mong phát huy truyền thống cao đẹp và mỹ tục thuần phong của quê hương, dân tộc và Đạo Pháp.

Kinh Vu Lan: Một trong các Kinh thường được trì tụng và phổ biến trong các Tự Viện hiện nay là: Kinh Kim Cang Bát Nhã, Kinh Dược Sư, Kinh Di Đà, Hồng Danh Bửu Sám (soạn trích từ Kinh Hoa Nghiêm), Phẩm Phổ Môn (trích Kinh Pháp Hoa) và Kinh Vu Lan. Kinh Vu Lan do đức Thích Ca Mâu Ni khen ngợi ngài Mục Kiền Liên, là đại đệ tử hiếu hạnh đệ nhất của Như Lai. Ngài Mục Kiền Liên nguyên là giáo chủ của Bái Hỏa Giáo, được lên ngôi vị cao quý đó là do sự hỗ trợ khả tích cực của mẹ ngài là bà Thanh Đề. Bà thuộc giai cấp quý tộc ở Ấn Độ, muốn cho con hiển đạt và có danh vọng hơn người, nên đã tận dụng tiền tài thế lực, kể cả việc trừ khử các đối thủ, gây tội lỗi với người đương thời, xúc phạm đến các thánh nhân hiền triết; do đó sau khi chết bà phải堕 vào Vô gián địa ngục, làm kiếp ngạ quỷ, khổ não triền miên. Cũng có truyền thuyết cho rằng trước bà Thanh Đề là điền chủ khá nhiệt tâm với nhà chùa. Bà dành một ít nông phẩm rồi chọn lọc tinh vi để tiến cúng. Vị Trú Trì quán biết thiện chí của thí chủ nhưng bận tham dự một Phật sự cần thiết, đã giao phó sự thù tiếp cho vị đại diện nhà chùa với lời căn dặn ân cần là hôm sau có nhà đại thí chủ viếng chùa và cúng dường phẩm vật trang trọng. Đợi mãi không thấy quý khách, mà chỉ có bà nông dân đến cúng gánh nếp, nên nhà chùa không mấy trân trọng, làm cho thí chủ bất mãn ra về, rồi sinh tâm đố kỵ. Từ đó bà hận chốn già lam, chán ghét tăng ni, nên

tổ chức Trai Tăng bằng thịt thú và ngũ tân nhồi trong nhân để phá trai-giới chư vị. Tăng chúng đã dự phòng để bánh trái vào tay áo khá rộng mang về kiểm chứng rồi chôn cất, chỉ dùng trà để hồi hướng công đức! Có thể tâm sân hận này là thông bệnh của thể nhân, mà người cổ chấp như bà Thanh Đề tác tạo việc phá giới phạm trai Tăng chúng phải gánh chịu quả báo! Qua câu chuyện này, Phật tử chúng ta cần phá chấp, không quan tâm đến hơn - thua - thù - bạn hay chuyện nhân - ngã - bi - tử làm bận tâm vô ích; thậm chí quan niệm việc cúng dường, bổ thí là “tâm nguyện” hay “thi ân bất cầu báo” tức là biểu tặng tha nhân với lòng từ mẫn, không quan tâm đến việc cảm ơn, vấn đề hồi báo của Ban Tổ Chức cốt phân minh trong công tác, chứ người tiếp tay giúp đỡ là “tùy duyên”.

Đức Mục Kiền Liên là một hiền giả không ham danh vọng và địa vị riêng tư, ngài luôn kính hiền trọng đạo, nghe tiếng thầy hình và biết giáo lý đức Phật siêu tiền khoáng hậu, nên tôn giả đưa tin chúng đến xin quy y, thọ giáo Phật Đà. Do thần thông tri huệ tuyệt vời (a), thấu triệt lý nhân quả và ghi nhớ lời Phật dạy về ăn đức sinh thành, Tôn Giả quán chiếu thấy mẹ đang thọ khổ nơi âm cung, Ngài đích thân đến viếng và dâng cơm cho mẹ. Tâm lý người đói thấy ăn, tánh vị kỷ tự phát, bà sợ chúng ma cướp giật nên che giấu để tận hưởng với tâm trạng tham luyến tự thuở nào, thêm nghiệp lực nặng nề của tội hôn trong cảnh giới ngạ quỷ vốn không cho phép họ thọ dụng các phẩm vật bất cứ từ đâu đến! Có thể cơm trắng hóa lửa hồng là lửa tam độc tham - sân - si tự tiền căn chưa dứt? Hay ngạ quỷ thấy cơm đều muốn ăn nhưng thân tâm tiêu tụy thì cháo cơm đậu phải là vật có thể dùng được? Trước thâm tình mẫu tử Tôn Giả rất bi lụy nhưng nhân quả rõ ràng, nên Ngài cũng đành chịu. Ngài già từ mẫu thân, trở về bạch Phật, xin tế độ mẹ hiền. Phật dạy: Mẹ ông tội lỗi sâu dày, mặc dù ông phước trí trang nghiêm, hiếu hạnh vẹn toàn nhưng chưa chuyển hóa được, nên phải nhờ vào sức chú nguyện của mười phương thánh tăng trong ngày Tự Tứ vào giai tiết Vu Lan. Nhân ngày Chư Phật hoan hỷ, chúng Tăng tự tứ, ông nên phát tâm tác tạo phước duyên, cúng dường bổ thí, hoằng pháp lợi sanh... để nhờ công đức tinh tu tịnh hạnh sau mùa An Cư Kiết Hạ nên nguyện lực của Chư Vị càng cao, hồi hướng công đức để chuyển hóa tội lỗi của mẹ ông. Khi tội hôn đã tỉnh ngộ thành khẩn sám hối, niệm Phật cầu vãng sanh thì nghiệp chướng sẽ tiêu trừ, căn lành tăng trưởng,



chư Phật và Bồ Tát cũng đều hoan hỷ phóng quang tiếp dẫn về Tây Phương An Lạc Độ của Phật A Di Đà. Các Phật Tử vì kẻ mất người còn mà thành khẩn thực hành hạnh lợi tha thì Cha Mẹ nhiều đời, gia thân quyến thuộc, rộng ra là thân hữu đồng hương hay các giới hữu tình cũng sanh tâm hoan hỷ, đứng tiền trên đường đạo là tạo nhân lành hay tạo sẵn tư lương rất cần cho mai hậu, những người quá cố, thập loại cô hồn cũng quân triêm thẳng phước. Ngài Mục Kiền Liên và đại chúng “y giáo phụng hành”, hiểu hạnh của thế nhân khởi đầu từ đó:

*“Hoài vọng Tứ Thân, tinh thần hiếu kính;
Hưng long Tam Bảo, ý niệm tu trì”*

Mùa An Cư và Ngày Tự Tứ: Tăng đoàn của Phật thường đi du hóa bốn phương, lúc bấy giờ sự giao thông liên lạc rất khó khăn và mùa hè ở Ấn Độ mưa gió triền miên, côn trùng sinh nở, đi lại dầm dấp làm thương tổn sinh mạng của chúng, nên Phật chế ra lễ “An Cư Kiết Hạ” để các tăng đoàn tu học tại chỗ, thực hiện nếp sống lục hòa, thanh tịnh trang nghiêm, trau dồi giới đức, ôn cố tri tân hay sáng tác văn phẩm ghi lại trên lá bối, sau này được chép thành sách lưu di hậu thế (bối điệp kinh văn). Sau 3 tháng An Cư thì làm lễ Tự Tứ để Chư Vị tự kiểm điểm công hạnh của mình, cầu Phật chứng minh, cầu thầy bạn góp ý xây dựng để thăng hoa trên đường tu tiến. Phật Giáo Bắc Tông thường làm lễ nhập hạ sau ngày Phật Đản và Tự Tứ xuất hạ vào mùa Vu Lan Giở ở nước ngoài tăng ni ít, phải cùng ứng nhiều Phật sự địa phương, chu toàn nhiều nhu cầu cần thiết, lo hướng dẫn tu học của thập phương tứ chúng, tạo tự độ tăng (b), nặng về tử thiện xã hội, làm đẹp nhân sinh... Do đó Chư Vị trong Hội Đồng Giáo Phẩm cần thay đổi thời gian An Cư, hợp với hoàn cảnh hiện tại, nhưng nội dung vẫn là mùa Tu Học tinh chuyên, trang nghiêm phẩm hạnh của hàng Tăng Sĩ là “tùy duyên bất biến”. Mỗi kỳ hạ như thế được tính một tuổi đạo. Chư Tôn Giáo Phẩm thường tính thâm niên tu trì và hành đạo bằng ha lạp, đương nhiên sau mỗi khóa tu, uy đức Chư Vị càng tăng, tinh thần vững tiến, lo thượng hoằng hạ hóa (c) thì chư Phật chứng minh, nên giai tiết Vu Lan còn gọi là ngày Phật hoan hỷ, ngày Tăng tự tứ, ngày siêu độ hương linh, ngày hiếu của thế nhân...

Ngày Bông Hồng cài áo: Theo lời Phật dạy và truyền thừa hiếu hạnh của Tôn Giả Mục Kiền Liên cùng các Thầy Tổ, gần đây rút mỹ tục tặng hoa của các quốc gia trên thế giới, người ta tổ chức cài hoa hồng cho nhau trong tháng hội Vu Lan nói lên sự cung kính tứ thân người đối diện với mình. Những ai còn mẹ sẽ được cài hoa hồng thắm, ngụ ý chúc thọ bậc cao niên trưởng thượng và mừng người trực diện vui vẻ với từ thân. Những ai mất mẹ sẽ cài hoa hồng trắng với thành ý nguyện cầu người quá vãng được thanh thoát tiêu diêu nơi Lạc Quốc và nhắc nhở nhau tác tạo phước duyên, hồi hướng công đức cho kẻ mất người còn được quân triêm thẳng phước.

Mùa Vu Lan luận về tình đời lễ đạo:

Kinh điển Phật giáo thường đề cao hiếu đạo: “Tâm hiếu là tâm Phật; hạnh hiếu là hạnh Phật, hay lời Phật dạy: “Người quên ơn dù đứng bên cạnh ta vẫn xem như cách ta nghìn dặm”. Phải chăng Phật Giáo thường đặt nặng “bốn trọng ân” mà ân cha mẹ là hàng chính yếu, luôn canh cánh bên lòng mới hợp tình đời, dễ cảm thông với Đạo Pháp.

Các bậc tiên nho đã đề cao ân đức Tổ Tông, ý chí Cha Mẹ qua thành ngữ “mộc bốn thủy nguyên”



đại ý là cây có gốc, nước có nguồn thì con người phải nhớ đến Tổ Tông, Ông Bà, Cha Mẹ. Do đó, chúng ta phải cẩn trọng nếp sống, trong mỗi việc làm để bảo tồn gia phong, làm gương tốt cho anh em, con cháu:

*“Tổ đức Tông công nghìn đời rức rở;
Con hiền cháu thảo muôn thuở đẹp xinh.”*

hay:

*“Rể thảo dâu lành, thể tình hoan hỷ;
Mẹ hiền con hiếu, gia đạo hưng long.”*

Các nhà văn Âu Mỹ đã đề cao ân đức sinh thành.

“Trong vũ trụ có lắm kỳ quan, nhưng kỳ quan tuyệt hảo là quả tim của người mẹ” (Bersot)

“Nơi ẩn náu vững chắc nhất là cung lòng người mẹ” (Floriand)

“Trong đời con có những ngày buồn thảm, nhưng buồn thảm nhất là ngày con mất mẹ!” (Amicis)

Cha tôi luôn khích lệ việc làm của tôi. Người khuyến khích tôi cẩn trọng về lời nói: *“Mỗi khi con vô tình nói điều gì xấu xa về người khác, điều xấu xa ấy nó phản ánh con người của con”* (Richard Branson)

Lễ Mother's Day: Mục sư Anna Jarvis là một nữ giáo viên vận dụng khả năng hiện hữu để tổ chức đại lễ truy niệm ngày mẹ qua đời. Khởi đầu chỉ thu gọn ở Philadelphia, nơi Bà coi việc quản lý văn phòng cho một hãng bảo hiểm. Mãi đến năm 1914 được Tổng Thống Woodrow Wilson chấp nhận thành lễ Mother's Day của Hoa Kỳ vào Chủ Nhật thứ nhì tháng May.

Lễ Father's Day: Do đề xuất của bà John B. Dodd ở Spokane, Washington từ năm 1910. Sau đó ngày lễ các bậc thân sinh đã được vị Thị Trưởng Spokane chấp nhận. Năm 1924 được Tổng Thống Calvin Coolidge đồng ý hỗ trợ. Mãi đến năm 1966, lễ Father's Day được tổ chức hàng năm vào Chủ Nhật thứ ba tháng June trên lãnh thổ Hoa Kỳ, do đạo luật số 92-278 ngày 24 tháng 4 năm 1972.

Qua cặp đối thờ Cha Mẹ:

**“PHỤ ĐỨC SANH THÀNH, SAN NHẠC TRỌNG;
MẪU ÂN CỤC DỤC, HẢI HÀ THÂM.”**

Chúng tôi phỏng dịch:

**“CÔNG CHA GÂY DỰNG, TỌA NON CAO;
ÂN MẸ DAY NUÔI, NHƯ BIỂN CÀ.”**

Người Á Đông có câu: “Củ lao chín chữ vàng son ghi lòng” hay trong bài thơ “Dâng Mẹ” vào mùa Vu Lan 1963, Hòa Thượng Thích Quảng Độ ngâm ngùi tưởng nhớ Mẹ hiền sống đôn bạc xa xăm:

*“Vu Lan đến, cõi lòng con quạnh quẽ,
Bóng người xưa, như phảng phất đâu đây.”*

*Phương trời này, con ngâm ngùi rơi lệ,
Đức củ lao, muốn một trả chưa xong!”*

Đức củ lao hay chín chữ củ lao là nói chung về công lao khó nhọc mà hai đấng sinh thành phải chăm lo cho con trẻ như bà mẹ cứu mang cần gìn giữ thai nhi cẩn thận, khi sinh nở phải chu toàn, rồi



cho con bú mớm, lo sửa nước cháo cơm, giữ gìn đùm bọc, che gió chắn mưa, nhường khô nằm ướt. Cha mẹ thường quên mình chống đỡ những bạo lực bất cứ từ đâu đến để bảo vệ cho con. Con trẻ lớn dần, cha mẹ phải làm lưng vất vả để có tiền mua áo xống, mua học cụ, sắm đồ chơi, chuẩn bị thuốc men bảo toàn sức khỏe ... Dành thì giờ dạy dỗ con thơ từng cử chỉ, hành động, tập tánh vui vẻ hồn nhiên, nói năng lịch thiệp lễ độ. Nói chung cha mẹ phải yêu thương, đoái hoài, truyền cảm giúp con trẻ vui vẻ đến trường, biết gần gũi bạn tốt, gắng học để tiến lên. Khi trẻ lớn khôn, cha mẹ cần phải dạy dỗ, uốn nắn, tìm phương pháp hướng dẫn con vươn lên hợp tình đời lễ đạo, tránh cho con bị lôi cuốn bởi tiền tài ảo vọng, ham chuộng vật chất và thị hiếu bên ngoài.

Khi con khá trưởng thành, cha mẹ còn phải lo lắng tận tình, đầu tư hợp lý. Khuyến con chăm học để chuẩn bị dẫn thân với đời; cố vấn cho con nên vợ thành chồng xứng hợp với gia phong thể đạo:

"Chín chữ củ lao, thâm ân cha mẹ"

Kể làm con đương nhiên phải đền đáp chu toàn:

"Một lòng hiếu kính, bốn phận gái trai"

Cha mẹ là ân nhân bậc nhất, đương nhiên chúng ta phải cung phụng để đền đáp phần nào ân sâu nghĩa nặng. Cung phụng cũng như hiếu kính phải bao hàm ý nghĩa kính quý yêu thương, làm vui lòng đẹp ý song thân, hay tử thân phụ mẫu cho cả đôi vợ chồng mới trọn nghĩa trọn tình; đắm say hay đam mê những gì không chính đáng như tửu, sắc, yê, bác ... nói rõ ra là rượu với các loại men say, sắc đẹp quyến rũ, giọng điệu lả lơ của người khác phái, khói thuốc hút và các chất ma túy, bài bạc ăn thua... dễ lôi cuốn người thiếu tự chủ đến chỗ mê ly sa ngã, dễ thất tín với đời, làm buồn lòng những người thân thuộc. Hạnh hiếu vừa nói lên lòng kính nhớ Tổ Tông, Ông Bà, Cha Mẹ, đồng thời "khắc kỷ phục lễ" để người đời mến thương vị nể như thi hào Nguyễn Công Trứ đã đề cao ý niệm tu thân xử thế:

"Thân phi ngô sở độc hữu,

Vậy ta dùng mẹ tâu mẹ hoa.

Tâm thận ta quan hệ trẻ đến già,

Phụ mẫu đó mà quốc gia cũng đó."

Chúng ta đã sống đúng tư cách người con thảo trong gia đình, người dân lương thiện ngoài xã hội là điều đáng quý. Chúng ta lại có duyên may sống nơi đất lành, được gần gũi thầy hiền bạn tốt, nên quyết tâm tu tiến, mong đem Chánh Pháp phổ biến cho cha mẹ và chư thân hữu đồng tu, biến gia đình thánh thiện rồi xóm làng thuần lương, làm đẹp đạo tốt đời như cổ nhân hằng ước muốn:

"Nhất nhân tác phước, thiên nhân hưởng;

Độc thụ khai hoa, vạn thụ hương."

với đại ý: "Một người gieo phước, nghìn người chung hưởng; một cây nở hoa, rừng cây cùng thơm" vậy.

Trân trọng,

Trần Trọng Khoái

Chú thích:

- Đức Mục Kiền Liên là một trong 10 vị đại đệ tử của Như Lai đã tu chứng được phép Lục Thông, thấu triệt nhân sinh và thiên nhiên vạn loại; không cố chấp về nhân ngã, bỉ thử: Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Thần túc thông và Lậu tận thông.
- Tạo tự độ tăng: đại ý là xây dựng chùa tháp và giảng đường để trang nghiêm Phật cảnh và nuôi dạy, phát triển việc học đạo, hành đạo của tăng ni trẻ và tín chúng khắp nơi muốn tu học.
- Thượng hoàng hạ hóa: Trên xiển dương Chánh Pháp, dưới hóa độ sinh linh.

TRÁI TIM THƯƠNG

(Yêu thương gửi về Tâm Đại Bảo)

*Tâm thương yêu! Em là trái tim ngọt ngào!
Từ muôn ngàn kiếp trước,
Ta cùng nhau hẹn ước
Sinh diệt cùng bên nhau.*

*Bao tháng năm dài, sống trong quên lãng,
Ta vô minh không chăm sóc tim thương!
Em nhọc nhằn không phút giây thanh thản.
Loạn nhịp tràn lên, chợt hiện Vô Thường! (*)*

*Em thỏn thức liên hồi,
Ta đau đớn nhìn em thương quần quai!
Bốn ngày đêm, nằm nghe tim khắc khoải,
Bệnh viện buồn xao xuyến cuốn chơi vơi.
Ngực đè nặng trĩu,
Tâm loạn toi bời...*

*Tim thương ôi! ta xin nguyện sám hối
Lỗi lầm mình hờ hững nghĩa tình dày!
Tự thuở nào, ta với em là một,
Em có bề gì, ta sống với ai đây?
Hẹn với lòng: học Thương học Hiếu,
Lắng nghe tim yêu dấu từ nay.
Nguyên thương em thấm thiết kiếp này,
Tròn ân nghĩa nghiệp duyên quả phước.*

*Ta bên nhau đường trần chung nhịp bước,
Giữ gìn nhau, cùng gần bó tựa nương.
Sống đẹp hài hoà thân tâm thanh tịnh,
Buông thả sạch trơn phiền lụy vẩn vương.
Con đường dẫn thân, nguyện đi trọn vẹn,
Vun bồi đất tâm nở thắm hoa thương.
Cho ta cho người an bình hạnh phúc,
Nguồn tin yêu luân chảy ấm tim thương.*

CHÂN MINH TRÍ H.V.Q.

Phòng Tim Mạch, Bệnh viện Fountain Valley

* Chứng bệnh Paroxysmal Supraventricular Tachycardia

PHÁP SƯ HUI SHEN VÀ PHÁI ĐOÀN TRUYỀN BÁ PHẬT GIÁO ĐẾN CHÂU MỸ TRƯỚC ÔNG COLUMBUS

Thích Nguyên Tạng dịch

(theo tài liệu: *V. G. NAIR, Realist Buddhist, Malaysia, 1992*)

Những thế kỷ đầu của Tây lịch đã được đánh dấu bằng hoạt động truyền bá Phật Giáo mạnh mẽ vượt qua biển giới Ấn Độ. Tiếp tục truyền thống hoằng pháp của thời vua A-Dục, các nhà sư Phật Giáo từ Tích Lan, Nam Ấn, đặc biệt là Kanchipuram, miền Trung và Bắc Ấn đã tham gia từ thiên niên kỷ đầu Tây lịch vào việc truyền bá lời Phật dạy đến những miền đất xa xôi như Trung Quốc, Nhật Bản, Tây Tạng, Mông Cổ, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, Việt nam và một số quốc gia khác. Những vị sư này mang theo họ những hình tượng, ngọc xá lợi và một vài bản kinh chép tay.

Trong nhiều trường hợp, các vị này thông thạo những ngôn ngữ của những quốc gia họ đến lưu trú và chuyển dịch nhiều kinh Phật từ tiếng Pali và Sanskrit ra những tiếng ấy. Những kỳ tích, những thử thách và gian truân của các nhà truyền giáo tiên phong này đã được ghi nhận trong những bia ký và văn học của các quốc gia mà họ truyền bá. Sứ mệnh của họ ở nước ngoài đã để lại dấu ấn trên nền văn hóa của những nước họ đã từng sống.

Dù Ấn Độ là nơi phát sinh ra Phật Giáo và chúng ta đã có một nền văn học Phật Giáo vĩ đại được tích lũy qua nhiều thế kỷ và đã lưu truyền đến ngày nay, chúng ta vẫn không tìm thấy trong đó bất cứ lời ám chỉ nào về những hoạt động truyền bá Phật Giáo ở ngoài vùng Đại Tây Dương và Thái Bình Dương. Nhưng kỳ thực, dường như những nhà sư Phật Giáo đã đến những hòn đảo Thái Bình Dương và Châu Mỹ.

Chaman Lan và một số học giả Hoa Kỳ cho rằng không phải ông Columbus đầu tiên tìm ra Châu Mỹ mà chính những người di dân Hindu từ Ấn Độ. Lý luận mới lạ này được dựa vào một số truyền thống thịnh hành ở Trung Mỹ và Mexico. Nhưng giả thiết này thiếu sự ủng hộ của bằng chứng văn học. Tuy nhiên chúng ta cũng có ít nhất là một điểm được ghi lại trong lịch sử Trung Hoa nói đến một đoàn tu sĩ Phật Giáo đến Châu Mỹ vào thế kỷ thứ 5 sau Tây lịch và đã đưa Phật Giáo vào dạy cho những người dân ở đó.

PHÁI ĐOÀN CỦA PHÁP SƯ HUI SHEN (Huệ Thần, Hội Thần?):

Mặt khác, hai học giả Mỹ và học giả người Canada đưa ra ánh sáng những hoạt động của phái đoàn Phật Giáo đến Trung Mỹ và Mexico khoảng thế kỷ thứ 5 sau Tây lịch. Những khám phá của các học giả này không chỉ được dựa vào biên niên sử của Trung Hoa mà còn căn cứ theo những truyền thống và tập quán tôn giáo đang hiện hữu ở Trung Mỹ và

Mexico. Đó là một câu chuyện gây chấn động: nó thêm một chương mới vào lịch sử Phật Giáo và những mối quan hệ văn hoá Ấn-Mỹ cổ đại.

Theo giáo sư John Fryer thuộc Đại Học đường California, một nhà sư Phật Giáo tên là Hui Shen trong tiếng Trung Hoa và bốn vị khác người gốc Kabul ở Afganistan đã viếng thăm Trung Mỹ và Mexico vào năm 458 sau Tây lịch với mục đích truyền dạy giáo lý của Đức Phật. Phái đoàn tách ra làm hai chi bộ riêng biệt đến Trung Mỹ tiến hành công việc hoằng pháp trên 40 năm. Sau khoảng thời gian 40 năm, Pháp sư Hui Shen, vị trưởng đoàn và cũng là một thành viên của giáo đoàn ấy, đã đơn độc trở về Trung Quốc năm 499 (sau Tây lịch).

Người ta không biết phái đoàn khởi hành từ Kabul vượt đất liền đến Trung Hoa và từ đó đến Trung Mỹ bằng đường biển hay là đến một trong những hải cảng Ấn độ từ Kabul và rồi sau đó giông buồm đi đến bờ biển Thái Bình Dương. Người ta đặt giả thuyết rằng đoàn trước tiên đến Trung Quốc, từ đó họ giông buồm để tới Trung Mỹ. Vào thời điểm đó Trung Hoa là trung tâm nổi tiếng về những hoạt động truyền bá Phật giáo ở châu Á. Cho dù thời ấy phái đoàn đã theo lộ trình nào đi nữa, thì Pháp sư Hui Shen trong chuyến trở về cũng đã đến Kinh Châu, thủ đô nhà Tề nằm trên bờ sông Dương Tử. Ngài phải chờ đến ba năm để xin yết kiến vị Hoàng Đế và tâu trình về những hoạt động của mình ở Trung Mỹ, nhưng Ngài không thể nào diện kiến với vua được, vì nội chiến đang lan tràn ở đất nước này. Mãi đến năm 502 sau Tây lịch, Pháp sư Hui Shen mới được yết kiến vua Võ Đế của tân triều đại nhà Lương và trình lên nhà vua tất cả những Phật sự của giáo đoàn đã thực hiện ở Trung Mỹ.

CÁC CÂU CHUYỆN ĐƯỢC GHI LẠI TRONG LỊCH SỬ:

Theo sử ký Trung Quốc, hình như Pháp sư Hui Shen không phải người Trung Hoa nên không nói được tiếng Hoa thông thạo, và vua Võ Đế đã tiếp ngài như một vị sứ thần từ Trung Mỹ đến, vì rõ ràng quốc tịch của ngài là ở nước ngoài. Pháp sư Hui Shen đã dâng lên Hoàng Đế những món hàng lạ kỳ, những thứ ngài đã mang về từ Trung Mỹ và xứ Mexico. Vua Võ Đế là một người mộ đạo Phật, lại là một thí chủ hộ pháp, đã quan tâm đặc biệt đến chuyến hành trình của Pháp sư Hui Shen và đề cử vị thân vương Du Kỳ thăm vấn Pháp sư Hui Shen chỉ tiết về phái đoàn của ngài đến châu Mỹ, rồi sau đó tường trình đầy đủ về những hoạt động của ngài ở xứ lạ kia. Vì thế bản tường trình của Pháp sư Hui Shen đã được

thực hiện và đưa vào văn khố của nhà Lương rồi lưu truyền đến ngày nay, được sự xác nhận đầy đủ của sử gia Trung Hoa lừng danh là Mã Đoan Lâm (sử gia đời Tống, viết "Văn Hiến Thông Khảo," ghi chú của dịch giả).

Trong khi tiếp chuyện với vị thân vương Du Kỳ. Pháp sư Hui Shen trình rằng giáo đoàn gồm năm tăng sĩ Phật giáo trong đó có ngài, đã đến châu Mỹ dưới thời vua Minh Đế của triều đại nhà Tống (420 - 589) trong khoảng 458 sau TL. Các nhà sư mang theo hình tượng, ngọc xá-lợi và kinh sách. Thời ấy đất Mỹ chưa biết đến đạo Phật, phái đoàn đã thành công và họ đã có thể truyền cụ túc giới cho các Tăng sĩ trong số người dân ở đó. Phái đoàn đi dọc theo quần đảo Kurile và đảo Aleutian đến Alaska. Họ khởi hành từ vùng Kamchatka, vùng này đã được người Trung Hoa thời ấy biết đến. Pháp sư Hui Shen miêu tả rất sinh động cái xứ sở đã được vùng Viễn Đông biết đến với tên Fusan ấy, những tập quán và phong cách của người bản xứ và nói rằng xứ ấy cách khoảng 2000 dặm đến 6500 dặm về miền đông Kamchatka và cũng là phía đông của Trung Hoa, rõ ràng nhóm người ấy đã thực hiện một chuyến hải trình trên một chiếc thuyền không mũi hoặc một chiếc xuồng nhỏ.

Sau khoảng 40 năm, không biết vì lý do nào đó, Pháp sư Hui Shen đã bị người thổ dân ngược đãi và khi cuộc sống của ngài bị đe dọa, ngài biến mất khỏi đất nước này. Nhưng ngài đã để lại vài dòng chữ khắc trên vách đá. Ở Magdalana thuộc Mexico, có một pho tượng được dựng lên để tưởng nhớ ngài với tên tuổi được khắc vào đó. Ở Trung Mỹ có bằng chứng về truyền thống lẫn khảo cổ chứng tỏ rằng những thành viên kia của phái đoàn đã đi theo một tuyến đường khác đến Trung Mỹ và tiến hành việc hoằng pháp ở đó. Pháp sư Hui Shen quay lại Trung Hoa một mình và không ai biết gì về những thành viên còn lại của phái đoàn ấy nữa.

Bằng chứng này từ văn học Phật Giáo Trung Hoa được hỗ trợ với những phong tục tập quán, những nghi lễ, những cổ vật được tìm thấy ở Trung Mỹ mở rộng suốt hướng đi xuống tận những bờ biển Thái Bình Dương từ Alaska đến Mexico và cả những địa phương khác nằm trên đất liền, để lộ những ảnh hưởng của Phật Giáo tại đó.

NHỮNG TẬP QUÁN TÔN GIÁO

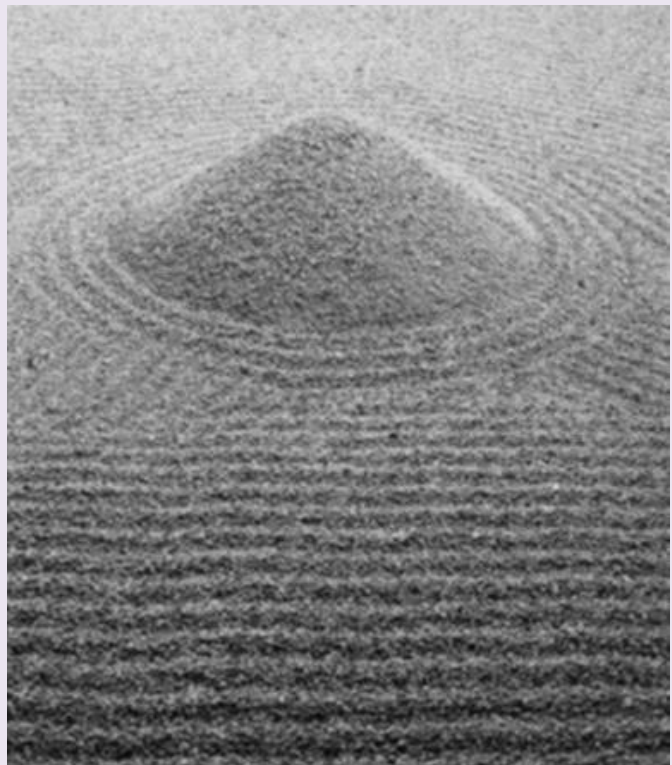
Khi nói về tầm ảnh hưởng lan rộng của văn hóa Ấn Độ đến tận Trung Mỹ và Mexico, giáo sư John Fryer nói: "Những tập quán tôn giáo và tín ngưỡng của xứ Mexico, Yucatan và Trung Mỹ, cùng với lối kiến trúc niên lịch, nghệ thuật và nhiều thứ khác được người Tây Ban Nha khám phá khi họ chinh phục Châu Mỹ, chứng tỏ cho thấy có sự trùng hợp hết sức kỳ lạ về những nét đặc biệt giữa phong tục tín ngưỡng Châu Mỹ với phong tục tín ngưỡng Châu Á, khiến người ta ngạc nhiên và nghĩ rằng ảnh hưởng Đạo Phật đã lan đến Châu Mỹ thời ấy. Những sự trùng hợp như vậy nhiều đến nỗi những nhà nghiên cứu độc lập chưa từng biết gì đến câu chuyện Pháp sư Hui Shen cũng tin rằng ắt hẳn đã có mối liên hệ nào đó giữa Mỹ và Châu Á từ đầu kỷ nguyên Tây lịch."

Giáo sư Edward P. Vining ở San Francisco, người nghiên cứu về vấn đề này đã nêu ra ba mươi lần sự trùng hợp nổi bật để chứng tỏ sự hiện diện của Phật Giáo và văn hoá Ấn ở Trung Mỹ và Mexico trong những thế kỷ đầu của Tây lịch. Theo ông những sự trùng hợp rõ ràng như vậy cho thấy cả Phật Giáo và Ấn Độ giáo đã được truyền vào Trung

Mỹ trong một thời gian dài trước khi người Tây Ban Nha đến đó. (Do nhà hàng hải Columbus dẫn đầu chuyến công du cho triều đình Tây Ban Nha đã khám phá ra Châu Mỹ vào tháng 10 năm 1492.)

Một nguồn thông tin giá trị nữa liên quan đến việc Pháp sư Hui Shen và đoàn truyền giáo của ngài đến châu Mỹ, đó là hai học giả Canada, giáo sư John Murray Gibbon và Tom Mac Innes đã công nhận việc khám phá Châu Mỹ của Pháp sư Hui Shen. Theo họ thì pháp sư Hui Shen đã băng qua Thái Bình Dương trong một chiếc thuyền Trung Hoa. Ngài đến Vancouver (Canada) khoảng năm 499 sau Tây lịch. Giáo sư Gibbon trích lời của một nhà Địa Lý thời đại Geogre III, người nghiên cứu vấn đề đóng góp của Trung Hoa đối với hải trình xuyên Thái Bình Dương. Giáo sư Mac Innes nói rằng pháp sư Hui Shen đã trải qua mùa đông ở đảo Nootka, Canada, nơi ngài để lại ba tăng sĩ truyền giáo. Những đồng tiền Trung Hoa thuộc triều đại nhà Tấn được tìm thấy ở đó vào năm 1876. Tàn tích những ngôi chùa Phật Giáo được khám phá ở Mexico, trong tiểu bang Somara nằm trên bờ biển Thái Bình Dương và gần thành phố Ures, cũng trong tiểu bang ấy, cùng với một pho tượng Phật có khắc những hàng chữ Trung Hoa.

Sự kiện Pháp sư Hui Shen và đoàn truyền giáo của ngài đến từ Kabul và việc ngài không thông thạo tiếng Trung Hoa, cho ta giả thuyết rằng ngài có thể là tu sĩ người Ấn Độ hoặc người gốc Kabul, vốn là một phần của Ấn Độ vào thời đó. Kabul cũng được gọi là Cophen Kiplin, Kandahar hay Balk trong vùng Gandhara bây giờ được sát nhập với Afghanistan và thời ấy đã là một trung tâm truyền bá Phật giáo. Một tăng sĩ nổi tiếng của Kabul, người đến Trung Hoa trong khoảng thế kỷ thứ tư sau Tây lịch và phiên dịch nhiều kinh Phật ra tiếng Trung Hoa là ngài Chúng Thiên (Sanghadeva, Tăng-già-đê-bà). Mặc dù ngày nay Pháp sư Hui-Shen được biết với cái tên Trung Hoa, rất có thể ngài đã là người Ấn gốc Ấn Độ hay Kabul đến vậy.



Những giọt lệ hồng

DIỆU NGÀ



Mẹ tôi không muốn di cư sang Mỹ ở tuổi sáu mươi. “Già rồi, sang bên ấy chỉ ăn bám vợ chồng chúng mày!” Bà nói khẳng khái như thế nhưng con gái xuống nước năn nỉ ôi, bà lại xiêu lòng.

Ờ, nó nói cũng phải, mình qua bên ấy giữ cháu ngoại cũng vui, lại đỡ nhờ, khỏi phải chờ mong. Mình ở đây nó phải gửi tiền về cấp dưỡng, tốn kém lắm chứ chẳng không!”

Dì tôi cười, nói như lầy: “Nợ đời rồi đấy, cứ sang mà trả cho xong!” Nghe mẹ kể lại lời dì, tôi cảm thấy hơi áy náy. Quả thật tôi cần mẹ không chỉ thuần túy vì tình cảm. Tôi cầu cứu bà sang để chặn bầy cháu bốn đứa. Đạo này buôn bán ế ẩm, tôi không kham nổi tiền giữ trẻ, cũng không thể tiếp tế đều đặn cho mẹ nên rước bà qua là nhút cừ lưỡng tiện...

Căn nhà ba phòng của vợ chồng tôi, bề ngoài trông cũng khang trang với cây cảnh chung quanh và cửa garage tự động nhưng thật ra chỉ rộng 1100 sf. Trừ phòng ngủ chánh tương đối rộng rãi, hai phòng còn lại vuông vức, nhỏ xíu xiu. Đất ở San Francisco là đắt vàng. Căn nhà cũ kỹ năm mươi tuổi này trị giá chừng sáu chục ngàn nhưng lô đất 4000 sf của nó giá hơn bốn trăm, dù là nằm ở vùng ngoại ô xa tít. Thành ra cứ rán giữ, rán nằm dù mệt mỏi huyệt.

Cửa tiệm fast food bán cho nhân viên các hãng xương gần đây cũng theo đà lay-off mà đi xuống. Đến đầu tháng là chúng tôi điên đầu với đủ thứ tiền phải thanh toán. Tư trang sầm từ những năm phồn thịnh buôn may bán đắt lừng lể nuôi nuôi nhau đi hết, vào nằm im nơi các tiệm cầm đồ.

Chúng tôi không hề nghĩ đến giải pháp bán nhà vì đó là gia tài duy nhất, cũng là mối kinh doanh không sợ lỗ vốn; và lại bây giờ đi mượn một apartment tồi tàn đủ chỗ chứa sáu người, giá thuê hàng tháng còn mắc hơn số tiền trả góp nhà.

Trong tình thế kiệt quệ này, nếu có mẹ tôi lo cho tụi nhỏ, đưa đón đi học, quán xuyến việc nhà, tôi sẽ rảnh rang hơn để đi làm thêm lát vặt buổi sáng, trưa về phụ tiệm ăn với chồng tôi. Buổi tối chúng tôi sẽ đi clean các tiệm ăn, chợ búa. Chịu khó một thời gian hi vọng kinh tế sẽ phục hồi trở lại. Mọi người đã hăm hở đón chào thiên niên kỷ mới, ai ngờ nó bắt đầu bằng sự xuống dốc!

Mẹ sang Mỹ vào mùa Thu. Trời khá lạnh đối với mẹ vì chưa quen nhưng màu xanh của biển trời đã thu hút mẹ. Lũ cháu xúm xít lấy bà vì ngày thường không ai gần gũi chúng cả. Chúng xỏ tiếng Anh lú lọ, thậm chí cô bé út mới bốn tuổi cũng không rành tiếng Việt.

Bà cười dễ dãi: “Sẽ có cuộc trao đổi nhé! Bà dạy các cháu nói tiếng Việt, các cháu dạy cho bà nói tiếng Anh.”

Thấy mẹ vui, tôi an lòng. Thế là bên cạnh cái giường hai tầng của hai cô bé gái là tấm nệm của bà ngoại. Ban đêm, ba bà cháu nói chuyện rì rầm; có khi hai cậu trai cũng gõ cửa xin vào để được hưởng không khí đầm ấm bên bà ngoại rất hiền và rất vui.

Mẹ như bà tiên có chiếc đũa thần đã biến căn nhà bừa bãi đầy phiền muộn của chúng tôi thành một tổ ấm ngăn nắp, sạch sẽ và đầy tiếng cười.

Trước kia, chúng tôi chỉ dùng những thức ăn ế ẩm từ cửa hàng, lắm khi nuốt chẳng trôi. Mẹ bảo cứ bỏ thịt bỏ rau và tủ lạnh cho bà. Thế là mỗi chiều về gia đình tôi được quây quần chung quanh bàn ăn có cơm canh nóng hổi, hương vị ngọt ngào.

Chỉ sau vài tháng, các con tôi khỏe mạnh ra, lễ phép ra và biết phụ giúp công việc lát vặt trong nhà. Hai cậu con trai lớn, bà phân công lo vườn tược cây kiểng: “Thằng Hùng mười hai tuổi, lớn rồi, lo chăm sóc các cây lớn, tia lá, bón phân, Hậu cũng

mười tuổi rồi, thay vì ôm máy chơi game, có thể phụ anh quét sân, tưới nước.”

Bà hiền lành nhưng nói gì các cháu cũng nghe. Chúng không còn là những đứa bé “vô tích sự” như thuở trước. Thật ra chúng không đến nỗi tệ nhưng vợ chồng tôi quẩn quật với công ăn việc làm, không có thì giờ dạy dỗ, chỉ vẽ. Bảo làm chuyện gì, chúng thực hiện qua loa lấy cớ, rầy mãi phát mệt thành ra không thêm sai biểu nữa, tự mình làm chóng xong mà vừa ý hơn.

Con Hoa hãnh diện khoe với mẹ: “Bà dạy con nấu cơm. Con biết lật rau, rửa chén, lại biết tráng trứng nữa cơ!” Tôi hôn con, thầm cảm ơn mẹ đã cho gia đình tôi cơ hội để sống có hạnh phúc thay vì cứ mãi rầy rà, cãi vã, gây ó nhau trong một căn nhà bề bộn, dơ bẩn.

Mẹ vốn là một Phật tử thuần thành. Thỉnh thoảng bà giảng dạy cho tôi về đạo lý: “Hạnh phúc không phải là món quà từ đâu đến, không phải tự nhiên mà có, cũng chẳng thể do phúc đức mà được. Mình phải biết cách sống, biết cách hợp tác xây dựng thì mới có hạnh phúc.”

Thuở ấy, đầu óc tôi quá đầy đặc với những con số để có thể hiểu lời mẹ khuyên, và lại cũng không có thì giờ... Thôi thì để mẹ lo giùm. Mỗi chiều về nhìn các con ngoan, được ăn bữa cơm tối ngon, đối với tôi đã là đủ rồi.

Tôi bận rộn với nợ nần đến nỗi không mấy khi chú ý đến tâm tình của mẹ. Bây giờ kiểm điểm lại mới nhớ rằng tôi ít hỏi thăm về sự buồn vui của bà. Thay đổi môi trường sống, bà bỏ lại sau lưng biết bao nhiêu thứ: chị em, họ hàng, lối xóm, sư ông, bằng hữu...

Đôi khi, mắt mẹ thoáng buồn. Tôi chỉ hỏi qua loa: “Mẹ có mệt không?” Chao ôi, rõ tệ, miệng hỏi mà lòng vái thăm: “Mẹ đừng ngã bệnh, khổ con!” Là con một nên cách suy nghĩ của tôi thường ích kỷ như thế. Cái gì cũng qui về mình, cho mình thôi!

Thấm thoát, mẹ ở với chúng

tôi đã được một năm rồi. Gia đình thì ổn thỏa nhưng tình trạng tài chánh càng ngày càng bất bấp mặc dù vợ chồng tôi bỏ sức lao động gấp đôi.

Giao kèo mượn cửa tiệm sắp hết hạn mà chẳng tìm được người sang lại. Không ký thêm thì mất tiệm, mất luôn năm mươi ngàn bỏ ra sang tiệm trước kia, nhưng tiếp tục thì ngày càng thua lỗ, chẳng kham được nữa. Chuyện gì đến, phải đến. Tháng sau đó, vợ chồng tôi lui thủ dọn đồ về trả lại cửa hàng cho người ta sau mười năm làm chủ. Bây giờ hóa ra là kẻ làm công, lại làm những nghề linh tinh quét dọn. Tui thần mà tức số phận mình.

Mẹ an ủi: "Thôi, như thế đỡ lo con ạ. Tinh thần căng thẳng quá có khi phát đại, hóa cuồng! Trong cái dở có cái hay là thế!"

Chúng tôi lợi dụng thời gian tương đối rảnh rang này để sửa chữa căn nhà hư nát. Anh Thắng chịu khó và khéo tay nên cái gì cũng tự làm được, đỡ tốn tiền mượn thợ.

Một hôm anh leo lên mái nhà để lợp lại mấy miếng ngói bể. Sơ ý thế nào chẳng rõ, anh trượt chân té xuống bất tỉnh. Chỉ có mình mẹ ở nhà! Bà bình tĩnh gọi 911, vẫn tắt vài câu tiếng Anh: "He falls down from the roof. He stops breathing!" Và rành rọt đọc địa chỉ, số phone nhà cho họ. Ai ngờ bà âm thầm học chữ Anh mau đến thế! Bà đã cứu mạng chồng tôi!

Thắng bị gãy chân và dập ống quyển. Phải nằm tại chỗ từ năm đến sáu tháng. Tình cảnh này đưa mẹ tôi vào môi trường mới. Bà tự nguyện thế chỗ cho chồng tôi để quét dọn, lau chùi các cửa tiệm hầu phụ giúp tôi về tài chánh.

Mẹ hăng hái trong công việc. Tôi đoán rằng ở nhà mãi mẹ cũng buồn, nay được ra ngoài bà cảm thấy vui hơn. Bà có những người

bạn mới: cô thân ngân vui tính, bà lão phụ trách hàng rau cải, chú "Thoòng" chuyên khuôn vác. Mẹ hòa mình với họ, với cuộc sống của những người lao động tay chân. Đâu ai biết rằng trước 1975, mẹ là giáo sư dạy Pháp văn tại một trường công lập lớn ở Sài Gòn.

Các con tôi biết hoàn cảnh bi đát của gia đình nên mỗi đứa một tay, cùng nhau lo chuyện nhà. Mẹ tôi hài lòng thấy các cháu tự ý thức được trách nhiệm, biết thương mẹ thương cha.

Ngày anh Thắng trở lại công việc, tôi xin mẹ ở nhà nghỉ ngơi. Mẹ nói: "Con ơi, ra ngoài cũng vui, lại kiếm được đồng tiền. Từ ngày đi Mỹ đến nay đã gần hai năm, mẹ chưa gửi tiền về giúp các em, các cháu bên ấy. Tui nó nghèo lắm mà chẳng có cách kiếm ra tiền cho kịp trả leo thang của vật giá. Bên này kiếm tiền dễ hơn. Có tiền, mẹ lại có phương tiện cúng dường, bố thí..."

Tôi im lặng ghen ngào, chợt nhớ rằng mẹ chưa hề hỏi tôi một đồng xu nào và tôi quên bằng rằng mẹ cũng có nhu cầu tiêu xài. Trên thế gian này, không có nhân viên nào làm việc cật lực mà không đòi hỏi thù lao như thế! Vô tình, tôi đã "đòi nợ" mẹ tôi một cách tận tình. Dĩ tôi cũng có lý khi bà mĩa mai tôi.

Trong lúc tôi đắm chiêu, mẹ nhẹ nhàng tiếp: "Mẹ đã xin được chân rửa chén trong nhà hàng. Rửa bằng máy chà cực nhọc gì!"

"Trời đất ơi, rửa chén, cần sức lực của người đàn ông Mễ mới kham nổi. Nồi niêu son chảo to như cột đình, nặng như búa tạ, làm sao mẹ nhấc cho nổi!"

Tôi xuống giọng tiếp: "Mẹ nhìn lại mẹ xem. Tay mẹ gãy yếu, lưng mẹ đã cong, bước đi không còn nhanh nhẹn. Dù họ cần người, mượn tạm, vài hôm cũng cho nghỉ việc thôi!"

Bây giờ tôi mới có dịp nhìn kỹ mẹ. Bà già thật rồi, cái già đến nhanh quá. So với hồi mới qua, bà như tăng thêm năm, bảy tuổi.

Mẹ tôi cúi đầu xuống thấp. Hình như bà cố giấu giọt lệ vừa ứa ra. Tôi nhẹ nhàng cầm mẹ lên và nhìn sâu vào đôi cửa sổ tâm hồn ấy. Trời ơi, mắt mẹ đã kéo mây! Đôi mắt bồ câu đen láy ngày nào từng làm điên đảo các chàng trai cùng trang lứa, cột chân ba tôi vào tổ ấm gia đình, giờ đã một phần ngả màu đục lờ như nước gạo vo. Tóc mẹ trắng bơ phờ, đuôi mắt nhăn như rế

quạt, vầng trán sạm đen vết đồi mồi...

Tôi mũi lòng xót xa. Hai mẹ con ôm nhau, nước mắt người này thấm ướt vai áo người kia. Tôi nhỏ nhẹ: "Con không dám trái ý mẹ, nhưng mẹ ráng chờ. Con hứa sẽ tìm công việc nhẹ nhàng hợp với mẹ hơn, mẹ nhé! Vong hồn ba mà biết mẹ cực khổ thế này chắc khó siêu..."

Trời cũng thương tình. Đầu chừng một tháng sau thì bà lão làm rau cải xin nghỉ việc về hưu. Mẹ tôi trở thành "bà cụ hàng rau".

Danh xưng và chức vụ gắn liền với mẹ tôi từ đấy. Vậy mà bà vui.

Mỗi tháng bà lãnh được hơn ngàn bạc. Phần nửa số tiền, bà gửi về Việt Nam: phần cúng dường, phần bố thí, phần giúp đỡ các em, các cháu. Số còn lại, bà dành dụm mấy kỳ lương, đưa tôi hơn ngàn bạc.

"Mẹ thấy người ta dựng phòng trong garage cũng tiện lắm. Nếu chồng con không phiền, con lấy tiền này nhờ nó mua vật liệu, che tạm cho mẹ một căn phòng nhỏ. Con Hoa, con út bắt đầu lớn, tui nó cần sự riêng tư. Mẹ cũng vậy, có phòng riêng mẹ sẽ dựng kệ thờ Phật, mỗi ngày mẹ có thể lễ bái, tụng kinh, niệm Phật..."

Chồng tôi nghe kể lại, vui vẻ đáp: "Chuyện nhỏ! Mẹ muốn gì anh cũng xin vâng, nói chi việc ấy!"

Từ đấy, mẹ lộ vẻ hoan hỉ lắm. Sáng tối hai thời, ít khi nào bà bỏ lỡ công phu. Bà như một người đạt được mục tiêu cho đời mình, không có gì để ưu tư, khắc khoải.

Mùa Đông năm ấy, thời tiết hơi khác thường. Ban ngày ấm áp xen kẽ với những đêm buốt giá mà nhiệt độ đôi khi hạ thấp đến không ngờ. Vợ chồng tôi mời mẹ tạm trở về phòng cũ vài ba tháng, ngoài garage lạnh quá dễ sinh bệnh.

Mẹ nói: "Ở chỗ này quen rồi, dời đi khó ngủ."

"Mẹ nhớ vận heat cho đủ ấm nhé!"

"Ờ, tao biết mà!"

Ngờ đâu mẹ đã không qua khỏi mùa Đông! Buổi sáng chẳng thấy mẹ dậy sửa soạn để đi làm, tôi bảo "đứa nào ra đánh thức bà dậy, nhanh lên kéo trễ!"

Con Hoa quần mền đẩy cửa bước ra garage miêng kêu léo nhéo. "Ngoại ơi, ngoại à..." Không có tiếng trả lời... Nọ bật đèn, tiến đến cạnh giường: ngoại quần hai cái mền kín mít, nằm im



im. Nó lắc chân ngoại, bà chẳng đáp. Nó lúi cái mền xuống: mặt bà xám xịt, lạnh ngắt, đôi mắt khép hờ...

"Mẹ ơi, mẹ! sao kỳ vậy nè!"
Cả nhà đổ xô ra. Chồng tôi đạo Chúa, vợ làm đầu thánh giá... Tôi xiu ngay tại chỗ khi loáng thoáng nghe thằng Hùng la lên: "Sao bà không mở heat?"

Cuộc điều tra của cảnh sát quấy rầy chúng tôi một thời gian, cuối cùng họ kết luận: "Bà cụ không thường mở heat; cái máy mua hai tháng về trước còn mới tinh chưa hề được sử dụng!"

Tôi như người mất hồn trong đám tang của mẹ. Sự hồi hận như lưỡi dao có răng, nó cứa xé lòng tôi. Trái tim tôi cơ hồ rõ máu thành những giọt lệ hồng.

Bạn bè khuyên tôi nên đến chùa xin cúng thất, thiết lễ cầu siêu cho bà. Tôi chẳng thể nói năng chi cùng vị sư ở chùa, chỉ biết dập đầu lạy cầu cứu với đôi mắt sưng húp. Chồng tôi bình tĩnh hơn, anh buồn bã kể đầu đuôi tự sự. Câu chuyện khiến thầy thương tâm, thầy thường an ủi, khuyên giải sau những thời lễ cúng.

Khi thấy tôi bắt đầu trở lại bình thường, thầy dành cho gia đình chúng tôi một thời pháp thoại. Thầy giảng về lý vô thường, khổ, không. Các con tôi tỏ ra thích thú với sự thật giản dị và sâu sắc này, chúng tôi được học giáo lý đạo Phật thay vì đi nhà thờ với ba.

Riêng tôi, tôi nhớ mãi câu kết luận của thầy trong buổi nói chuyện ấy: "Con người ta sở dĩ đau khổ triền miên là tại mình muốn nắm giữ! Cái gì cũng khư khư ôm chặt. Làm sao giữ mãi được vì bản chất của chúng là vô thường, là không. Hãy buông bỏ hết đi, chừng nào bỏ được, chừng ấy mới có chân hạnh phúc!"

Phải rồi, nếu chúng tôi không bám chặt vào căn nhà thì mẹ tôi đã không phải vất vả đến thế, không đến nỗi chết cồng ngoài garage. Và gia đình tôi không lụy đến mức này.

Tôi thỏ thẻ bàn với chồng: "Anh à, căn nhà này mình không giữ nổi thì bán nó đi. Em tính rồi, sau khi thanh toán hết nợ nần mình cũng còn vài trăm ngàn. Dọn sang Texas, nhà cửa rẻ hơn, mình có thể tậu căn khác hoặc là giữ làm vốn, tính chuyện làm ăn..."

"Ờ nhỉ, hồi đó sao mình ngu quá, cứ ôm lấy nó mà cầm cổ đi cày trả nợ. Liệu giữ không được thì sớm buông đi... Nhờ ông thầy

MÙA VU LAN NĂM ẤY

(Nhớ về chùa Khánh Lâm,
tục gọi chùa Bàu Lương)

*Tôi nhớ mãi mùa Vu Lan năm ấy
Theo mẹ lên chùa lễ Phật, tế vong nhân
Nghe thầy giảng vô lượng tứ thọ ân
Lòng cảm xúc trào dâng như sóng biển.
Ấm áp trùng tuyên lời Phật dạy
Hiếu hạnh vì tiên dù đời lắm đổi thay!
Sống xứng đáng đầu tháng ngày ngằn ngủi
Dưỡng dục sinh thành ghi nhớ chẳng hề nguôi.
Ơn Phật từ bi quảng độ nhen sanh
Ơn tiên tổ, ơn cộng sinh cùng bá tánh
Quốc độ anh lành cùng sống dưới trời xanh.
Buổi sáng Vu Lan chôn chùa làng thanh thân
Tôi mơ thấy gậy vàng trong tay ngài Địa Tạng
Ngục thất tan rồi lòng bao người an lạc, hỷ hoan.
Ngôi chùa nhỏ, vị sư già thông thái
Rất khiêm cung từ ái thương đời
Kham khổ vẫn ung dung chưa hề mất nụ cười
Thầy thay Phật dẫn người về chánh đạo
Giờ xa rồi lòng vẫn mãi xôn xao
Mùa Vu Lan, mái chùa quê thuở ấy!*

thơ

ĐỒNG THIỆN

Peach State, July 1014

giảng dạy, mình mới sáng mắt ra!"

Sau khi dọn sang Texas, trước khi bắt tay vào công ăn việc làm, tôi xin phép anh Thắng cho tôi về Việt Nam một chuyến. Tôi về để được quí dưới chân sư ông kể lẽ hết sự tình, xin sám hối thì lòng tôi mới có thể yên.

Sư ông trầm ngâm và yên lặng nghe tôi vừa khóc rầm rức vừa kể về mẹ tôi, đệ tử mà người rất quý mến. Sư ông không hề cắt ngang bằng những câu hỏi. Người không phê phán gì, chỉ để yên cho tôi khóc, khóc oà vỡ như cái đập nước bị ngăn chặn, nay có người tháo ra...

Mãi một lúc lâu lắm sau đó, sư ông mới dạy:

"Người mẹ nào cũng có trái tim Bồ Tát. Mẹ con hành Bồ Tát đạo ngay trong gia đình trước khi

mở rộng ra trong cuộc sống với mọi người. Con hãy hành diện có bà mẹ như thế! Con sẽ không cảm thấy hối hận ray rứt nữa nếu con biết đi theo hướng đi của mẹ con, biết xả bỏ cái tôi vị kỷ để lo cho người chung quanh."

Tôi sụp xuống đánh lễ người đã chỉ cho tôi tháo mở cái gút dây kết mối ân hận trong tôi.

Tôi trở về Texas với sự bình yên và tâm nguyện cao cả... Nhưng khi mùa Vu Lan về, cầm hoa trắng trên tay, tôi không thể ngăn được những giọt lệ hồng phát xuất từ trái tim tôi... Than ôi! Khi tôi biết nghĩ tới mẹ, biết giá trị của trái tim bồ tát, biết thương mẹ thì bà đã không còn nữa trên đời...

Diệu Nga

Bà Lê Thị Tuyết Mai 67 tuổi là một Phật Tử sinh sống tại Sài Gòn đã tự nguyện thiêu thân trước Dinh Độc Lập vào sáng ngày 23/5/2014 để phản đối Trung Cộng đem Giàn khoan dầu 981 xâm chiếm biển, đảo Việt Nam và chỉ gần một tháng sau, vào ngày 18/6/2014 Ông Cụ Hoàng Thu 71 tuổi sống tại Florida Hoa Kỳ cũng tự thiêu để phản đối Trung Cộng như Bà Mai đã làm.

Tôi được xem đoạn Video của Bà Lê Thị Tuyết Mai tự thiêu mà ai đó đã bỏ trên youtube trong lúc Bà đang bị ngọn lửa bùng lên bao trùm hết thân xác Bà... Tôi xúc động mãnh liệt, chân tay tôi run lên, lòng bồi hồi thương cảm cho những người vì nước nguyện lấy thân mình làm đuốc soi sáng lương tri, cảnh tình chế độ đang cai trị 80 triệu nhân dân Việt Nam, đã quá nhu nhược đối với giặc (Trung Cộng). Hai cái chết, một người ở tại chính trên quê hương Việt Nam, một người tại Hoa Kỳ cách nhau hơn nửa vòng địa cầu. Ở vào số tuổi của cụ bà Lê Thị Tuyết Mai và cụ ông Hoàng Thu đáng lẽ ra đang an vui, vui hưởng hạnh phúc với đàn con cháu cho hết quãng đời còn lại của mình... Nhưng không, cả hai người bà Lê Thị Tuyết Mai và ông Hoàng Thu có cùng chung một nỗi niềm, một uẩn ức... "Yêu nước"... Ở Việt Nam ngày nay người dân yêu nước là có tội với chế độ, còn chính quyền bán nước, bán biên giới thì vô tội; yêu nước không có quyền nói, yêu nước không có quyền phát biểu, yêu nước không có quyền xuống đường biểu tình. Nhìn những hình ảnh thiêu thân thương tâm ấy đã đưa ký ức tôi trở về của một thời quá khứ 51 năm về trước. Tôi lúc đó chỉ mới 8 tuổi đầu...

Năm 1963 một biến cố đau thương cho nền Phật Giáo Miền Nam Việt Nam bị chính quyền đương thời đàn áp một cách tàn nhẫn đối với Tăng Ni và tín đồ Phật tử. Máu đã đổ ở các nơi từ miền Trung vào đến tận Sài Gòn... Hòa Thượng Thích Quảng Đức đã tự thiêu thân, hy sinh cho Phật Pháp và mong cầu chính quyền thức tỉnh đối xử một cách công bằng với Phật Giáo, cũng như đối với dân tộc mà đa số là người theo Phật. Sau sự hy sinh cao cả và gây chấn động cả thế giới của Hòa Thượng Thích Quảng Đức là hàng loạt những vụ thiêu

Công viên Cây Điệp

QUẢNG THIÊN MINH

thân khác của nhiều Tăng Ni Phật tử mà trong số đó có một cái chết cho Phật Pháp của một Phật tử, thật thương tâm, thật kinh hoàng mà có lẽ tôi sẽ mang những hình ảnh đó trong ký ức tôi cho đến suốt cuộc đời... Không bao lâu sau đó là sự sụp đổ của chế độ đương thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Bố tôi làm việc cho Ủy Hội Quốc Tế Kiểm soát Đình Chiến 1954 "Ủy Hội Quốc Tế ở trong Trại Võ Tánh" chỉ là một công chức bình thường và được chính phủ cấp phát cho nhà ở trong trại Võ Tánh thuộc quận Nhì Sài Gòn. Tôi không biết lúc nào gia đình dọn vào trong Trại vì lúc đó tôi còn bé lắm... Trại Võ Tánh rất lớn được bao bọc bởi những bờ tường cao hơn đầu người. Có 2 cổng ra vào được gọi là cổng 1 và cổng 2, đều có đồn cảnh sát kiểm soát và bảo vệ. Cổng 1 quay hướng ra đường Cổng Quỳnh gần chợ Thái Bình..., cổng 2 quay ra đường Lý Thái Tổ, Hồng thập Tự. Bên trong trại Võ Tánh có những phái đoàn ngoại quốc ở và làm việc như phái đoàn Canada, phái đoàn Ba lan, phái đoàn Ấn Độ. Có Bộ Chỉ Huy Cảnh Sát Quốc Gia, và đặc biệt trong trại Võ Tánh có một sân đá banh lớn, thỉnh thoảng có những trận đá bóng quốc tế được tổ chức tại đây.

Tôi lúc đó mới 8 tuổi đầu còn nhỏ, vô tư ham chơi hơn ham học, chiều chiều đi học về quần cặp tập sách vở trên bàn, chạy đi rú vài đứa bạn ra sân cỏ đá bóng... Trong một bữa cơm chiều cả nhà cùng đang ăn cơm (chỉ có buổi cơm chiều gia đình mới về đủ cả nhà) Bố tôi có nói về Hòa Thượng Thích Quảng Đức vừa mới tự thiêu làm rung động cả nước và toàn thế giới, tình hình rất lộn xộn và chính quyền đang đàn áp Phật Giáo bắt bỏ sư sãi Phật tử và những người biểu tình. Ông căn dặn các con đi học về thẳng nhà không tụ tập những nơi đông người mà mang họa vào thân. Gia đình tôi đông,

bố mẹ và 8 anh chị em, tôi thứ 5 vì còn nhỏ "ăn chưa no, lo chưa tới" chẳng hiểu chuyện gì về thời sự đất nước. Qua mấy tuần lễ sau, một hôm đi học về tôi đi ra cổng 1 chơi, vì ngoài cổng 1 quay ra là bùng binh ngã 5 hay ngã 6 Lý Thái Tổ có một công viên nhỏ có xích đu, có cầu trượt cho trẻ em chơi và nhiều cây cao bóng mát, bên cạnh công viên có một trại mà tôi nghe người lớn gọi là "Thành Ô Ma." Bờ tường của Thành dày và cũng rất cao. Tôi đang thơ thẩn đứng tựa lưng một gốc cây điệp, cây cao bóng mát ngấm nhìn phố phường xe cộ tấp nập trên đường, bỗng dưng tôi thấy một cô gái mặc áo dài trắng như là nữ sinh đi học, một tay cầm một thùng nước màu vàng đục, tay kia cô ôm vào ngực một quyển sách và một xấp giấy trắng loại giấy học trò, đầu đội nón lá, cô đi chậm chạp dường như tìm kiếm một cái gì đó, và rồi cô đi đến một gốc cây điệp gần chỗ tôi đứng. Cây cao nhưng gốc không to lắm, cô ngồi xuống để thùng nước bên cạnh tay trái của cô, tập giấy trắng cô để bên phải và cô đặt chiếc nón lá dầy trên tập giấy. Khoảng cách giữa tôi đứng và cô ngồi đó chỉ độ vài mét thôi, tôi nhìn cô và cô ngược lên nhìn tôi. Tôi còn thấy rõ trên trán cô lấm tấm vài giọt mồ hôi, mái tóc cô dài quá lưng. Lúc đó vào giờ trưa, trời đang nóng nực, oi bức của mùa hè. Cô nhìn tôi nhoẻn miệng cười, và cô nhắm mắt lại miệng cô đọc lầm thầm gì đó, hai tay cô chắp trước ngực. Tôi nhìn cô đắm đắm vì cô có những cử chỉ là lạ, và cô mở mắt ra ngược nhìn tôi một lần nữa, và rồi cô bưng thùng nước màu vàng đục để bên cạnh nhắc cao trên đầu đổ xuống, toàn thân cô ướt đầm, nước màu vàng đục tràn lan xuống đám cỏ xung quanh chỗ cô ngồi, rồi thì một tiếng "Phùm" lớn khô khan, ngọn lửa dữ tợn, thật kinh hoàng bao trùm hết người cô. Ngọn lửa bốc cao cháy xém vào thân cây, cháy tràn lan ra đám cỏ xung quanh cô ngồi. Cô vẫn ngồi điềm nhiên, xếp



bằng hai tay cô để lên hai đầu gối, hai bàn tay nằm lại... Sự việc xảy ra quá nhanh, quá bất ngờ, quá khủng khiếp của bão lửa. Tôi đứng đó như trời trồng nhìn cô, mồm há hốc ra, mắt trợn trừng, không nói được một lời nào; toàn thân tôi run lên, ngọn lửa tàn bạo nóng khủng khiếp, mùi xăng, mùi da thịt cô bị cháy khét quện vào trong gió bốc lên trời cao. Những người đi đường chạy tới xem, các loại xe cộ đều đứng lại giữa đường bóp còi inh ỏi. Dòng người kéo đến mỗi lúc một đông, chỉ nghe tiếng la hét "tự thiêu, tự thiêu" đầy trời của đám đông, không ai làm được gì cả. Vì tôi đứng trước và gần cô, từng đoàn người chen lấn xô đẩy để xem, tôi bị làn sóng người đẩy tôi dần về phía cô và gần tới mức độ, chân tôi không đứng vững được nữa ngã chúi về phía cô, thì may thay có một bàn tay của người nào đó đã chụp được lưng áo tôi lôi trở lại, không thì tôi nhào vào cô rồi... Sau một hồi cháy hết xăng ngọn lửa cũng dần dần tàn, người cô không còn nhận diện được nữa, đầu cô gục xuống, hai tay vẫn để nguyên trên 2 đầu gối, 2 bàn tay co quắp lại, hai khúc xương trắng ở hai khuỷu tay cô lòi xuyên ra ngoài, sức nóng khủng khiếp của bão lửa đã đốt cháy chín đen toàn thân người cô, máu và nước rỉ ra từ da thịt cô nhỏ từng giọt xuống đất. Một cảnh tượng rừng rợn quá, thương tâm quá, tôi đã chứng kiến tận mắt của một đứa

bé 8 tuổi đầu... Tôi thấy có vài người đàn bà đã quỳ xuống vái lạy xác cô. Mắt tôi nhòa đi vì nước mắt và mồ hôi, tôi cố chui lòn dưới chân của đám đông bỏ ra được bên ngoài của rừng người, tôi nằm vật ra và liệm đi một lúc.

Có một điều thật vô cùng kỳ diệu, thiêng liêng vô hình nào đó, đã vô hiệu hóa nhục thể cô thành một pho tượng mất tri giác trong lúc ngọn lửa hung tợn đang thiêu đốt thân xác cô. Cô ngồi đó trong tư thế tọa thiền yên tĩnh, không rên la đau đớn, không dẫy dụa. Cô ngồi yên bất động... Một lúc sau thì tiếng còi cảnh sát và xe cứu hỏa đến giải tán mọi người tránh ra xa. Người lính cứu hỏa không dám xịt vòi nước vào người cô, vì còn những đám lửa nhỏ đang âm ỉ cháy trong phần ngực và bụng cô vì sợ rằng nước sẽ làm rã nát da thịt cô. Ông ta xịt nước lên trên thân cây cao cho nước tỏa xuống dập tắt ngọn lửa. Hai người lính cứu hỏa vừa bám vào vai cô định nhắc người cô lên, thì hai mảng thịt vai cô tuột ra bám dính vào hai bàn tay 2 người lính. Mọi người la "ô" lên, loay hoay một lúc họ phải dùng khăn đỡ lưng cô nghiêng người cô vào băng ca và khiêng cô lên chiếc xe vận tải, đóng kín cửa... Tôi đứng nhìn theo chiếc xe vận tải chở thân xác cô gài dần dần biến mất trong dòng lũ của cuộc đời vô tận, trong nỗi kinh hoàng tột độ...

Buổi tối hôm đó trong bàn cơm gia đình, bố bảo tôi kể lại sự việc xảy ra hồi trưa này. Tôi kể lại toàn bộ sự việc cho cả gia đình nghe, vì quá xúc động, cả lẫn cả cặp, tôi kể trong những tiếng nấc nghẹn ngào, trong nước mắt ràn rụa. Tôi khóc đến độ tưởng như cô gái ấy là một người thân trong gia đình tôi vừa mới qua đời, làm cho cả nhà bỏ chén đĩa xuống hết, không thấy ai ăn được nữa. Tôi thấy mẹ tôi lấy tay áo quạt nước mắt. Mọi người yên lặng nhìn tôi trong một bầu không khí nặng nề, giống như trong nhà đang có tang thật... Sau đó mẹ tôi phá tan bầu không khí ngột ngạt, bà nói "tôi nghiệp quá, rồi cha mẹ, anh chị em mà biết tin thì đau xót như thế nào..." Và rồi sau đó tôi được nghe những tin tức từ bố tôi, từ những người lớn khác nói có thêm nhiều vụ thiêu thân nữa của nhiều Tăng, Ni, Phật tử ở các nơi, cả một miền Nam sôi sục đấu tranh chống lại chính quyền... Và không bao lâu sau

đó, tiếng máy bay khu trục gầm thét trên bầu trời, tiếng súng đạn bắn rền rền trong ngày 1/11/1963. Qua ngày 2/11 tôi được ông anh cả chở lên Dinh Gia Long xem quân đội làm "Đạo Chánh." Tôi thấy lỗ chỗ những lỗ đạn trên vách tường của tòa Dinh thự Gia Long. Xe tăng, lính tráng, đầy khắp các nẻo đường. Họ ngồi trên xe tăng, xe nhà binh, dân chúng reo hò, mừng vui, quăng bánh mì, đồ ăn lên cho lính... Tôi nghe những người lớn nói với nhau "Tổng Thống Ngô Đình Diệm không còn nữa..." Về sau khi đi học trở lại, lũ học trò nhỏ chúng tôi không phải đứng ngoài sân cỏ của trường mà hát bài "Ngô Tổng Thống muôn năm" nữa.

Từ sau ngày cô gái tự thiêu ở công viên, gia đình cấm tôi không được đi ra đó một mình, nhưng tôi vẫn lén lút trốn đi. Không phải tôi ra đó để chơi cầu trượt hay xích đu, chỉ muốn tìm đến cây điệp nơi mà cô gái thiêu thân tại đó. Tôi không biết đến thăm cô hay tò mò đến xem những vết tích còn lại gì không?

Tôi đứng thật lâu nhìn gốc cây điệp, vết cháy nám đen của một khoảng cây vẫn còn, đám cỏ chỗ cô ngồi cháy đen một khoảng lớn trước kia, nay đã có dấu hiệu hồi sinh. Tôi ngồi xuống, đối diện với gốc cây điệp, và tôi có cảm nhận, hình như cô đang ngồi nhìn tôi. Tự nhiên cơn xúc động mãnh liệt ập đến, nước mắt nước mũi ràn rụa quện vào nhau làm mắt tôi mờ nhòa đi; nhưng trong tâm trí tôi lúc đó không còn để ý tới mọi người xung quanh, dòng người đi đường, xe cộ ngược xuôi, chỉ có một sự cảm nhận trong tư tưởng phát ra một câu nói nhẹ nhàng bên tai, như một lời khuyên bảo của cô "ĐỪNG ĐẾN ĐÂY NỮA NGHE EM"... Tôi giật mình... Một bàn tay đập vào vai tôi, ngược nhìn lên tôi thấy người chị kể tôi gọi tôi về bảo cả nhà đi tìm tôi. Bà chị biết tôi ra công viên nên tìm tôi ở đây... Kể từ hôm đó tôi không ra công viên nữa.

Cho đến 5 năm sau... Năm 1968 Tết Mậu Thân trong những ngày đầu năm của Tết tiếng bom nổ đòn xuân hòa lẫn tiếng bom đạn súng nổ rền rền. Chiến tranh đã tràn về thành phố, khói lửa bốc lên cao ở nhiều nơi trong thành phố, vài trái đạn pháo kích rớt vào trong khu trại Võ Tánh, phá hủy một vài căn nhà. Nhà nhà cửa đóng im ỉm không ai dám ra ngoài đường. Một thời gian sau, tình hình có vẻ yên tĩnh, bố mẹ tôi quyết định dọn nhà ra khỏi trại Võ

Tánh... Gia đình mới của tôi ở gần ngã bảy Lý Thái Tổ (vì có 7 con đường khác nhau) và cũng gần Viện Hóa Đạo trên đường Trần Quốc Toàn. Tôi phải đi học mỗi ngày trên đường Lý Thái Tổ con đường dẫn đến "công viên cây điệp" (tôi đặt tên như vậy) và không lần nào đi ngang qua công viên mà tôi không nhìn vào cây điệp năm xưa. Cây vẫn còn đó, bóng mát từ những cành lá xanh tươi tỏa ra trông thật thơ mộng hiền hòa, thân cây vẫn vậy, vẫn mỏng manh như cô gái năm xưa mặc áo dài trắng, tóc đen xõa dài, che kín lưng cô.

Rồi thời gian trôi qua nhanh, chiến tranh trở nên khốc liệt hơn. Tôi bị động viên và hòa nhập vào cuộc chiến của đất nước, thỉnh thoảng từ đơn vị về được mấy ngày phép, tôi lại đến thăm "công viên cây điệp." Tôi đứng hơi xa nhìn vào cây, tôi vẫn nhớ lời cô dặn năm xưa, nhưng tôi không thể không đến được. Cây vẫn vậy, vẫn không lớn hơn trước... nhưng tôi vẫn thấy lòng buồn miên man, mắt cay cay khi nghĩ đến cô... Trên trời cao cô có còn nhớ thằng bé năm xưa không?...

Năm 1982 trước một ngày đi vượt biên, tôi trở lại công viên thăm cô, đứng nhìn cây điệp một lần cuối, rồi nhìn lên trời cao. Trong ánh nắng ban mai, trời trong xanh, một vài đám mây trắng nhỏ mong manh như những làn khói trắng, treo lơ lửng trên không. Tôi mỉm cười "Em đi đây cô"... Rồi từ ngày đó cho đến bây giờ, tôi chưa một lần trở lại quê hương. Không biết "Công viên cây điệp" có còn không? Tôi mong rằng trong quãng đời còn lại, sẽ có một ngày tôi trở về ngôi trước cây điệp, và đặt xuống một nụ Hồng...

Những ngọn đuốc được thắp sáng từ thân xác cụ bà Lê Thị Tuyết Mai, Cụ ông Hoàng Thu và rất nhiều Tăng, Ni, Phật tử Tây Tạng, đứng lên tranh đấu, phản đối và hy sinh vì Phật Pháp, vì đất nước bị xâm chiếm do nhà cầm quyền Trung Cộng độc tài, tham vọng... Những ngọn đuốc ấy đều là lời cảnh tỉnh gửi đến các nhà cầm quyền hà khắc, bất công. Tác động của những ngọn đuốc khó mà nhìn thấy kết quả thế nào. Nhưng tôi tin Luật Nhân Quả sẽ không tha thứ cho bất kỳ một ai, bất kỳ một chế độ nào đi ngược lại nguyện vọng yêu chuộng hòa bình tự do của nhân loại.

Quảng Thiện Minh

Nói Với Người Bạn Nhỏ

*Có thể tôi đã gặp em ở đâu đó
Trên đường Cộng Hòa
Trên phố Bolsa
Trong quán cà phê
Hay ngoài cửa chợ*

*Em, người thanh niên da vàng, máu đỏ
Có đôi mắt không nhìn thẳng mặt trời
Mà chỉ nhìn thấy màu đen và tội ác
Mà chỉ nhìn thấy hận thù và nghi ngại*

*Nắm tay em như cùm
Nện xuống đầu tôi những đòn chí tử
Hận thù nào đẩy lên nơi em?
Sức mạnh nào nào đẩy tôi gục xuống?
Giọt nước mắt nào lặng lẽ chảy ra
Trên đôi mắt đã buồn nghìn năm của Mẹ?*

*Ánh mắt em long lanh màu thép lạnh
Xô đổ nhân tính con người
Màu máu em có đỏ
Màu da em có vàng
Em có nói cùng tiếng nói Việt Nam
Và lớn khôn bằng một giòng sữa Mẹ?*

*Nắm tay em như đá
Đập vỡ trong tôi tất cả niềm tin
Ánh mắt em rực lửa
Thieu hết mọi điều trong sáng, hồn nhiên.*

*Buổi sáng mặt trời rực rỡ
Muôn loài tỏa lên một sức sống đáng yêu
Sao em muốn tôi không nhìn thấy yêu thương
Sao em muốn tôi không nhìn thấy bình minh
Mà chỉ thấy khổ đau và nước mắt
Mà chỉ thấy nghi ngại và sợ hãi
Nơi tất cả mọi người*

*Hận thù nào đẩy lên nơi em
Quyền lực nào xô tôi ngã xuống
Đã tha hương lưu lạc xứ người
Sao không thể nương nhau mà sống?*

*Này người thanh niên da vàng máu đỏ
Con đường em đi cách biệt mọi người
Hãy quay lại nhìn quê hương khôn khó
Đất nước mình cần em hơn tôi!*

thơ

TRỊNH GIA MỸ



Truyện ngắn trăm chữ

STEVEN N.

AI CHẤP?

...Hai đạo hữu tranh luận với nhau chuyện đời - đạo rất hăng say. Một người nói:

- Mình không nên quá chấp vào chuyện ăn chay - mặc làm gì; khi mình ăn thịt, cá nhưng mình không chấp thì miếng thịt, cá đó cũng như là đậu, rau thôi!

Người kia cười mỉm trả lời:

- Vậy khi anh bị ai đó đập đầu, cắt cổ anh đừng có chấp thì việc đó cũng như đập đá, cắt cây thôi!

PHẬT TÁNH

Vị đại đức thao thao bất tuyệt viện dẫn kinh sách, điển cổ... nhưng xem ra đại chúng vẫn ngơ ngác hồ nghi. Có người thắc mắc:

- Bạch thầy, những kẻ cùng hung cực ác, giết người hại vật không gớm tay cũng có Phật tánh sao?

- Có chứ, ai cũng có cả.

Vị đại đức trả lời nhưng đại chúng vẫn không phục. Hòa thượng chứng minh bèn dẫn đại chúng ra sân đi một vòng rồi chỉ vào tượng Phật bằng đá nói:

- Trong đá, đồng, gỗ... đều có "Phật" cả; người thợ chỉ cần bỏ phần thô thì xuất lộ tượng Phật. Chúng sanh cũng vậy vì phần thô vỏ mình che lấp nên Phật tánh không lộ ra. Các con tu cũng giống như người thợ tạc tượng vậy thôi, một ngày nào đó Phật tánh cũng sẽ hiển lộ ra.

ĐẤY ĐÁ

Mẹ và nàng dâu cứ hục hặc hoài, mặt nặng mày nhẹ, người nào cũng phiền não khổ tâm cả. Một hôm có người cứ đi tới đi lui trước nhà, thỉnh thoảng lại nhặt đá bỏ vào đây rồi than:

- Trời ơi sao tôi khổ thế này, nặng gắt mà cái đây thì nặng quá, đường lại xa!

Hai người thấy vậy bèn nói:

- Sao ông không trút cái đây đá đi cho nó nhẹ, tội gì mà phải vác như thế?!

Người nọ cười toáng lên rồi nói:

- Hai mẹ con bà cũng mang cái đây tâm tư đây chuyện phải quấy nó còn nặng gấp mấy lần tôi, sao không mau trút quách đi?

Hai mẹ con bất chợt nhìn vào mắt nhau...

TỤNG KINH

Sau thời kinh có anh Phật tử trẻ hỏi:

- Bạch thầy, ngày nào cũng tụng mấy bản kinh, chú này; giờ thuộc lòng vẫn tụng hoài vậy có lợi ích gì không?

Hòa thượng hỏi ngược lại:

- Mỗi ngày con ăn gì?

- Bạch thầy con ăn cơm.

- Hàng ngày con ăn cơm để nuôi xác thân; còn tụng kinh là để trường dưỡng tâm linh, huệ mạng của con!

- Tạ ơn thầy, con đã hiểu và sẽ y giáo phụng hành!

NGƯỜI LÀNG MÈO

Tiếng la hét, tiếng đánh đập huỳnh hích... âm ỉ cả một vùng:

- Đánh chết mẹ nó đi quân cầu tặc!

Thì ra cả làng đánh giết người vì bị trộm chó. Mà cũng lạ thay, năm rồi ngư phủ trong làng bị người lạ làng bên giết chết không thấy ai nói gì; rồi cái đậu làng bị đập đổ, người lạ cướp đất, cũng không ai nói gì; kể đến, cái đồi bên đồi người lạ ngông nghênh cày xới... vậy mà cả làng im thin thít. Làng Mèo xưa nay hiền hách tự hào lắm vậy mà giờ trở nên thờ ơ vô cảm như thế. Cũng may trong làng cũng còn vài bậc thức giả bất bình lên tiếng nhưng bị bọn kỳ hào đánh đập tàn nhẫn. Kể từ ngày bọn hào mục lên tỉnh thậm thụt ăn nhậu với bọn lạ mặt kia thì làng càng ngày càng điều đứng. Đêm khuya có người trong làng lén ra đình viết lên vách rằng:

- Làng Mèo giờ thành làng mạt!

Peach State, July 11 14



MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

CÁ CHAY TƯƠNG GỪNG



Vật liệu:

- 1) 1 con cá chay seaweed để tan đá
- 2) 1/2 miếng thịt ba rọi chay thái mỏng
- 3) 1 củ gừng thái cọng nhỏ
- 4) 1 muống canh tương ăn phở
- 5) 3 búp nấm đông cô tươi
- 6) 3 củ hành hương thái mỏng
- 7) 2 cọng hành lá
- 8) 2 tép tỏi băm nhỏ
- 9) 1 chút tiêu

Cách làm:

Món cá chưng rất nhanh và dễ làm. Bắc chảo phi tỏi và củ hành hơi vàng, cho tương, tiêu, gừng, nấm đông cô, trộn cho đều đổ lên đĩa cá. Bắc nồi hấp chờ nước sôi, để cá chay vô đĩa bàn vào hấp 15 phút là được; bào mỏng một ít cần tây để trên mặt cá chưng.

Cá chưng ăn với cơm nóng rất ngon.

Chúc làm thành công.



Chân Thiện Mỹ (nguồn: Thư Viện Hoa Sen)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muống canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muống cà-phê), khoảng 5ml.

CHOLESTEROL CÓ XẤU KHÔNG NHÌ?

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

Xin cùng tìm hiểu.

1. Cholesterol là gì?

Cholesterol là một chất béo được bao bọc bởi một lớp đậm hiện diện trong cơ thể của các loại động vật kể cả con người. Mặc dù bị mang tiếng là không tốt, nhưng cholesterol là một phần cần thiết của màng các tế bào, được dùng để sản xuất một số kích thích tố, tạo ra sinh tố D trên da bằng tia nắng cũng như tạo ra acit mật để tiêu hóa chất béo. Cholesterol chiếm 70% các chất cấu tạo tế bào của não bộ.

2. Có mấy loại cholesterol?

Có 2 loại cholesterol:

a) Cholesterol trong máu:

Thứ máu cho ta biết số lượng cholesterol lưu hành trong máu.

85% cholesterol trong máu là do gan sản xuất, 15% còn lại là do thức ăn có cholesterol mà ta tiêu thụ như trứng, chất béo từ gà, vịt, heo, bò. Vì gan sản xuất nhiều cholesterol cho nên một số người dù ăn thực phẩm có nhiều cholesterol mà cholesterol trong máu vẫn thấp. Ngược lại một số người khác ăn ít cholesterol mà cholesterol vẫn cao.

Vì là chất hòa tan trong dầu mỡ, cho nên cholesterol không tự lưu hành trong máu. Để luân lưu, cholesterol được một loại chất đậm là lipoprotein mang đi. Có 2 loại lipoprotein: LDL (Low density lipoprotein) mang 2/3 tổng số cholesterol và HDL (high density lipoprotein) chuyên chở 1/3 cholesterol còn lại. Về kích thước LDL lớn hơn HDL.

Có giải thích nói HDL được coi như phần tử hiền lành tốt bụng vì y ta vừa không cho cholesterol bám vào thành động mạch mà còn đưa cholesterol ở máu vào gan để rồi được loại ra khỏi cơ thể qua ruột. Nhờ đó bớt mỡ lưu thông trong máu, làm giảm nguy cơ đóng mỡ ở thành động mạch, giảm nguy cơ bệnh vữa xơ động mạch.

Ngược lại cô em song sinh LDL thì láo lếu hơn vì đương sự để cholesterol bám vào thành động mạch, gây ra vữa xơ tắc nghẽn và tăng rủi ro bệnh tim.

Ngoài ra còn một loại thứ ba gọi là VLDL, very low density lipoprotein, chuyên chở một lượng rất ít cholesterol và một chất béo khác gọi là triglyceride.

b) Cholesterol do thực phẩm có nguồn gốc động vật cung cấp.

Xin nhớ là thực phẩm Thực vật không có cholesterol nhưng vẫn có chất béo.

3. Cholesterol trong cơ thể từ đâu mà ra?

Như đã nói ở trên, trong cơ thể, 85% cholesterol là do gan sản xuất, khoảng 1000 mg/ ngày, vừa đủ để thỏa mãn nhu cầu của cơ thể, vì thế đúng ra ta cũng không cần tiêu thụ thêm cholesterol từ thực phẩm. Ngoài ra, khi ta tiêu thụ nhiều cholesterol thì gan tự động giảm sản xuất.

4. Làm sao biết có cholesterol trong máu?

Đo cholesterol trong máu cho biết số lượng cholesterol toàn phần, HDL, LDL và VLDL. Cholesterol các loại được đo bằng đơn vị phần ngàn của gram (milligram) mg trên phần mười lít (deciliter) dl máu. Viện Sức khỏe Quốc Gia Hoa Kỳ đã đưa các chỉ số sau đây để dùng làm tiêu chuẩn:

(xem biểu đồ bên dưới)

Sau 20 tuổi, nên đo cholesterol mỗi 5 năm một lần; đo thường hơn khi cholesterol lên cao.

c) Ngoài ra chất Triglyceride và VLDL cũng cần được theo dõi. Mặc dù vai trò của chúng trong nguy cơ gây bệnh tim chưa được xác định, nhưng nhiều chứng minh cho là khi chất này lên cao thì đều không tốt cho tim.

Lượng Triglyceride dưới 200mg/ dl được coi như bình thường. Nó thường lên cao trong bệnh tiểu đường, bệnh thận.

5. Cholesterol có gây nguy hại cho sức khỏe không?

Chất béo cũng như cholesterol không phải là chất có hại đối với cơ thể mà là chất sinh tử cho mọi tế bào động vật. Cho nên thực là không công bằng khi gán cho mỡ béo danh vị thực phẩm "xấu". Nhưng một chế độ dinh dưỡng không cân bằng, kém đa dạng, quá nhiều chất béo có thể đưa tới hậu quả bệnh tật cho con người.

Xin nhắc lại là để hoạt động hữu hiệu, các mạch máu, cũng như các bắp thịt, cần được tốt mạnh, uyển chuyển và giữ đàn tính. Lòng mạch máu cần trơn tru để máu dễ dàng lưu thông. Trong bệnh vữa xơ động mạch, thành động mạch có



	Lý tưởng	Tạm được	Không tốt
Tổng số Cholesterol	Dưới 200 mg/dl	200- 240 mg/dl	Trên 240mg/dl
HDL cholesterol	Trên 45mg/dl	35- 45 mg/dl	Dưới 35mg/dl
LDL cholesterol	Dưới 130 mg/dl	130- 160 mg/dl	Trên 160mg/dl

những bữa gồm có cholesterol và tế bào máu đông vào, khiến nó trở nên thu hẹp gây trở ngại cho sự vận chuyển của máu.

Máu huyết tới tim giảm, tim kém được nuôi dưỡng, giảm hoạt động rồi một lúc nào đó đưa đến cơn kích tim.

Những miếng bữa có thể bứt rời thành mạch máu, ngao du khắp cơ thể theo hệ tuần hoàn rồi gây ra nghẽn mạch. Lên đến não nó tạo ra tai biến mạch máu não, tới tim nó gây ra nhồi máu cơ tim.

Ngoài ra cholesterol trong máu lên cao theo số tuổi; khi cân quá nặng nhất là béo mập ở vùng bụng; khi có các bệnh tiểu đường, cao huyết áp; di truyền cao cholesterol từ bố mẹ; khi có nếp sống không lành mạnh như lạm dụng rượu, thuốc lá, có đời sống quá tĩnh tại hoặc có nhiều mối lo âu, bất mãn.

6. Làm sao giảm cholesterol?

- Điểm cần để ý trước hết là giảm tiêu thụ cholesterol không ảnh hưởng nhiều tới lượng cholesterol trong máu bằng khi ta bớt tiêu thụ thực phẩm có chất béo bão hòa.

- Thứ hai là trong thực phẩm, tất cả cholesterol đều giống nhau, không có loại xấu loại tốt. Nhưng trong máu thì cholesterol trở nên tốt hay xấu là tùy theo loại lipoprotein chuyên chở nó.

- Thứ ba là chất béo bất bão hòa đơn hoặc đa dạng từ thực vật không gây ra sự vữa như cháo của chất mỡ trong lòng động mạch.

Sau đây là một số gợi ý để chúng ta cùng nhau hạ thấp cholesterol trong máu:

1- Giảm tiêu thụ thực phẩm có nhiều mỡ béo như kem, bơ, sữa nguyên chất, cheese, da gà, mỡ trên thịt nạc, mỡ heo.

2- Giảm thiểu thực phẩm có nhiều cholesterol như lòng đỏ trứng, gan. Lòng trắng trứng không có cholesterol. Một lòng đỏ trứng có tới 250mg cholesterol.

3- Giảm dầu dừa, dầu hạt cọ (palm), vì có nhiều béo bão hòa. Dầu này thường có trong kẹo socola, bánh bích quy.

4- Dùng nhiều hơn dầu bắp, safflower, dầu olive, dầu canola, trái bơ avocado, vừng, dầu đậu phộng, vài loại cá vì chúng có tác dụng làm hạ cholesterol.

5- Giảm trans fatty acid như margarine thời vì tác dụng làm gia tăng cholesterol trong máu. Margarine mềm ít hại hơn.

6- Tăng tiêu thụ omega 3 fatty acid, có nhiều trong cá thu (mackerel), cá chình american eel, cá ngừ (tuna), cá trích (atlantic herring), cá sardines, cá hồi (trout).

7- Tăng lượng chất xơ có trong ngũ cốc, rau trái, mì ống mì sợi vì các chất này có rất ít béo bão hòa, cholesterol và cho ít năng lượng.

8- Giữ sức nặng cơ thể ở mức trung bình, tránh bị mập phì nhất là mập ở vùng bụng.

9- Tập luyện cơ thể đều đặn để làm tăng cholesterol hiền lành HDL, làm giảm cholesterol lếu lảo LDL, giảm ki, hạ huyết áp cao.

10- Đôi khi với tất cả các đề phòng kể trên, cholesterol trong máu vẫn còn cao vì ảnh hưởng của gene, vì vui miệng ăn nhiều mỡ béo thì phải cầu cứu tới dược phẩm.

Việc dùng các dược phẩm này cần được bác sĩ cân nhắc kỹ càng tùy theo từng trường hợp, vì khi đã uống thì phải uống trong nhiều năm, có khi suốt cuộc đời. Thuốc lại rất đắt tiền và vài loại thuốc có những tác dụng phụ mạnh, chẳng hạn là làm hại tới lá gan.

Kết luận

Các tài liệu về chất béo-cholesterol có quá nhiều, đôi khi làm ta bối rối. Sau hơn 50 năm, khoa học đã làm sáng tỏ một phần nào vai trò của cholesterol cao trong máu đối với bệnh vữa xơ động mạch, một nguyên nhân đưa tới tử vong và bệnh hoạn vì nhồi máu cơ tim, tai biến mạch máu não. Nhưng nguyên lý sinh bệnh của vữa xơ này còn nhiều điều chưa được giải thích cặn kẽ. Hơn nữa hiện nay có nghiên cứu cho thấy nhiều người bị bệnh tim mạch mà cholesterol vẫn bình thường, hoặc cholesterol cao mà không bị bệnh tim mạch. Do đó, ta không thể gạt bỏ chất béo khỏi khẩu phần dinh dưỡng vì cơ thể cần năng lượng từ chất béo, cần sinh tố tan trong mỡ, cần chất béo để cấu tạo màng tế bào, mô thần kinh, tim...

Cho nên giản dị hơn cả là khi muốn tránh bệnh tim mạch do các chất béo này gây ra, ta chỉ việc bớt tiêu thụ thực phẩm do động vật gia súc như thịt, sữa và phó sản; tăng thực phẩm từ thực vật và vận động cơ thể.

Để bảo toàn trái tim thân thương cũng như sức khỏe tổng quát.

Bác sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC
www.bsnguyenyduc.com

BA MÁ

*Có những lúc muốn viết về cha mẹ
Nhưng nghĩ hoài mà chẳng thể nên câu
Là con cái sao hững hờ đến thế ?
Tháng rộng năm dài ca ngợi những đâu đâu...
Đơn giản làm sao hai tiếng ba với má
Nhưng vô cùng vĩ đại, bao la!
Suốt cả cuộc đời vì con mà vất vả
Nuôi nấng lo toan từ tấm bé nên người
Cho con cả những gì ba má có
Dĩ theo con từng bước đường gian khổ
Bảo bọc, chở che những lúc đời giông tố
Tình thiêng liêng khôn nói hết bao giờ!
Vậy làm sao gởi trọn mấy vần thơ?
Thưa ba má con muốn nói lời cảm tạ
Ngập ngừng hoài mãi chẳng nói ra
Và con muốn làm chút gì cho ba má
Chỉ tội thân con vô tướng bất tài.
Vì vậy mà tháng ngày trôi qua mãi mãi
Đến bây giờ vẫn chỉ là ý nghĩ ở trong tâm
Thưa ba má con suốt đời tạ dạ
Chín chữ cù lao nghĩa trọng tình thâm!*

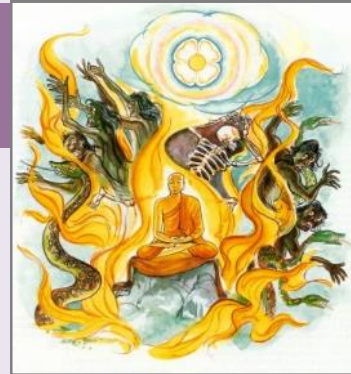
Atlanta, June 17 2014

thơ

HIỀN NGUYỄN

CHỈ VÌ LÒNG NẶNG XAN THAM NGU SI TỰ ÁI ĐỐT AM THẤT THẦY

Tịnh Minh soạn dịch theo *Pháp Thoại Pháp Cú*



Truyện kể rằng khi an trú tại động Pi-pa-li (Pippali), trưởng lão Ma-ha Ca-diếp (Mahà Kassapa) có hai chú đệ tử theo hầu. Một là Sa-di Chí Tịnh, tính tình chơn chất, trung hậu đảm đang; hai là Sa-di Chí Động, nói năng liến thoắng, tánh khí thất thường. Chí Động hay lánh nặng tìm nhẹ, thường cướp công Chí Tịnh bằng những lời lẽ ngọt ngào, khéo léo với Thầy. Như mỗi khi thấy Chí Tịnh đem nước vào phòng tắm thì Chí Động liền đến gặp Trưởng lão, thưa:

- Bạch Thầy, mời Thầy đi tắm, có nước rồi ạ!

Thấy Chí Động lanh tay lẹ mắt, thường ba hoa khoác lác, lập công lấy điểm với Thầy bằng những hành vi thiếu trung thực, Chí Tịnh nghĩ cách chơi khăm cho bỏ ghét. Một hôm, chờ Chí Động ngủ say, Chí Tịnh đun sôi một ấm nước đầy, xong đổ nước vào nồi và bung ra giấu ở nhà sau, chỉ để lại một ít trong ấm, rồi ra sông tắm.

Vừa mới thức dậy, thấy bếp lửa sắp tàn với ấm nước còn bốc khói bên cạnh, Chí Động đoán là Chí Tịnh đã nấu nước và đem ra nhà tắm. Thế là cậu hồi hả chạy đến gặp Thầy, chấp tay cúi đầu thưa với vẻ trịnh trọng:

- Bạch Thầy đi tắm ạ! Nước đã đem vào nhà tắm rồi.

Sau đó cậu cùng đi với Thầy. Nhưng vào nhà tắm không thấy nước, Trưởng lão hỏi:

- Ủa, nước đâu? Điều thiệt là!

Chí Động sững sờ ngơ ngác, không biết trả lời bằng cách nào, bèn hăm hăm đi thẳng xuống nhà bếp để tìm ra manh mối. Thấy than còn đỏ, ấm còn nóng, nhưng nước đi đâu. Lại nhỉ! Trong tích tắc, cậu đoán ra sự thể và găm mặt lăm bầm: "Thằng ranh này đều thật! Mi chơi ông hả! Rồi sẽ biết tay tao! Nhưng biết hẳn đi đâu mà tìm để lấy nước cho Thầy tắm, nghiệt chửi!"

Chí Động đang đứng phân vân trong nhà bếp thì thấy Chí Tịnh từ ngoài ngõ đi thẳng vào nhà sau, bưng nồi nước nóng vào nhà tắm rồi đến thỉnh Thầy. Trưởng lão bấy giờ mới vỡ lẽ rằng té ra lâu nay Chí Động lằng xằng cướp công Chí

Tịnh. Sơ tâm nhập đạo, tuổi tác còn non mà đã cơ tâm thế này thì e rằng khó mà uổng nắn!

Tắm xong, Trưởng lão cho gọi Chí Động đến, hỏi:

- Lâu nay điều thường mời Thầy đi tắm, nhưng Chí Tịnh nấu nước phải không?

Chí Động cúi mặt, không đáp.

- Sao Thầy hỏi mà điều không trả lời?

- Bạch Thầy... ai nấu cũng vậy thôi, miễn có nước và con mời Thầy đi tắm là được rồi.

- Thế thì có lỗi. Đã là người xuất gia thì phải suy nghĩ và nói năng chân thật. Đừng bao giờ đánh cắp công đức và thành quả của người khác. Hãy đi sám hối Chí Tịnh.

Chạm lòng tự ái và xấu hổ với Thầy với bạn, Chí Động thầm nghĩ:

- Chỉ vài giọt nước mà Thầy làm nhục ta trước mặt mọi người! Không cần phải xin lỗi sám hối gì với ai cả! Sống trong hang động, bữa đói bữa no, khổ thấy bà mà làm như vinh hạnh lắm vậy!

Sáng hôm sau, Chí Động lánh mặt, chờ Thầy và Chí Tịnh lên đường hóa duyên, khát thực, cậu vội bưng bát đến đứng trước cửa nhà của một Phật tử thường cúng dường thực phẩm cho Trưởng lão. Thấy vậy, thí chủ hỏi:

- A Di Đà Phật, sao chú đến một mình! Sư ông đâu?

- Dạ... hôm nay Trưởng lão không được khỏe nên bảo tiểu Tăng đến đây.

- Được rồi, chú chờ một chút nhé!

Thí chủ đem nhiều thức ăn ra, cho vào đầy bát, chấp tay xá xá rồi lui vào nhà.

Chí Động tay trái bưng bát, tay phải đưa lên ngực niệm thiện tai, thiện tai rồi quay lui.

Trên đường về am thất, Chí Động vừa đi vừa ăn hết thực phẩm cúng dường cho Trưởng lão.

Trưa hôm đó, thấy Thầy trò được Phật tử cúng dường nhiều lễ vật, vài vóc, Chí Động càng thêm ẩm úc và ngấm ngấm trái lười ra mặt.

Ngày hôm sau, vừa thấy

Trưởng lão đến trước ngõ, thí chủ thân quen liền ra chào hỏi:

- A Di Đà Phật, mừng quá, Trưởng lão đã khỏe lại rồi!

- Ủa!... Bần đạo có ốm đau gì đâu mà khỏe lại!

- Vậy sao!... Hôm qua chú Chí Động bảo Trưởng lão bị ốm, không đi thiền hành khát thực được. Con đã làm vài món đặc biệt cúng dường Trưởng lão. Té ra là!

- Được rồi, được rồi!... Để bần đạo hỏi lại xem.

Trưởng lão nhận lễ vật cúng dường của thí chủ, tụng một thời kinh ngắn hồi hướng công đức rồi cáo từ, trở về am thất.

Tối hôm đó, Trưởng lão cho gọi Chí Động đến, hỏi:

- Thầy được biết là điều đi khát thực một mình, có phải vậy không?

Chí Động quỳ gối, chấp tay cúi mặt, không nói.

- Con đã từ giã gia đình, cách ly cha mẹ, theo Thầy học đạo, xả ly xan tham, vậy mà con không nghe lời Thầy thì nghe ai! Đã là người xuất gia, tu hạnh giải thoát, thì phải thanh tịnh thân - ngữ - ý. Từ nay về sau con phải thành thật, không được thọ dụng lễ vật theo danh nghĩa của người khác, và phải theo Thầy thiền hành khát thực, nghe chưa?

Chí Động lay Thầy ba lay, xin sám hối, nguyện hứa không dám tái phạm. Nhưng trong lòng vẫn thấy gai gai, thầm nghĩ: "Hôm qua, chỉ vì vài giọt nước sôi mà Thầy cho ta là kẻ gian manh, lường gạt. Hôm nay, chỉ vì dầm ngum cháo hoa mà Thầy bảo ta là tên lươn lẹo, khinh suất. Hơn nữa, được của ngon vật quý thì Thầy dành hết cho Chí Tịnh, còn thân phận mình có ra chi, bị đối xử tệ bạc thế này thì quá đáng. Ta đã có cách, rồi sẽ biết tay ta!"

Sáng hôm sau, Chí Động giả bộ cảm cúm, không đi khát thực với Thầy, một mình ở nhà lấy bữa đập tan nát các vật dụng sành sứ dùng để nấu nước và đựng thức ăn, xong sẵn tay phóng hỏa đốt rụi am tranh của Thầy, rồi bỏ trốn. Và tất nhiên, sau khi mạng vong, loại người như thế chắc chắn sẽ bị đọa

vào địa ngục A-tỳ.

Dân chúng thấy vậy bàn tán:

- Quả thật là nuôi ong tay áo, nuôi khi dòm nhà. Từ bị phải đi với trí tuệ chớ. Sư ông hiền quá, giáo hóa chi thứ đó!

- Đúng là vô minh ngu muội, muôn kiếp trầm luân! Một người khác lên tiếng. Thầy nhỏ nhẹ khuyên dạy mà nó cho là nhục mạ nhân cách, chà đạp danh dự của nó. Hừ!... Đồ lấu cá. Ngừ đó bỏ đói cho vêu mồi!

- Khiếp thật!... Một cụ ông vụt nói và ứng khẩu ngâm bốn câu thơ với giọng mỉa mai, buồn buồn:

Sư sãi ra tay đốt phá chùa,

Chỉ vì đau đầu chuyện hơn thua,

Ôi đời nguy khổn nhiều gian ác,

Len lỏi vào ra các cửa chùa.

Mọi người bật cười nhưng không giấu được nỗi xót xa hiện qua ánh mắt.

Rồi một hôm, có một Sa-môn từ Vương-xá đến Kỳ Viên thăm Thế Tôn. Sau khi đánh lễ Đức Bốn Sư, vị Sa-môn ngồi sang một bên, Thầy trò hàn huyên tâm sự một lát, Đức Thế Tôn hỏi:

- Thế nào, Tăng chúng và Ma-ha Ca-diếp vẫn khỏe chứ?

- Bạch Thế Tôn, Tăng chúng sinh hoạt bình thường, Ma-ha Ca-diếp vẫn khỏe, nhưng... bị một chú điều phóng hỏa đốt am vì tự ái về những lời răn dạy của Trưởng lão, rồi trốn mất.

- Đây đâu phải là lần đầu tiên câu ấy lên cơn tự ái về những lời khuyên dạy của Thầy rồi nổi loạn đốt am, phá nhà. Trong tiền kiếp câu ấy cũng đã ra tay hành động như thế. Đức Thế Tôn mỉm cười, nói.

- Trời đất!... Hung bạo vậy sao, bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn dạy, vậy thì hãy lắng nghe:

Vào thời xa xưa, khi Bra-ma-đát-ta (Brahmadatta) trị vì tại xứ Ba-la-nại, có một chú chim chớp mào Xin-gi-la (singila) xây một cái tổ làm nhà trên rặng Hy-mã-lạp sơn. Một hôm, trong khi trời đổ mưa tầm tã thì có một cậu khi hời hà nhảy đến với dáng cơ ro, run rẩy ra vẻ lạnh lẽo lắm. Vừa nhắc thấy cậu ta, chớp mào liền nheo mắt, lên giọng ngăm:

Này anh bạn khi ta ơi,

Tay chân đầu mặt giống người thế gian,

Cớ sao chịu cảnh cơ hàn,

Không làm nên nổi một gian nhà tồi!

Khi ta tự nhủ: “Đúng thế! Tay chân ta tương đối giống người nhưng đâu có trí tuệ như họ mà

làm nên nhà cửa, lâu đài...” Cậu ngược mắt nhìn Xin-gi-la, hạ giọng đáp lời:

Này anh bạn Xin-gi-la,

Tay chân đầu mặt của ta giống người,

Chỉ vì thiếu tuệ thiên tư,

Mà ra suốt kiếp nương từ rừng xanh!

Chớp mào thầm nghĩ: “Sống nay đây mai đó, lang thang phiêu bạt, nhầy nhót liên hồi như người thì làm gì có nhà có cửa mà an thân lập mệnh. Đói nghèo rách nát là phải!” Để cảnh tỉnh ông bạn phóng dật, bất định, chớp mào cất giọng hơi thẳng thắn:

Khéo xảo ngôn, phản trắc,

Thiếu thành tín, buông lung,

Sống nổi trôi, khinh bạc,

Chuồn bắt hạnh, khôn cùng!

Hãy nỗ lực hướng thượng,

Từ bỏ tập quán xưa,

Dựng túp lều nho nhỏ,

Phong bão tố, nắng mưa!

Khi ta thấy bị xúc phạm, ngồi im lặng nén giận và nhận định: “Chớp mào cho ta là loại du côn mất dạy, du thủ du thực, lằng

xãn trao cử, linh ngữ xảo ngôn; đau nhất là bảo ta ác tâm phản phúc, mưu hại bạn bè. Sắc sảo và hùng biện đấy! Được rồi, ta sẽ cho mi biết thế nào là công thành danh toại, phúc thọ diên niên của mi.” Khi ta liền nhảy vọt lên cây, tính tóm lấy tổ chim xé nát và vắt hết rơm rác bay theo chiều gió, mục đích là thỏa cơn tự ái và giận mắt chớp mào. Nhưng vừa thấy khi trộn mắt vùng tay thì, nhanh như chớp, Xin-gi-la đã vọt ra khỏi tổ bay mất.

Dừng lại trong giây lát, Đức Thế Tôn tiếp:

- Thấy chưa? Khi kia chính là Sa-di Chí Động; còn Xin-gi-la đích thị là Ca-diếp vậy. Thầy nghĩ sao? Ca-diếp nên sống một mình hơn là gần gũi với hạng vô minh, thiếu trí như thế.

Ngài đọc kệ:

Nếu như không gặp bạn,

Hơn mình hay ngang mình,

Thà quyết sống một mình,

Chớ thân cận kẻ ngu.

(PC. 61)

The Story of a Resident Pupil of Thera Mahakassapa

Verse 61 – Dhammapada

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (61) of this book, with reference to a resident pupil of Thera Mahakassapa.

When Thera Mahakassapa was residing near Rajagaha, he had two young Bhikkhus staying with him. One of them was respectful, obedient and dutiful to the theras, but the other one was not. When the old theras chided the latter for his slackness in his duties, he was very much offended. On one occasion, he went to the house of a lay-disciple of the theras, and lied to them that the theras was ill. Thus, he got some choice food from them for the theras; but he ate the food on the way. When admonished by the theras for this, he became extremely angry. The next day, when the theras was out on his alms-round, the young foolish Bhikkhu stayed behind, broke the pots and pans and set fire to the forest hermitage.

When a Bhikkhu from Rajagaha told the Buddha about this, the Buddha said that it would have been much better for Thera Mahakassapa to live alone, than to live with such a foolish companion.

Then the Buddha spoke in verse as follows:

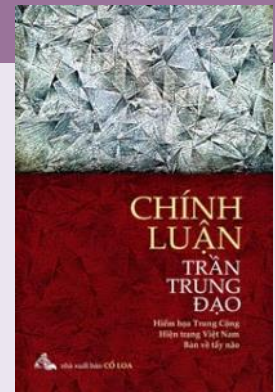
Verse 61: If a person seeking a companion cannot find one who is better than or equal to him, let him resolutely go on alone; there can be no companionship with a fool.

At the end of the discourse, the Bhikkhu from Rajagaha attained Sotapatti Fruition.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

ĐỌC 'CHÍNH LUẬN' CỦA TRẦN TRUNG ĐẠO: ĐỂ BIẾT HIỂM HỌA TRUNG CỘNG VÀ HIỆN TRẠNG VIỆT NAM

Huỳnh Kim Quang



Không phải đợi đến khi nhà cầm quyền Cộng Sản Bắc Kinh ngang nhiên đưa giàn khoan Hải Dương 981 vào vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam ngày 1 tháng 5 năm 2014 người ta mới thấy hiểm họa mất nước của Việt Nam lộ ra như một thực tế không thể chối cãi, trước đó lâu lắm, nhà thơ và nhà văn Trần Trung Đạo đã nhìn thấy rất rõ từng đường đi nước bước xâm lược của Trung Cộng đối với Việt Nam qua nhiều bài khảo luận chính trị sâu sắc và thực tế được phổ biến trên các cơ quan truyền thông hải ngoại mà nay được tập hợp lại trong tác phẩm "Chính Luận" của ông, vừa được Cổ Loa xuất bản tháng 6 năm 2014.

"Chính Luận" của Trần Trung Đạo dày 600 trang với 44 bài khảo luận chính trị viết bằng khối óc và trái tim của người tri thức Việt Nam chân chính để báo động hiểm họa mất nước trước tham vọng xâm lược của Trung Cộng. Thật vậy, đọc từng bài trong 44 khảo luận chính trị của Trần Trung Đạo người đọc sẽ thấy tác giả viết bằng nhận thức tinh táo và tinh tường với những dẫn chứng cụ thể về từng sự kiện, từng vấn đề được nêu ra. Điều gây ấn tượng nổi bật trong tất cả những bài khảo luận chính trị của Trần Trung Đạo trong cuốn "Chính Luận" là tác giả đã viết với tâm thức chân chính và tấm lòng xây dựng của một người tri thức Việt Nam có đầy đủ nhiệt huyết và niềm tin về một đất nước và dân tộc tươi sáng trong tương lai, mà niềm tin ấy tác giả đặt trọn vào tuổi trẻ Việt Nam. Có lẽ vì vậy mà tác giả Trần Trung Đạo đã ghi ngay nơi trang đầu của "Chính Luận" là "Tặng tuổi trẻ Việt Nam."

Chi tiết mà nói, "Chính Luận" của Trần Trung Đạo xoay quanh 3 chủ đề chính: Hiểm họa Trung Cộng, hiện trạng Việt Nam và bàn về tẩy não dưới chế độ Cộng Sản trên thế giới và Việt Nam.

Phân tích về "hiểm họa Trung Cộng," Trần Trung Đạo đã nêu ra các chính sách và chủ trương của một thứ "chủ nghĩa dân tộc cực đoan" mang màu sắc Đại Hán luôn luôn đi kèm theo tham vọng xâm lược đất đai và tài nguyên đối với các lân bang qua các nhà lãnh đạo Trung Cộng từ Đặng Tiểu Bình đến Hồ Cẩm Đào. Đặc biệt tác giả cũng nhấn mạnh đến sự tiếp tay của những nhà lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam với công hàm bán nước của Phạm Văn Đồng năm 1958 và Hội Nghị Thành Đô đầu thập niên 1990. Tác giả "Chính Luận" đã nhận định sâu sắc về nguyên nhân đưa đến hai sự kiện trên qua tâm thức thần phục Trung Cộng của các nhà lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam:

"Nửa thế kỷ trước, cả bộ chính trị lẫn trung ương đảng CSVN viễn du trong giấc mộng về một thiên đường quốc tế vô sản, trong đó con người mang quốc tịch Trung Hoa hay Việt Nam cũng không mấy khác nhau. Trung Cộng cố chiếm Hoàng Sa

cũng chẳng qua là giữ dùm cho Việt Nam, tốt hơn là để cho Mỹ chiếm. Nói như một chuyện cười nhưng đó là sự thật. Đảng Cộng Sản Việt Nam mang ơn Đảng Cộng Sản Trung Quốc sâu đậm. Như hầu hết tài liệu quốc tế và cả tài liệu chính thức của đảng, trong thập niên 1950, Việt Nam phụ thuộc vào Trung Cộng không những súng đạn, lương thực, chỉ huy, hậu cần, lãnh đạo mà cả tư tưởng và tinh thần." (Chính Luận, trang 220)

Tác giả "Chính Luận" cũng đưa ra những bài học lịch sử từ các quốc gia như Thổ Nhĩ Kỳ, Tiệp Khắc, Congo và Phi Châu và so sánh tình hình Việt Nam trước hiểm họa Trung Cộng. Tác giả cũng phân tích quan hệ Mỹ-Trung trong chính sách toàn cầu và đặc biệt tại Đông Nam Á để cho thấy chính sách của Mỹ đã thất bại như thế nào trước "sức mạnh mềm" của Trung Cộng và thái độ nào là khôn khéo mà Việt Nam cần chọn lựa để tự bảo vệ mình trước hiểm họa Trung Cộng. Tác giả Trần Trung Đạo nêu ra một vài chiến lược mà Việt Nam và các nước trong vùng Đông Nam Thái Bình Dương phải biết để đối phó với hiểm họa Trung Cộng. Tác giả nêu 3 điểm nổi bật như sau:

"Để đương đầu với hiểm họa Trung Cộng, các quốc gia trong vùng Đông Nam Thái Bình Dương phải biết (1) chiến lược hóa quốc tế vị trí của quốc gia mình, (2) liên kết thành một khối trong xung đột với Trung Cộng và (3) khai thác tối đa các mặt yếu của Trung Cộng." (Chính Luận, trang 156, 157)

Tác giả cũng đã cảnh báo các nước bị hiểm họa Trung Cộng không nên chỉ biết ngồi đó rên rỉ mà phải quật cường đứng lên với ngọn cờ dân chủ để thoát Trung:

"Nếu không cùng hát đồng ca dân chủ và vươn lên cùng nhân loại mà quanh năm chỉ rên rỉ vài bài ai điều rồi ngày đại tang cho dân tộc sẽ đến không xa." (Chính Luận, trang 158)

Nói về hiện trạng Việt Nam, tác giả Trần Trung Đạo đưa ra hai hình ảnh tiêu biểu của xã hội Việt Nam trong vòng gần bốn thập niên qua, kể từ ngày 30 tháng 4 năm 1975: một xã hội lụn bại và thụt lùi dưới gọng kềm nghiệt ngã của độc tài đảng trị Cộng Sản Việt Nam và niềm tin vào tương lai tươi sáng của dân tộc qua cuộc vận động tự do và dân chủ cho đất nước mà giới trẻ đang tích cực tham gia.

Với thảm họa Cộng Sản trên đất nước trong suốt gần 40 năm, tác giả "Chính Luận" viết rằng, *"Sau 37 năm, tiếng súng đã vắng đi trên đất nước Việt Nam, non sông liền một dải nhưng người dân vẫn sống trong nỗi bất an lo sợ, hàng trăm ngàn người con gái Việt phải rời bỏ quê hương đi ăn mày, làm diêm, ở đợ khắp thế giới, phần lớn trong số hơn hai triệu người Việt hải ngoại vẫn còn bị xem là "thành phần phản động bám theo chân đế quốc," và*

trong nước, những quyền căn bản như ngôn luận, đi lại, thờ phụng của người dân vẫn chưa có được, hàng ngàn người yêu nước vẫn còn bị tù đầy. Đó là sự thật, không ai tuyên truyền ai, không ai xúi giục ai.” (Chính Luận, trang 334)

Với tương lai tươi sáng của dân tộc, Trần Trung Đạo nghĩ ngay đến nhu cầu không thể không có của một “cuộc cách mạng dân chủ Việt Nam.” Và ông đã bày tỏ niềm tin rằng, “Tôi, trái lại, tin rằng, cuộc cách mạng dân chủ Việt Nam tuy sẽ rất khó khăn, đòi hỏi nhiều kiên nhẫn với các tác động từ bên ngoài và vận động từ bên trong, khi xảy ra sẽ xảy ra trong nhanh chóng và không đổ máu bởi vì tuyệt đại đa số người dân, ở mức độ khác nhau, đều thấy những bất công phi lý đang diễn ra hàng ngày trên đất nước, đều chán ghét chế độ và đều có trong lòng chung một khát vọng dân chủ tự do.” (Chính Luận, trang 344, 345)

Tẩy não là chủ đề chính thứ ba trong “Chính Luận.” Giải thích về vai trò của chính sách tẩy não trong chế độ Cộng Sản, tác giả Trần Trung Đạo viết rằng, “Khái niệm tẩy não được biết đến từ lâu qua các tà đạo, chiến tranh, tình báo, tuy nhiên chỉ dưới các chế độ Cộng Sản kỹ thuật này mới được nâng lên thành quốc sách và được thực hiện một cách triệt để, có hệ thống, bao trùm mọi lãnh vực xã hội và trong mọi tầng lớp nhân dân.” (Chính Luận, trang 519)

Sau khi phân tích các chính sách tẩy não của chế độ Cộng Sản trên thế giới qua việc “tẩy não một người,” “tẩy não một dân tộc,” “tẩy não một quốc gia thù địch,” và đặc biệt chính sách tẩy não của Cộng Sản đã thực hiện tại Việt Nam trước và sau năm 1975 để đi đến kết luận rằng, “và Việt Nam hôm nay vẫn còn chịu đựng dưới chế độ độc tài trong khi đại đa số nhân loại sống trong tự do dân chủ không phải vì tài năng của giới lãnh đạo CS nhưng chỉ vì số người bị tẩy não còn quá đông.” (Chính Luận, trang 531)

Những gì người viết bài này nêu ra ở đây chỉ là một phần rất nhỏ và rất khái lược trong số 44 bài khảo luận chính trị trong tác phẩm “Chính Luận” dày 600 trang của Trần Trung Đạo.

Có thể nói mà không sợ bị thất thố rằng “Chính Luận” của Trần Trung Đạo là một trong những tác phẩm chuyên khảo về tình hình chính trị Việt Nam và mối quan hệ trở thành “hiểm họa” giữa Đảng CSVN và Đảng CSTC đầy đủ, sâu sắc và thực tế nhất mà người viết bài này đã từng đọc trong vòng mấy chục năm qua. Tác phẩm “Chính Luận” có giá trị đặc thù không phải chỉ ở thẩm quyền kiến thức của tác giả, ở tính chính xác của tài liệu được trưng dẫn, ở những nhận định nghiêm túc, khách quan và sát hiện thực, mà còn ở tâm thức chân thành, thiết tha và xây dựng đối với tiền đồ của đất nước và dân tộc Việt Nam của tác giả nữa.

Trước tình hình bất an và nguy cơ mất nước của Việt Nam vì tham vọng bá quyền xâm lược của Trung Cộng, “Chính Luận” của Trần Trung Đạo là tài liệu quý giá cung cấp cho người đọc những điều cần biết về hiện tình Việt Nam, Trung Cộng và thế giới, cũng như con đường nào dẫn đến tương lai tươi sáng cho đất nước và dân tộc Việt Nam.

Xin chân thành cảm ơn tác giả Trần Trung Đạo và xin trân trọng giới thiệu tác phẩm “Chính Luận” của Trần Trung Đạo đến tất cả bạn đọc. Sách đã được phát hành bởi công ty phát hành sách lớn nhất thế giới là Amazon. Người đọc có thể đặt mua sách trên trang mạng của Amazon.



ƠN CHA MẸ

*Cha và mẹ nâng niu con từ bé
Ôi! Mong manh thân trẻ tựa sương mai
Tay bông ăm, thêm bàn tay che chở
Bao công lao khó nhọc tháng năm dài*

*Năm tháng rộng cha hy sinh com áo
Ngày thêm dài đêm trắng mẹ trông con
Từng miếng ăn và giấc ngủ cho tròn
Để con được ăm no và khôn lớn
Cha tựa cánh đại bàng dang thật rộng
Mẹ tình thương dịu ngọt tựa sông dài*

*Khôn lớn rồi nhìn lại có mấy ai
Nhớ cha mẹ một thời hy sinh ấy
Nay nuôi con bằng lòng mình chột thấy
Thương mẹ cha sao nói hết ơn này*

*Rồi một ngày con trẻ chắp cánh bay
Là nước mắt thêm một dòng chảy xuống
Đời tiếp nối là chuỗi ngày ước muốn
Con chỉ mong được gần gũi mẹ cha*

*Được lắng nghe được trông thấy khi già
Cha mẹ vẫn là nơi con nương tựa
Là cho đi mà không cần lời hứa
Rằng mai sau con nhớ phải trả công
Con hôm nay xin thấp nén hương lòng
Tạ ơn cha mẹ như trời biển mênh mông...*

thơ

MỸ TRANG



Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại
Giáo Hội PGVN Thống Nhất Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi - Tân Tây Lan
Văn Phòng Phó Hội Chủ Điều Hành
148 – 154 Edensor Road, St Johns Park – NSW 2176 Australia
Email: phapbao@bigpond.net.au Tel: (02) 9610 5452

Số 2

Phật lịch 2558

THÔNG BẠCH

v/v LỄ HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ

Kính gửi: - Chư tôn Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni Việt Nam tại Hải Ngoại
- Quý đồng hương và thiện nam tín nữ Phật tử

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch quý Ngài,

Kính thưa quý vị,

Bản thể Tăng già hòa hợp là chất keo sơn gắn bó mà hàng chúng Trung Tôn của Đức Từ Phụ luôn thể hiện để duy trì mạng mạch Phật pháp qua mọi thời đại.

Theo gót tiền nhân – các bậc Thầy Tổ, qua nhiều thế hệ, hàng hậu bối đã và đang kế thừa sự nghiệp hoàng pháp vì gia vụ. Để tri ân báo đức các Ngài, chúng ta cần biểu tỏ tấm lòng thành bằng lễ bái, và sự tập chung hòa hợp trong dịp lễ tưởng niệm, là thể hiện đạo tình Linh Sơn cốt nhục.

Với sứ mệnh Trưởng Tử Như Lai hay môn đệ của bậc đại giác, mong quý Ngài và quý vị đáp ứng thư mời của Ban Tổ Chức lễ Hiệp Kỷ Lịch Đại Tổ Sư – Ngày Về Nguồn, **vào những ngày 27 & 28 tháng 9 năm 2014 tại Tự Viện Pháp Bảo – Sydney, Úc Đại Lợi.**

Kính chúc quý Chư tôn pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ; đồng kính chúc quý vị vạn sự cát tường.

Sydney ngày 24 tháng 3 năm 2014

Phó Hội Chủ Điều Hành

(ấn ký)

HT Thích Bảo Lạc



**KHÓA AN CƯ KIẾT ĐÔNG KỲ THỨ 15, TỔ CHỨC TẠI TU VIỆN QUẢNG ĐỨC, ÚC CHÂU
TỪ NGÀY 01.7 ĐẾN 11.7.2014 CÙNG LỄ TẤN PHONG TRỤ TRÌ TT. THÍCH NGUYÊN TẠNG**



NĂNG LƯỢNG TU TẬP

Thích Nữ Giới Định

Trời trong xanh, thỉnh thoảng ngọn gió thổi hiu hiu, mát rượi, làm con người thật dễ chịu. Mấy hôm rày thời tiết thật dễ thương, không như tuần trước nóng không chịu nổi. California không khí tốt nhất nước Mỹ. Thật lý tưởng nên dân số ở đây cũng đông nhất trong 50 tiểu bang. Mùa an cư của Tăng Ni nhằm vào mùa Hạ là mùa nóng nhất, kể cả các tiểu bang ở miền đông, đông bắc; nhưng California vẫn là tiểu bang lý tưởng về thời tiết bốn mùa.

Bắt đầu rằm tháng tư âm lịch lễ Phật Đản xong ngày 16 là vô hạ, khoảng tháng năm, tháng sáu tây lịch, tùy theo mỗi năm mà có khác. Những đoàn hành giả tu sĩ Phật Giáo lại khăn gói lên đường vào các trường hạ để tu tập, hoặc an cư tại chùa, đây là một thông lệ của ba đời Chư Phật truyền lại, được tiếp nối qua sự truyền thừa của Chư Lịch đại Tổ Sư trải qua các thời đại, Từ Tây Thiên, Đông Độ, tới Việt Nam qua Mỹ quốc, Âu Châu.

Tiếp theo ngọn đuốc trí tuệ đoàn hậu học dù ở phương trời nào cũng tùy theo quốc độ mà sinh hoạt kiết hạ an cư. Ở Việt Nam thì an cư kiết hạ ba tháng, nhưng ở các nước như Hoa Kỳ, Canada, Châu Âu, Châu Úc thì chỉ an cư 10 ngày hoặc cao lắm là một tháng. Đạo Phật là đạo "tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên." Hành giả khéo léo biết ứng dụng khéo cơ, khéo lý, khéo xứ, khéo mà tu tập. Miễn sao thân tâm an định, trí huệ phát sanh tùy hoàn cảnh mà tiếp độ chúng sanh. Cho nên tuy chỉ an cư 10 ngày nhưng kết quả thật mỹ mãn, thời khóa tu tập sát sao chẳng khác chi ở quê nhà.

Đây là năm thứ 13 an cư kiết hạ do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ tổ chức cũng là lần thứ 8 an cư kiết hạ tại Phật Học Viện Quốc Tế, thành phố North Hills, California, do Thượng tọa Thích Minh Chí—đệ tử cố Hoà Thượng Thích Đức Niệm, làm viện chủ. Chiều ngày mùng 5 tháng 6 năm 2014 đã có những hành giả an cư tinh tấn lên hạ trường rồi, tuy thời khóa biểu bắt đầu từ ngày 6 tháng 6.

Buổi chiều vào lúc 2:00 giờ có Đại hội Thường Niên lần thứ II, Nhiệm kỳ 2 của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, được bắt đầu với diễn văn khai mạc của Hoà Thượng chủ tịch Hội Đồng Điều Hành Thích Tín Nghĩa tuyên đọc. Tiếp theo là phúc trình Phật sự của Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành do Hoà thượng Tổng thư ký Thích Nguyên Siêu trình bày; sau đó, các tổng vụ như Tăng sự, Giáo dục, Văn hóa, Hoằng pháp, Truyền thông, Nghiên cứu Kế hoạch, Từ thiện Xã hội, Pháp chế... cũng trình bày Phật sự trong một năm qua, có những việc làm tốt có những việc chưa tốt. Chư tôn đức và chư vị thức giả của Hội Đồng Điều Hành có những ý kiến đóng góp rất thực tế, vạch ra hướng đi mới cho việc hoằng pháp và các công tác Phật sự của năm 2015. Đại Hội kết thúc trong tinh thần hoà hợp và thanh tịnh.

Buổi tối có buổi họp tiền an cư và cung an chúc sự chuẩn bị cho 10 ngày an cư. Trường hạ năm nay có 158 hành giả an cư. Hoà thượng Thích Thắng Hoan

làm Thiền Chủ, tuy Ngài tuổi đã gần 90 nhưng vì tiền đồ của đạo pháp, mạng mạch Tăng Già, Ngài không được khoẻ vẫn hàng ngày cùng đại chúng thiền tọa, tụng kinh, quá đường, kinh hành, tham dự các giờ học và đóng góp ý kiến rất sinh động. Hoà thượng Thích Phước Thuận làm sám chủ; Hoà thượng Thích Tín Nghĩa Phó Thiền chủ; Hoà thượng Thích Thái Siêu làm Tuyên Luật Sư; Thượng tọa Thích Minh Chí làm Hoá chủ. Ngoài ra chư Tôn đức trong hàng Giáo Phẩm mỗi vị một nhiệm vụ với một tâm niệm gần bó đoàn kết tương trợ lẫn nhau để xây dựng một thể hệ truyền thừa thật tu thật học cho Phật giáo tại hải ngoại ngày càng phát triển hơn.

Sáng ngày 7 tháng 6 làm lễ kiết giới vào lúc 5:30. Đại chúng vân tập trong chánh điện, sau khi đánh lễ Tam bảo, sám hối xong, tụng bài tựa Kinh Lăng Nghiêm trăm hùng, thanh thoát. Lời nguyện của Ngài A Nan xoáy sâu vào tâm thức của mỗi hành giả đang hiện diện: "Nếu còn một chúng sanh chưa chứng quả, cảnh Niết bàn còn đâu dám tự an"; nhắc nhở bốn phận của người xuất gia: trưởng dưỡng tâm bồ đề, hành bồ tát đạo cứu độ chúng sanh, không thể an nhiên thọ hưởng pháp lạc khi tiếng đau khổ hàng ngày vẫn còn rên xiết trong cõi ta bà này.

Nghi thức đối thủ tác bạch an cư thật trang nghiêm thanh tịnh trong chánh điện của Phật Học Viện quốc tế. Từng ba vị đối trước bậc trưởng lão xin thọ an cư, những hình ảnh đẹp đó cố gắng lực in sâu vào tâm thức, củng cố thêm niềm tin Tam bảo, để khi ra hành đạo gặp những chướng duyên hành giả sẽ không bị ngã lòng thối chí.

Ngoài sức gia trì của Chư Phật, Bồ Tát, chư Thiên long bát bộ, Hộ pháp Thánh chúng thì năng lực hành trì của mỗi hành giả là điều quyết định cho sự tu tập của mình. Trên đường đi có lúc gặp nhiều chông gai hiểm trở, người thể gian thuận dòng sanh tử không có gì để nói, nhưng người xuất gia là lợi ngược dòng sanh tử, mà lợi ngược thì thật quá khó, cho nên trong hàng ngàn người có mấy ai tu tập được? Chỉ cần nhìn thấy hình ảnh một người đang chống chọi với dòng nước ngược để đến chỗ an toàn thì sẽ biết con đường tu tập không phải dễ, phải có trí tuệ sáng suốt có nội lực vững mạnh mới chống lại những đam mê của thế gian. Đức Phật đã đưa ra hình ảnh sống động của một người lợi ngược dòng, đang phấn đấu với thần chết, với sóng gió ba đào để cho hàng đệ tử chiêm nghiệm, thực hành trong đời sống viên ly. Không ai có thể tự hào mình tu tập hơn người khác, mình thanh tịnh hơn người khác, vì ai biết được ngày mai mình sẽ ra sao khi một niệm bất giác phát sanh. Người xưa đã nói "Bảy mươi chưa hết quẻ, chớ khoe mình lành." Vì đang trên con đường tập tu thì những sai lầm là điều không thể tránh khỏi, nếu không còn lỗi lầm thì chúng ta đâu còn ở trần gian này để tập tu, tụng kinh, bái sám làm gì cho khổ thân!

*"Đức Di Lặc ngồi trơ bụng đá
Mặc bụi trần bám đã rồi với
Dầu cho trần thế đầy với
Dững dưng như một nụ cười vô duyên."*

Diện tích Phật Học viện Quốc tế tuy không rộng nhiều, nhưng khung cảnh ở đây thật mát mẻ, cây cối xanh um, hoa muôn màu sắc với những thảm cỏ xanh mướt. Tôn dung Ngài Di lạc bằng đá trắng non nước xứ Quảng Đà, miệng mỉm cười, ánh mắt vui tươi, dù đang buồn chỉ cần nhìn thấy Ngài là bao phiền muộn tan hết cả. Tượng Quan Thế Âm Bồ

Tát, tay phải cầm nhánh dương liễu, tay trái cầm bình nước tịnh bình, rưới dòng nước cam lồ xuống cho chúng sanh nào có duyên được tắm mình trong chánh pháp sẽ hưởng được sự mát mẻ thanh lương từ nội tâm của mình. Những đàn cá tung tăng bơi lội, thanh thản không sợ sệt; những chú cá này chắc kiếp trước có tu, cho nên kiếp này tuy làm thân súc sanh được ở xứ Mỹ, được ở trong chùa hàng ngày nghe kinh kệ sớm hôm, lại được chư tôn đức Tăng Ni hàng ngày chú nguyện cho chúng sau khi bỏ thân cá, được sanh vào nơi có Phật pháp biết tu tập; hình như chúng cũng cảm ứng được năng lượng tử bi của chư Phật nên chúng thật hiền hoà không cắn nhau, không tranh giành mỗi khi chúng được cho ăn. Hình ảnh trang nghiêm y vàng trong giờ qua đường thật thánh thiện. Ngày xưa người xuất gia ba y một bát, hàng ngày vân du giáo hoá muôn loài, đời sống tự tại, lấy chánh pháp nuôi lớn giới thân huệ mạng, cơm đàn-việt độ nhật qua ngày. Cho nên trước khi ăn hành giả quán tưởng Tam đề: miếng cơm thứ nhất "Nguyện đoạn hết thầy việc ác," miếng cơm thứ hai "Nguyện tu tất cả việc thiện," miếng cơm thứ ba "Nguyện độ hết thầy chúng sinh." Ngũ quả: một kể công nhiều hay ít, từ đâu đem đến; hai xét kỹ đức hạnh của mình hoàn toàn hay thiếu sót; ba đề phòng tâm tham lam quá độ; bốn là vị thuốc để chữa bệnh khô gầy; năm vì thành tựu đạo nghiệp nên thọ món ăn này. Ngày nay đời sống định cư có chùa để ở không vân du rày đây mai đó, nhưng người xuất gia vẫn hàng ngày thọ từ vật dụng đều nhờ người đàn-việt cúng dường, cho nên trước khi ăn chư Tăng Ni cúng dường thực phẩm lên chư Phật, sau hồi hướng phước báu đến cho người tín chủ, mới thọ trai sau.

Phật Học Viện có tháp bảy tầng thờ hình ảnh tượng Phật, xung quanh treo những phong linh, mỗi khi làn gió đi qua chuông lại kêu lên leng keng nghe thật vui tai. Bên kia là Tầng kinh Các ẩn mình sau những cây dừa cao vút, nơi đó cất chứa những kinh sách thời còn Hoà thượng khai sơn thượng Đức hạ Niệm. Tổ đường, vào những mùa an cư, là nơi để chư Tăng Ni làm giảng đường học tập thuyết giảng; mọi thao thức trần trố, những kinh nghiệm tu tập, hoằng pháp, những tình cảm thiêng liêng từ chư tôn đức lãnh đạo Giáo Hội, cho đến một hành giả tuổi trẻ đều cùng san sẻ với nhau trong tinh thần hoà, tương kính. Những thuyết trình viên trình bày những đề tài do nhóm chọn, mỗi nhóm có ba vị, sau khi thuyết trình xong thì đại chúng thảo luận, không khí rất sôi nổi. Những câu hỏi được đặt ra, nếu thuyết trình viên trả lời chưa thoả đáng thì cung thỉnh chư Tôn đức bổ sung thêm. Tiếng cười vang dội trong giờ thuyết trình. Năm nay lớp học sinh động khí thế hơn những năm trước, hy vọng sang năm sẽ có nhiều Tăng Ni trẻ phát triển tài năng của mình. Chư tôn Đức trong hàng giáo phẩm luôn đặt niềm tin kỳ vọng lớp trẻ thay quý Ngài tiếp tục dẫn thân làm Phật sự, vì con đường trước mắt còn dài, Phật sự đa đoan, Đại Tăng cùng chung sức góp lòng thì không việc gì không thành tựu.

Ngoài việc giảng dạy cho Tăng Ni, có lớp giảng buổi tối cho quý Phật tử. Sau một ngày làm công quả phụng sự Tam Bảo, buổi chiều được thực xong tất cả Phật tử vân tập vào chánh điện nghe pháp do chư Tăng Ni chia xẻ những bài pháp thật gần gũi trong cuộc sống của người Phật tử tại gia. Thật cảm động khi thấy có những cụ già tuổi ngoài 70, 80 vừa lật rau vừa niệm Phật, khuôn mặt thanh thản; có những em bé rất nhỏ cũng theo ba mẹ đến chùa tụng kinh, niệm Phật, kính hành theo đại

chúng. Đặc biệt buổi sáng công phu xuống gian hàng cà phê thơm phức, ai đi ngang đó không thể không ghé lại; hơn nữa những nụ cười trên môi luôn mím cười, mời đại chúng dùng cà phê đen cà phê sữa nóng lạnh đều có; buổi chiều thì có sữa đậu nành, nước cam, nước chanh... Trong tâm niệm ai cũng mong đóng góp một công sức rất nhỏ vào trong biển Phật pháp, tuy công việc nhiều nhưng ai cũng hoan hỷ khi làm phận sự của mình. Ngoài ra chư Tôn Đức trong các đạo tràng hướng dẫn chư Phật tử cúng dường tịnh tài tịnh vật lên Đại Tăng; các em nhỏ được cha mẹ hướng dẫn cúng dường, một bì thư dâng lên là một câu niệm Phật phát ra từ những tâm hồn thơ ngây trong trắng; chư Tăng Ni xin chúc nguyện cho các em đời đời thường gặp chánh pháp, sanh ra trong gia đình thâm tín Tam bảo, kết duyên với đạo giải thoát.

"Bồ đề tâm tư thuở nào

Xưa nay thanh tịnh lâu lâu như gương

Muốn tu chứng đạo chân thường

Bồ đề tâm nguyện sớm trưa tu trì."

Năng lượng tu tập của mỗi hành giả trong mùa An Cư Kiết Hạ là góp phần củng cố Tăng đoàn, tạo thêm sức mạnh nội tâm, giữ gìn truyền thống của ba đời Chư Phật - Lịch Đại Tổ Sư, gây thêm niềm tin cho hàng Phật tử tại gia. Một người tu tập, 158 vị cùng tu tập thì nội lực được nhân lên hơn trăm lần, sức mạnh của sự tu tập không thể nghĩ bàn. Trong những ngày An Cư hành giả thâm nhiếp sáu căn, phòng hộ ba nghiệp, chuyên tu tập Tam Vô Lậu Học là Giới Định Huệ, tạo thêm năng lượng nội tâm, có như vậy mới khai thông trí tuệ, bồi đắp lòng kiên nhẫn, phát triển tâm tử bi khi đối diện những trái ý nghịch lòng để dẫn thân làm Phật sự.

Mười ngày trôi qua nhanh. Chiều 25 có buổi tiệc trà thân mật để khuya mai làm lễ Tự Tứ, sau đó chư tôn đức về trụ xứ tiếp tục con đường hoằng pháp lợi sanh, và chư Phật tử cũng dẫn thân làm Bồ Tát hạnh trong cuộc sống đời thường của mình. Chúng ta cùng phát nguyện trọn đi trên con đường chánh đạo, lợi lạc tha nhân. Có một chút công đức xin hồi hướng cho pháp giới chúng sanh hữu tình vô tình đồng trọn thành Phật Đạo.

Thích Nữ Giới Định



Temple HoPhap.Net - 2014

Bạch Xuân Phê, người Thơ dưới bóng Thiền

NGUYỄN HOÀNG LÃNG DU

Bạch Xuân Phê là nhà thơ không xa lạ gì với nhiều người. Anh còn có biệt-hiệu là Tâm Thường Định. Thơ anh đã xuất-hiện trên nhiều trang mạng, trên báo-chí trong và ngoài nước. Anh đã cho ấn-hành bốn tập thơ "Hương Lòng", "Mẹ, Cảm-Xúc Và Em", "AWAKEN: Buddhism, Nature, and Life", và "Tuồng Niệm và Tri Ân."

Anh làm thơ theo các thể-loại khác nhau viết bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh. Thi hứng anh dồi-dào: gặp người quen: anh làm thơ; nhìn khung-cảnh đẹp: anh làm thơ; thấy hoa nở: anh làm thơ... Con người anh dễ rung-động với những gì xảy ra trước mắt.

Thơ anh có lúc đơn giản như ca-dao, có lúc mượt-mà như đồng mạ non buổi sớm; có lúc thô-sơ như những con đường đất quê-hương.

Anh không chú-tâm vào cái bóng-bẩy, kiểu-cách mà chân-thật đơn-giản.

Viết về người Mẹ với tấm lòng bao-la trong tình suối nước non ngàn, Như Lý biến cát,... anh ghi lại bằng những đề-tài mà chưa một ai chọn-lựa như "Cắt Móng Tay Cho Mẹ", "Mẹ Đang Bệnh", "Cái Nốt Ruồi Của Mẹ". Nói như thế không có nghĩa là không có những câu thơ trác-tuyệt:

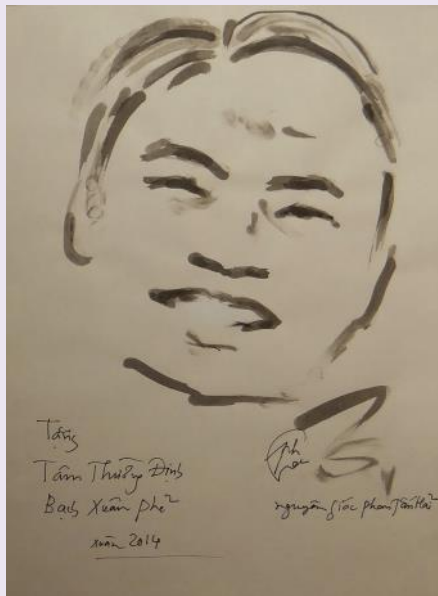
*Đến đi trong cõi sắc hương
Thong dong, tự tại con đường mẹ đi
Mẹ mệnh mông côi từ-bi
Mây qua đỉnh núi thoát ly vô thường.*
(Thương Mẹ, Thương Cả Nhân Sinh)

Viết về người Cha với hình ảnh của bầu trời rộng lớn trắng sao, của rừng già xanh mướt, của điệu hò còn vang-động cuối trời, anh đã để tình-cảm tình-cảm tràn-ngập yêu-thương thành-kính.

Anh viết về vợ, về con với những đề-tài tưởng như rất thường, rất nhỏ nhưng thơ anh biến các điều đó thành những gì trân-quý, đáng giữ-gìn.

Anh cũng viết về hình ảnh người đẹp mà ai cũng muốn có làm bạn đường:

*Ta chết ngắt, một thời em gái Huế
Thân mảnh mai, gò má đỏ hồngNụ cười đó, mái*



*tóc huyền rất mượt
Nay xa rồi, hình bóng vẫn đâu
đây.*

(Dĩ Vãng Một Cuộc Tình)

Thơ Bạch Xuân Phê không than-van, rên-rỉ; không chán-chường, yếm-thế.

Anh dùng cả những dịp không may để giáo-dục con cái. Có lần, mắt anh bị đau phải băng một bên. Hai con trẻ tinh nghịch cùng băng mắt, thế là anh có cơ hội dạy con được cái kinh-nghiệm "Mắt Một Con Nhìn Đời".

Bạch Xuân Phê có cái nhìn lạc-quan với cuộc đời. Hai câu thơ sau đây có thể được coi là đạt đạo:

*Trăm cay đắng, trăm ngậm ngùi
Thấy trong tuyệt vọng, niềm vui
tròn đầy*

(Kiếp Phong Trần)

Bạch Xuân Phê viết nhiều về Đạo. Những bài thơ dù dưới đề-tài nào

cũng chan-hòa ánh đạo vàng:

*Ai nhỏ bé trước thiên-nhiên hùng vĩ?
Nhịp tim nào thổn thức trước ngàn sao
Và tiểu ngã chan hòa cùng đại ngã
Ôi hư không! em có nếm vô thường?*

(Núi Rừng Bảo Pháp)

Người làm thơ thường hay viết về "em". Bạch Xuân Phê cũng không tránh được điều này... Em với mái tóc của thơ và mộng trên những con đường mùa xuân hoa nở đẹp trong mơ. Nhưng dù đường Bắc, đường Nam, đường Đông, đường Tây em vẫn sẽ hạnh-phúc vì em có được cái tâm Bồ-Đề:

*Con đường lớn em thông dong nhẹ bước
Mái tóc huyền lặng lẽ bỏ lại sau
Bồ Đề Tâm vun trồng vết niềm đau
Đường hỷ lạc ai ung dung đang đến*

(Nụ Cười An Lạc)

Anh không chỉ nhìn Đạo qua hình ảnh bề ngoài của một ngôi chùa, Bạch Xuân Phê ngộ được Đạo trong triết-lý thâm sâu mà không phải ai cũng được cái Duyên này.

Từ trong chùa nhìn ra, những bức tường vây quanh không che được cái chân trời rộng lớn trước mắt anh... Anh thấy vẻ đẹp của thiên-nhiên, thấy vẻ đẹp của Con Người, thấy vẻ đẹp của các tôn-giáo khác vì thế anh viết "Phật Chứa Trong Ta", anh viết

lời ca-ngợi ca-tụng vị lãnh-đạo tinh-thần của Công Giáo: "Giáo Hoàng Mới, Hy Vọng Mới" (New Hope, New Pope)

Thơ anh còn là tiếng chuông đánh thức lương-tâm của nhân-loại:

*In Phnom Penh, Cambodia
The early teenager girls
Trading their virginity for food
For their love ones to survive.
(Phnom Penh)*

hoặc:

*The temperature reaches 110
degree Fahrenheit
A homeless woman
And her belongings
Try to take refuge
In an air-conditioned shopping
mall
She was asked to leave.
(The First World)*

Điều lạ-lùng nơi Bạch Xuân Phê là không ai dạy anh làm thơ khi còn ở Việt Nam và sau khi sang Mỹ năm 15 tuổi. Anh tự học.

Ông nội anh có lần hô-hào người trong Làng cứu một chiếc thuyền bị nạn ngoài khơi. Khi thoát nạn, người trên thuyền làm một bài thơ tặng. Mẹ anh ru các con lớn lên bằng bài thơ ân-nghĩa đó... Có lẽ tình yêu người, sự tận-tụy và hy-sinh của gia-đình đã làm thơ anh phảng-phất cái Tinh Đạo của Dân-Tộc.

Muốn thơ có thể vượt biên-giới tới những người khác chủng-tộc thì thơ ít nhất phải có tư-tưởng, hình ảnh, màu sắc trong đó. Số người làm được thơ như thế không nhiều nhưng Bạch Xuân Phê có thể là một trong những người hiếm-hoi đó.

*Viết tại trang Đào Trúc
Nguyễn Hoàng Lăng Du*



THE LOVING MOTHER FOR HER SON

*The loving mother is always immersed,
hearing the news that her son passed away,
caused painful sensation in her stomach.
Replacing her husband to raise her children bravely,
she loved her son completely and selflessly
without resentment.
She was overwhelmed with tears,
faraway from Vietnam, she can't come back home.
The sky is so dark, the day her son said farewell
to the world,
seeing the old pictures of memories make her very sad.*

YÊU CON TRỌN VỆN BÊN BA CHẴNG NỀ

*Tình thương của mẹ bao la,
tin con đã mất tâm là xót sa.
Thay chồng gánh vác xông pha,
yêu con trọn vẹn bên ba chẳng nề.
Tuôn rơi nước mắt đầm đề,
bên kia nước Việt đường về cách ly.
Bầu trời tối thăm con đi,
nhìn hình ảnh cũ làm chi gọi buồn!*

thơ

TRẦN Ý THU

(July 10th, 2014)

MỪNG NGÀY KHÁNH TUẾ VÀ LỄ AN VỊ TÔN TƯỢNG BỒ TÁT ĐỊA TẠNG TẠI TRƯỜNG HẠ PHỔ ĐÀ SƠN TU VIỆN

Diệu Trang

1. MỪNG NGÀY KHÁNH TUẾ QUÝ CHƯ TÔN HT, TT, ĐĐ TĂNG NI

Thế theo giáo luật và truyền thống Phật Giáo, mùa An Cư Kiết Hạ lần 26 năm nay của GHPGVNTN Canada được tổ chức tại Tu Viện Phổ Đà Sơn.

Tu Viện nằm trên ngọn đồi yên tĩnh cách xa hoàn toàn nơi thị tứ lao xao, là không gian thích hợp cho quý Tăng Ni, mà sau gần một năm du hóa khắp nơi hoằng truyền Chánh Pháp, về đây an trú, trước là củng cố đạo lực và lòng từ bi (đối với các côn trùng sinh sôi nhiều vào thời kỳ mùa mưa này), sau là củng cố lại lời dạy của đức Thế Tôn, noi gương từ các bậc trưởng thượng, cùng thúc liễm thân tâm, học hỏi lẫn nhau và cùng nhau sách tấn trên con đường thực hành lời Phật dạy. Đồng thời đạo tràng trong mùa an cư cũng là nơi để hàng Phật tử tại gia đến để tạo nhiều phước duyên cho mình qua các công tác Phật sự như cúng dường trai tăng, thực phẩm, thuốc thang, tịnh tài, và cả thời gian trong ban đưa rước, ban trai soạn, ban hành đường, v.v... Hơn hết là tạo được duyên lành khi được cùng tụng kinh, niệm Phật, tọa thiền cùng với các quý Tăng Ni trong các thời kinh sáng, trưa, tối.

Năm nay có khoảng 40 vị chư tôn đức Tăng Ni đã về trường hạ trong suốt 2 tuần qua, từ 29.6 đến 13.7 năm 2014. Ngày đầu, chứng minh trường hạ có Đại lão HT Thích Tâm Châu, HT Thích Tử Diệu, HT Thích Minh Đạt, HT Thích Thông Hải. Vào ngày cuối cùng của trường hạ hôm nay, về phần các vị HT, người viết nhận thấy có sự hiện diện của HT viện chủ Thích Bốn Đạt, HT Thích Tử Diệu, HT Thích Minh Đạt, HT Thích Thông Hải, đều đến từ Hoa Kỳ. Số quý vị chư tôn đức Tăng Ni còn lại đa phần đều là những vị thân quen đến từ các thành phố thuộc tỉnh bang Ontario, Canada, có vài vị đến từ Hoa Kỳ.



Cũng như nhiều trường hạ khác bấy lâu theo truyền thống, trường hạ tu viện PDS này cũng có đầy đủ các chương trình tu học mà vị Hòa Thượng viện chủ đã khéo léo phân chia thời khóa thích hợp cho việc học và hành.

Mặc dù trọn thời gian trong ngày, quý Tăng lữ phải tuân thủ nghiêm ngặt các giáo luật của giới trường (*phạm vi cương giới trong đất già-lam mà chư tăng đã tác pháp yết-ma cùng cộng trú trong suốt thời gian tu học*), nhưng 2 tuần an cư này cũng là nơi quy tụ và hội ngộ của tình Thầy trò và tình thân đạo hữu, để cùng nhau chia sẻ, trao đổi những kinh nghiệm hành đạo ở hải ngoại mà các hành giả lưu vong đã kham nhẫn, kiên trì giữ gìn mạng mạch Chánh Pháp.

Rồi hai tuần tinh tấn tu học cũng qua, buổi sáng Chủ Nhật, 13.7, là ngày giải giới trường an cư. Theo luật yết-ma, quý Tăng Ni chính thức tròn thêm một hạ lạc. Một tuổi Đạo quý hơn một tuổi Đời. Nhưng nếu lìa xa Đời thì Đạo không có ý nghĩa chi. Chính vì thế, sau mỗi mùa an cư, được thêm một tuổi Đạo, là quý Tăng Ni càng ý thức rằng phải tiếp tục dẫn thân vào biển đời khôn khó để cứu giúp chúng sinh vượt thoát bao khổ lụy vô thường. Đó là hạnh nguyện của những vị Bồ Tát hóa thân đi vào cuộc đời bằng tinh thần Bi Trí Dũng. *Bi*, đã luôn có sẵn trong tâm người con Phật đối trước cảnh khổ đau của chúng sinh. *Trí*, đã có được nhờ sự tinh tấn quán chiếu các pháp thế gian để thấy rằng tất cả các pháp là, khổ, không, là vô ngã. *Dũng*, đã được tôi luyện bằng sự dẫn thân giữa muôn vàn gươm giáo phóng ra từ tham sân si mà không hề bị trúng nhiễm hay tham đắm. Để từ đó, với tinh thần Bi Trí Dũng đó, từng vị Bồ tát tận diệt khổ đau cho chính mình và cho tha nhân.

Mừng ngày Khánh Tuế quý chư Tôn Đức Tăng Ni, hàng Phật tử chúng con tạc dạ tri ân chư tôn HT, quý TT, ĐĐ Tăng Ni đã cho chúng con những ngày an lạc. Chúng con ngưỡng mong quý Ngài pháp thể khinh an, Phật sự viên thành và chóng đạt thành quả vị Phật.

2. LỄ AN VỊ TÔN TƯỢNG BỒ TÁT ĐỊA TẠNG

Với năng lực, đạo lực và tín tâm của đạo tràng sau khi mãn hạ, buổi lễ sái tịnh và an vị tôn tượng ngài Bồ Tát Địa Tạng sẽ được cử hành.

9 giờ sáng cùng ngày, sau nghi thức giải giới trường an cư, tất cả quý chư tôn HT, TT, ĐĐ Tăng Ni và hàng cư sĩ Phật tử, các anh em GĐPT, đã cùng nhau thiết trí lễ đài chuẩn bị cho buổi lễ sái tịnh và an vị tôn tượng Ngài Địa Tạng Bồ Tát. Khi các bước cuối cùng chuẩn bị gần xong thì một cơn mưa tầm tã trút xuống. Buổi lễ vẫn được tiến hành theo dự tính,

nhưng để đạo tràng được thanh tịnh và trang nghiêm, nghi thức buổi lễ được cử hành bên trong Chánh điện. Không gian yên bình và tịch tĩnh bỗng trở nên màu nhiệm bởi tiếng mưa rào. Mưa rơi suốt khoảng thời gian hành lễ. Từng lời niệm hương, tán Phật, từng lời phát nguyện chân thành, từng biến chú đại bi vi diệu, v.v... mỗi mỗi âm thanh vang vọng đều hòa cùng tiếng mưa tiếng gió bên ngoài. Mật ngôn vang động khắp núi đồi rừng phong sống nước. Nước mưa hay nước mắt chư thiên? Nước mắt trần gian hay nước cam lồ tịnh thủy? Trong lúc đạo tràng trì chú đại bi bên trong chánh điện thì HT viện chủ Thích Bốn Đạt, HT Thích Từ Diệu đại diện từng bước chân chánh niệm xuống dưới tượng đài Bồ Tát Địa Tạng làm lễ sám tịnh. Những người con Phật đang ăn năn sám hối phạm phu trong Chánh điện một cách an lành, thì ngoài kia các vị Bồ Tát Quán Âm và Bồ tát Địa Tạng vẫn trang nghiêm đứng dưới trời mưa bão. Lặng lẽ mà kiên định, các Ngài hứng chịu thay chúng sinh bao nỗi khổ đau với hạnh lắng nghe của Bồ Tát Quán Thế Âm, và bằng hạnh nguyện vĩ đại của Bồ Tát Địa Tạng: “Chúng sinh độ tận, phương chứng Bồ đề. Địa ngục vị không, thệ bất thành Phật.”

Bồ Tát Địa Tạng đã phát đại nguyện cứu độ hết thảy nỗi khổ của chúng sinh bằng đại Bi tâm rộng lớn như hư không, như đại địa. Ngài đưa đường dẫn lối cho chúng sanh thoát khỏi chốn u minh bằng ánh sáng Trí tuệ của hạt minh châu. Ánh sáng tuệ giác ấy giúp chúng sinh thấy được đâu là nguồn gốc của khổ đau và sinh tử luân hồi. Với tích tượng trên tay, Ngài dẫn thân vào cuộc đời uế trước bằng sự Dũng mãnh phi thường và kiên định. Giữa biển đại dương sinh tử này, nếu một chúng sinh còn lênhên dềnh trôi giạt, thì Ngài vẫn chưa thể nhập Niết Bàn tịch tĩnh. Nơi địa ngục tối tăm, nếu chúng sinh nào thấy và nương theo ánh sáng tuệ giác của Ngài thì cảnh giới Ta Bà sẽ là cõi Tịnh.

Nhân duyên của sự thành tựu hôm nay là một câu chuyện cảm động mà HT viện chủ đã tâm tình sau khi nhận được lời tán thán công hạnh từ HT Thích Minh Đạt. HT Viện chủ kể trong nghẹn ngào xúc động: Sau mấy ngày vượt biên trên chiếc thuyền nan, thuyền bị ép vào các cây đước bị nứt và chết máy, trôi dạt giữa biển khơi, thuyền vừa trôi còn người thì vừa tắt nước. Thuyền nhân phải dùng chiếc mền thay cho máy nổ, bộc gió lênhên dềnh trên biển suốt 10 ngày như thế. Và nhờ Phật Pháp đầy đủ giữ được thân mạng phạm phu, nên HT đã phát nguyện dùng hết tâm lực mình để phụng sự cho Tam Bảo. Và nhân duyên cũng đến, nhờ sự hỗ trợ của các Phật tử, HT mua được mảnh đất trên ngọn đồi này với tâm nguyện xây nên một Tu Viện khiêm nhường hầu làm nơi tu tập cho Phật tử địa phương. Thời gian đầu khi mới khai sơn, ngọn đồi chỉ là nơi đầy cỏ dại giữa bát ngát rừng phong, và bạt ngàn cây thông. Trong số các Phật tử đến giúp khai hoang, có Phật tử khiếm khuyết, tứ chi chẳng đặng đầy hoàn hảo mà nhiệt tình phụ giúp. Và một hôm, một cơn đại phong kéo đến khi vị Phật tử đó đang chạy xe cắt cỏ bên ngoài chẳng ngại gió to, thì bỗng một thân cây ngã xuống. Tránh sao khỏi tai nạn này, vị Phật tử đó đã dừng hơi thở cuối cùng. Trước cảnh thương tâm đó, HT viện chủ đã phát thệ nguyện rằng, nơi vị Phật tử ấy mất, sẽ là nơi mà HT muốn tôn trí tượng Bồ Tát Địa Tạng, trước là để tri ân sự hy sinh thân mạng của Phật tử ấy vì ý nguyện làm trang nghiêm ngôi già lam, sau là nguyện cầu Bồ tát Địa Tạng hướng dẫn hương linh Phật tử ấy không bao giờ bị rơi đọa vào cảnh giới địa ngục tối



tăm. Vị Phật tử ấy tên là Huỳnh Tấn Anh Kiệt, pháp danh Giác Trung, hưởng dương 32 tuổi.

Nếu như tám người con Phật trở nên vững vàng như đá tảng theo từng lời phát nguyện trước Ngài Địa Tạng do TT Thích Tâm Hòa đại diện đọc lên, thì phút giây này, đại chúng chùn lòng trước câu chuyện ký ức mà HT viện chủ ôn lại. Những giọt nước mắt lại rơi theo sự nghẹn ngào của vị viện chủ. Đại chúng không chỉ lặng nghe mà còn thấy luôn cả những hình ảnh xưa đang diễn ra sống động dưới cơn cuồng phong năm ấy. Giờ này, nơi đây, trời không chỉ có gió mà còn có mưa. Có lẽ, đạo tràng thành tâm quá nên đã làm cảm động đến chư thiên. Mưa giội tạo nên khoảng khắc linh thiêng khi tâm thức con người và vũ trụ hòa làm một.

Đồng tâm cùng HT Minh Đạt, người viết xin được tán thán, tri ân công đức và hạnh nguyện Bồ tát của HT viện chủ Bốn Đạt, và chúc cho HT: chân không cần cứng lắm, nhưng với tinh thần kiên định như Bồ Tát Địa Tạng để không chỉ hóa thân đi vào cuộc đời đầy khổ não mà còn bước xuống tận địa ngục trần lao cứu vớt hết tất cả pháp giới chúng sinh trong ba cõi sáu đường.

Thành tâm kính chúc mừng HT viện chủ đã hoàn thành tâm nguyện của ngày đầu lưu vong trên đất khách. Nay ngôi thánh địa Phố Đà Sơn đã nhiều phần thành tựu trang nghiêm với hồ Bát Chánh Đạo, vườn Lộc Uyển, Cổng Tam Quan, lễ đài Quán Âm, Chánh điện mới thoáng rộng; và hôm nay đây đủ phước duyên, có thêm tôn tượng của vị U Minh Giáo Chủ Địa Tạng Vương Bồ Tát. Đó là hình ảnh đẹp về cả hình thức của một ngôi già lam sơn thượng, và đẹp luôn ở ý nghĩa của tinh thần Bi (Bồ tát Quán Thế Âm), Trí (Đức Bốn Sư Thích Ca), Dũng (Bồ Tát Địa Tạng) của Phật Giáo Đại thừa.

Trong nhiều kiếp tiền thân, trước khi phát thệ nguyện cứu độ khắp tất cả pháp giới chúng sinh thì bồ tát Địa Tạng đã từng là những người con hiếu đạo. Mặn hạ, hình ảnh của vị Bồ Tát Địa Tạng và tinh thần hiếu hạnh của Bồ tát Mục Kiền Liên, cũng như nội lực tu tập trong mùa an cư của các vị lão Tăng và quý Tăng Ni sẽ là một đạo tràng Vu Lan Báo Hiếu đúng nghĩa trong tinh thần Phật Giáo chân chính.

Tháng 7 về, kính chúc tất cả người con Phật ở khắp nơi hân hoan đón mừng một mùa Vu Lan tròn đầy hiếu hạnh.

Tháng 07, 2014

Quả Dẹp Về Tây

HUỆ TRÂN

Khi nhắc tới Tổ Bồ Đề Đạt Ma, có lẽ đa số Phật tử đều nhớ ngay đến đôi mắt của Ngài. Bất cứ hình tượng Ngài đặt ở đâu, trong tối, chỗ sáng, trên cao hay dưới thấp thì kẻ nhìn vào cũng lập tức bị thần lực của đôi mắt mở lớn, chiếu thẳng suốt tâm can khiến phải rung động đến khiếp sợ!

Tôi cũng chẳng đi ra ngoài đa số đó, nhất là thời gian mới “chập chững” đến chùa, thoáng thấy hình tượng hay chân dung Tổ ở đâu là tôi phải thở thật sâu, thư giãn thân tâm rồi mới dám chiêm ngưỡng! Uy lực của Tổ hình như dồn cả vào đôi mắt. Tôi đã từng tưởng tượng, nếu tôi đi cầu đạo như ngài Huệ Khả, chẳng quản ngại chi giá rét tuyết băng, quyết quỳ ngoài cửa động mong chờ Tổ đoái hoài; Nhưng khi Tổ thương tình bước ra, khai thị bằng cách quát to: “*Đem cái tâm bất an ra đây ta ăn cho!*” thì chắc bao nhiêu “dũng khí” trong tôi, nếu không đông thành đá, chắc cũng tan ra nước, hồn vía lên mây, còn nhớ chi mình quỳ đây để làm gì!

Thế nên, tuy cứ lần mò tìm sách vở những giai thoại về Tổ Bồ Đề Đạt Ma để đọc mà ít khi dám chiêm ngưỡng thật lâu dung nhan vị Tổ “*Cửu niên diện bích*”. Nhưng may quá, một lần được nghe huyền thoại về câu chuyện “Chích Lý Tẩy Quy” nghĩa là Quả Dẹp Về Tây, lại có thêm cuốn Thiền Đốn Ngộ của Thầy Thanh Từ với hình bìa là ảnh phác họa Tổ đang thông dong trên đường thiên lý, không thị giả cũng chẳng tiểu đồng, chỉ một nhánh khô làm đòn gánh, một đầu cột chiếc dép cỏ, đầu kia nắm tay vịn, vác qua vai.

Tấm hình đó linh động đến mức tôi có cảm tưởng Tổ vừa đi, vừa mỉm cười. Đúng thế, chín năm tọa thiền nhìn vách hay nhiều năm bôn ba hoằng pháp cũng chỉ là một phút về Tây! Đôi mắt luôn sáng quắc suốt thời gian truyền dạy nhân gian biết thực chỉ chân tâm kiến tánh thành Phật, nay đôi mắt đó đang mỉm cười trên đường về Tây với chỉ một chiếc dép trên vai; còn chiếc kia, Ngài đã lưu lại một công án oái oăm cho nhân thế miệt mài tìm kiếm trong huyết mội!



Đôi mắt trong tấm hình Quả Dẹp Về Tây thật là an lạc, thân thương, từ bi và hiền hòa biết bao!

Ở phút bất ngờ nhất, tôi chạm vào đôi mắt này trong nhà Tổ của chùa Phật Tổ, tỉnh Long Beach.

Đôi mắt với đầy đủ sự an lạc, thân thương, từ bi và hiền hòa này không trên hình tượng Tổ Bồ Đề Đạt Ma mà là từ chân dung cổ Hòa Thượng thượng Thiện hạ Thanh.

Lần đầu nhận ra điều đó, tôi bàng hoàng sững sốt, rồi vui mừng, cảm động. Hôm đó tôi đã đứng thật lâu, rất lâu trước chân dung vị Hòa Thượng đã khai đường đạo tràng Phật Tổ. Ngài là ai mà có đôi mắt tôi từng ngưỡng mộ này?

Nhớ lại, đó là trung tuần tháng sáu năm 2006, là lần đầu tiên chùa Phật Tổ nhận trọng trách tổ chức trường Hạ và cũng chính là cơ duyên tôi lò dò tìm đến.

Cứ đọc loáng thoáng đó đây về luật Phật chế, mỗi năm hàng xuất gia phải một lần An Cư Kiết Hạ để cùng nhau kiểm điểm quá trình tu tập, thức liễm thân tâm, nhưng trường Hạ thường tổ chức ở tận đầu đầu, con dễ mèn nhất cây như tôi làm sao dám một mình phiêu lưu ký đi tìm.

Thế nên, khi nhận được thông tin trên báo chí là trường Hạ năm 2006 sẽ tổ chức tại chùa Phật Tổ, tỉnh Long Beach, miền Nam California, gần nơi tôi cư ngụ thì tôi mừng quá, phải tìm đến xem An Cư Kiết Hạ là thế nào?

Có ngờ đâu, chẳng phải chỉ là sự tò mò của chúng sanh vô minh, mà có lẽ chính đôi mắt “*Quả Gánh Về Tây*” đầy tình thương của cổ Hòa Thượng đã soi đường cho Kê Cùng Tử tìm được đường về nhà.

Tới ngày thứ tám của chương trình An Cư Kiết Hạ được trang trọng chỉ định là ngày Đại Giới Đàn Thiện Thanh.

Đại Giới Đàn đã mang tên cổ Hòa Thượng khai sáng chùa Phật Tổ.

Ngài là vị chân tu giới đức vẹn toàn, đã từng du học tại Thái Lan với học bổng ba năm của hoàng gia Thái trân trọng trao tặng. Sau khi hoàn tất chương trình học tại Thái Lan, Ngài qua Ấn Độ, tiếp tục Phật học tại đại học Na Lan Đà và đậu bằng Tiến-sỹ tại đây. Với sở học uyên thâm và đức độ cao trọng, Ngài đã được đại học Ma Kiệt Đà mời ở lại làm giáo sư môn Phật học. Cuối thập niên 70, Ngài có cơ duyên định cư tại Hoa Kỳ. Nơi đây, Ngài tiếp tục phát tâm hoằng pháp khi nhận chức vụ giáo sư trường đại học Đông Phương tại Los Angeles.

Chùa Phật Tổ được Ngài thành lập không ngoài mục đích cho đồng hương Phật tử ở thành phố Long Beach có nơi nương tựa tinh thần. Khởi đầu, chánh điện chỉ là phòng khách ngôi nhà đơn sơ nằm trên



Phat To Temple 2014 - HoPhap.Net



Phat To Temple 2014 - HoPhap.Net

con đường nhỏ, nhưng Ngài đã có sẵn chủ định phải biến nơi này thành đạo tràng thuần túy tu học. Với chủ định đó, chẳng những bao nhiêu lợi tức dạy học khắp nơi đều dồn vào việc trả mau cho dứt nợ nhà mà Ngài còn tự sửa sang từng phần, tiết kiệm, dè xén từng đồng khi mua vật liệu. Tôi từng nghe giai thoại, một Phật tử thương Ngài, đến phụ việc, thấy Ngài ngồi gõ cái đinh cong, người Phật tử thưa: "Đinh ở đây rề rề, thầy gõ làm chi cho mất công vậy?". Ngài vẫn vừa gõ cái đinh cong, vừa cười nhẹ nhàng: "Rề thì rề, nhưng có thêm cái nào, đỡ tốn cái này!"

Người Phật tử đó chắc đã cùng khóc như mưa với đệ tử của Ngài khi biết phút lâm chung, lúc thay y áo cho thầy, đệ tử mới hay Sư Phụ tần tiện đến mức mặc đồ lót và chẳng vá đúp!!!

Kính lạy Giác Linh Hòa Thượng,

Năm nay, Lễ Húy Kỵ lần thứ 19, tưởng niệm vị Tôn Sư khai sáng chùa Phật Tổ, cũng là năm thứ 7, con được về nương tựa đạo tràng này, do những cơ duyên tình cờ, nhưng dường như là định mệnh đã an bài, để con được là con trong một gia đình tâm linh, luôn có sự đùm bọc, che chở, yêu thương.

Bất cứ khi nào đi ngang Nhà Tổ, ngược nhìn chân dung Hòa Thượng, con đều cảm nhận ánh mắt bao dung đang mỉm cười. Hẳn là Hòa Thượng đã an lòng "Quảy Dép Về Tây" khi tâm nguyện muốn dựng lập đạo tràng Phật Tổ là nơi chuyên tu học, nay đang mỗi ngày mỗi tinh cần, vững chãi.

Chúng con, hàng hậu học đang được thọ nhận vô lượng phước báu Hòa Thượng để lại, không biết dùng ngôn ngữ nào của nhân gian mà bày tỏ cho tường, lòng tri ân Tôn Sư đã thầm lặng hy sinh, hiến lộ thân giáo mà soi đường cho chúng con tìm về Ngôi Nhà Phật của chính mỗi tự thân, như lời người xưa đã nói:

*"Trên triền núi ngũ uẩn
Là căn nhà Phật xưa"*

Sư phụ chúng con, người kế thừa chăm lo Phật Tổ Tự thường tâm sự rằng, dù gần hai thập niên đã qua, nhưng chưa từng cảm thấy xa cách Hòa Thượng, vì tình thương của Ngài luôn phảng phất quanh đây, từ trên tầng lá bồ đề mướt xanh sân trước, tới nhánh ngọc lan thơm ngát vườn sau.

Tạ ơn Hòa Thượng vẫn nhìn xuống chúng con, chia sẻ, che chở và sách tấn.

Cẩn bái

Tỳ kheo ni Thích nữ Huệ Trần
(Phật Tổ Tự, Tháng 7/2014)



Phat To Temple 2014 - HoPhap.Net



Phat To Temple 2014 - HoPhap



Phat To Temple 2014 - HoPhap.Net

LÁNG LAI TÌNH MẸ

Đến bên đời, tôi chưa từng thấy Bó
Tôi chưa hề biết ấm lạnh tình cha
Bao tháng ngày Mẹ im lìm một bóng
Nuôi lớn con thơ đông cả hai vai:
Khi là Mẹ, ngọt ngào như bầu sữa
Khi là Cha, thời Nghiêu Thuấn trang nghiêm.
Quanh quân bên Mẹ, tôi hỏi Ba đâu nhỉ?
Mẹ bảo: không may Ba bỏ con đi!
Ba, bên kia thế giới đã phân kỳ
Tôi hỏi Mẹ: Bóng hình Ba đâu nhỉ?
Mẹ bảo rằng: Nội đốt chẳng còn chi!
Vì thương Ba, chẳng lưu lại chút gì!
Thế hà Mẹ! tôi ngậm ngùi thương tiếc...
Lớn vài tuổi, nhắm chừng tôi hơi biết
Rồi một bóng người, xuất hiện bỗng nhiên!
Xưng là Ba, từ qua bao binh lửa
Nay trở về, bên cạnh cửa các con
Mẹ lắc đầu: Người chỉ chút tình còn
Thuở mới lớn, Mẹ gặp người không được
Đến bây giờ, xuôi ngược lại quay về
Xin rắp nói chút tình xưa dù muộn
Hăm bốn tuổi Mẹ nói suông không được!
Dẫu chi chẳng, Mẹ một bước vì con
Mẹ chẳng quay lại dù tuổi còn non
Lời nói không! như đình đòn đóng cột
Người đành quay đi, chắc lòng nóng sốt
Tôi nói Mẹ: vẫn tốt con gọi Ba!
Mẹ ngắt lòng như lấy thước gạch qua
Chăm con thơ, hai đứa đủ rồi mà!
Mẹ quạnh hui, tôi ngỡ ngàng vặn hỏi
Sao Mẹ để người đi, khi trở lại



Vẫn một mình chưa vương bận phu thê
Mẹ nói không! Mẹ chỉ sống yên bề!
Bên cạnh Mẹ, Hai con yêu đã đủ.
Hăm bốn tuổi, nỡ nà hoa còn nụ,
Xuân còn xanh, sức sống vẫn còn xanh
Mẹ lại bảo: Mẹ không đành rời được!
Mẹ bảo khẽ: không phân ly nửa bước,
Dù ra đi, Ba để lại tấm lòng...
Nhắc nhủ Mẹ: Vì con mà vui sống!
Con bơ vơ khi không bóng Mẹ Cha!
Trả lời tôi câu hỏi mười năm qua
Thế đó con! Mẹ giữ lời Ba nuôi
Chung thủy một lòng, giữ trọn tình Cha
Ôm lấy Mẹ, tôi chan hòa nước mắt!
Suốt đời Mẹ, vì con mà lăn lóc...
Yên phận mình, chẳng than khóc bi ai.
Mẹ! MẸ ơi! Mẹ là Phật Như Lai
Mẹ trải dài lãng lai tình Từ Mẫu.
Tạ ơn Mẹ! Ngàn đời con ghi dấu!!!

MƯỜI THƯƠNG DẰNG MẸ

Một thương cốt nhục cù lao,
Hai thương dốc hết Tâm bào cho con.
Ba thương sương phụ mỗi mòn
Bốn thương lận lợi nuôi con cam phần
Năm thương giữ nét thanh bân
Sáu thương giữ hạnh một lần tông phụ.
Bảy thương lòng giốc chí TU
Tám thương Tâm lượng BI, NHU, NHẪN, HÒA.
Chín thương HIẾU HẠNH MẸ, CHA.
Mười thương Lòng rộng bao la giúp đời.
Ôm đau làng xóm trong ngoài,
Thầy Lang "dân dã" Mẹ thời giúp ngay.
Chẳng chi tiền, bạc chạy vay
Mát tay Mẹ chữa lành ngay vện tròn
Đêm ngày con nguyện nỉ non
Câu cho Mẹ đặt vuông tròn ĐẠO TÂM.

thơ

NGUYỆT-BÌNH